

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

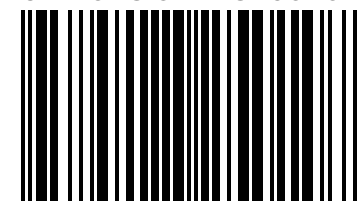
International Labour Organization (ILO)
International Programme on the Elimination of Child Labour (IPEC)

Văn phòng ILO - IPEC tại Việt Nam
48-50 Nguyễn Thái Học
Hà Nội, Việt Nam

Tel.: (84 4) 3734 0902
Fax: (84 4) 3734 0904
Email: hanoi@ilo.org
Website: www.ilo.org/ipec



ISBN 978-92-2-825010-7



9 789228 250107



Bộ Lao động
Thương binh và Xã hội

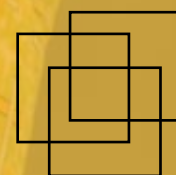


Tổ chức
Lao động
Quốc tế



TÌM HIỂU VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM

Tài liệu đào tạo, tập huấn



CÁC HOẠT ĐỘNG và tài liệu tham khảo

Chương trình quốc tế về xoá bỏ lao động trẻ em

4

TÌM HIỂU VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM

Tài liệu đào tạo, tập huấn

CÁC HOẠT ĐỘNG & tài liệu tham khảo 4

Bản quyền © Tổ chức Lao động Quốc tế 2011

Xuất bản lần đầu năm 2011

Ấn phẩm của Tổ chức Lao động Quốc tế được hưởng quy chế bản quyền theo Nghị định thư số 2 của Công ước Bản quyền Toàn cầu. Tuy nhiên, một số trích đoạn ngắn từ những ấn phẩm này có thể được sử dụng mà không cần xin phép với điều kiện phải nêu rõ nguồn trích dẫn. Mọi hoạt động tái bản hoặc dịch thuật phải được phép của Phòng Xuất bản (Quyền và Giấy phép) của Văn phòng Lao động Quốc tế, CH-1211, Geneva 22, Thụy Sĩ, email: pubdroit@ilo.org. Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế khuyến khích mọi đơn xin cấp phép.

Các thư viện, viện nghiên cứu và các cơ quan khác có thẩm quyền xuất bản có thể được in sao theo giấy phép được cấp cho mục đích này. Để tìm hiểu về quyền xuất bản của các quốc gia, mời tham khảo tại trang www.ifro.org.

IPEC

Tìm hiểu về lao động trẻ em: Tài liệu đào tạo, tập huấn / Văn phòng Lao động Quốc tế, Chương trình Quốc tế về Xóa bỏ Lao động trẻ em (IPEC), Văn phòng ILO tại Việt Nam - Hà Nội: ILO, 2011- 4q + CD-ROM

Tìm hiểu về lao động trẻ em: Tài liệu đào tạo, tập huấn. ISBN: 978-92-2-825003-9 (Bộ in hoàn chỉnh);

Quyển 1: Hướng dẫn sử dụng tài liệu / ISBN: 978-92-2-825004-6 (Print); 978-92-2-825005-3 (Web PDF)

Quyển 2: Nhận thức về lao động trẻ em / ISBN: 978-92-2-825006-0 (Print); 978-92-2-825007-7 (Web PDF);

Quyển 3: Hành động để ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em / ISBN: 978-92-2-825008-4 (Print); 978-92-2-825009-1 (Web PDF);

Quyển 4: Các hoạt động và tài liệu tham khảo / ISBN: 978-92-2-825010-7 (Print); 978-92-2-825011-4 (Web PDF);

CD-Rom: ISBN: 978-92-2-825207-1.

International Labour Office; ILO International Programme on the Elimination of Child Labour, ILO Country Office for Viet Nam

Lao động trẻ em / tài liệu giảng dạy, tập huấn / phương pháp giảng dạy, tập huấn / Việt Nam - 13.01.2

Bản tiếng Anh: *Learning about child labour: A training manual*: ISBN: 978-92-2-125003-6 (Print complete set); *Book 1: A trainer's guide*: ISBN: 978-92-2-125004-3 (Print); 978-92-2-125005-0 (Web PDF); *Book 2: Understanding child labour*: ISBN: 978-92-2-125006-7 (Print); 978-92-2-125007-4 (Web PDF); *Book 3: Action against child labour*: ISBN: 978-92-2-125008-1 (Print); 978-92-2-125009-8 (Web PDF); *Book 4: Exercises and resources*: ISBN: 978-92-2-125010-4 (Print); 978-92-2-125011-1 (Web PDF); CD-Rom: ISBN: 978-92-2-125207-8, Hanoi, 2011.

Phân loại trong danh mục các ấn phẩm của ILO

LỜI CẢM ƠN

Ấn phẩm này được thực hiện bởi Ông Vũ Công Giao, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, theo yêu cầu của IPEC với sự hỗ trợ và góp ý của Văn phòng IPEC tại Hà Nội và Cục Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Việt Nam.

Ấn phẩm này của ILO được tài trợ bởi Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Tây Ban Nha (AECID) (Dự án VIE/08/06/SPA).

Ấn phẩm này không phản ánh quan điểm hoặc chính sách của Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Tây Ban Nha (AECID) và không đề cập đến tên thương hiệu, sản phẩm thương mại hay tổ chức nào thể hiện sự tài trợ của Chính phủ Tây Ban Nha.

Các chức danh sử dụng trong ấn phẩm của ILO tuân thủ quy định của Liên Hợp Quốc và cách trình bày ấn phẩm này không thể hiện bất cứ quan điểm nào của Văn phòng Lao động Quốc tế về tình trạng pháp luật của bất cứ quốc gia, vùng đất đai hay lãnh thổ nào hoặc của chính quyền nào, đồng thời cũng không ấn định phạm vi về ranh giới.

Trách nhiệm về quan điểm thể hiện trong các bài báo, nghiên cứu và các đóng góp khác hoàn toàn thuộc về tác giả của ấn phẩm và ấn phẩm không hàm chứa bất kỳ sự phê chuẩn nào của Văn phòng Lao động Quốc tế về các ý kiến thể hiện trong đó.

Tham chiếu liên quan đến tên của các công ty hay các sản phẩm và quy trình không thể hiện quan điểm của Văn phòng Lao động Quốc tế, và bất cứ sai sót nào trong việc đề cập đến tên một công ty, một sản phẩm hay quy trình thương mại cụ thể nào không phải là dấu hiệu của một sự không đồng thuận.

Có thể tìm thấy các ấn phẩm và sản phẩm điện tử của ILO tại các nhà sách lớn hoặc các Văn phòng của ILO ở các nước, hay lấy trực tiếp tại Phòng Xuất bản ILO, Văn phòng Lao động Quốc tế, CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ. Để lấy miễn phí catalog và danh sách ấn phẩm mới và các ấn phẩm điện tử xin liên hệ theo địa chỉ trên hoặc qua email: pubvente@ilo.org hoặc vào trang web của chúng tôi: www.ilo.org/publns.

Website: www.ilo.org/ipec

Ảnh: Bản quyền @ ILO, ActionAid, Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Thị Quế, Trường Hoa Sữa

Tại: Việt Nam

Thiết kế: Luck House Graphics

Mục lục

Giới thiệu	1
PHẦN 1: Các hoạt động	2
Bài 1: Khái niệm lao động trẻ em	3
Bài 2: Thực trạng lao động trẻ em	5
Bài 3: Nguyên nhân của lao động trẻ em	10
Bài 4: Tác động tiêu cực của lao động trẻ em	11
Bài 5: Khái quát khuôn khổ pháp luật quốc tế và Việt Nam về vấn đề lao động trẻ em	14
Bài 6: Pháp luật quốc tế và Việt Nam về độ tuổi lao động tối thiểu	16
Bài 7: Pháp luật quốc tế và Việt Nam về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất	18
Bài 8: Giáo dục và lao động trẻ em	20
Bài 9: Giới và lao động trẻ em	22
Bài 10: Lao động trẻ em và HIV/AIDS	23
Bài 11: Lao động trẻ em ở các vùng đồng bào dân tộc	26
Bài 12: Vấn đề di cư và lao động trẻ em	27
Bài 13: Tầm quan trọng của khảo sát về lao động trẻ em	29
Bài 14: Các bước khảo sát về lao động trẻ em	30
Bài 15: Tổng quan các biện pháp giải quyết vấn đề lao động trẻ em	31
Bài 16: Ngăn ngừa lao động trẻ em	32
Bài 17: Giám sát, xử lý vi phạm và bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân lao động trẻ em	33
Bài 18: Phối hợp hành động để ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em	42
Bài 19: Giám sát và đánh giá dự án về lao động trẻ em	45
Bài 20 : Vận động tham gia và chia sẻ kinh nghiệm hoạt động về lao động trẻ em	47

Mẫu đánh giá cuối tập huấn	49
PHẦN 2: Những văn kiện quốc tế chủ chốt	52
(I) Những văn kiện quốc tế chủ chốt về vấn đề lao động trẻ em	53
(II) Những văn kiện chủ chốt của Việt Nam về vấn đề lao động trẻ em	79

Giới thiệu

Đây là quyển cuối cùng của bộ tài liệu tập huấn. Quyển này cung cấp hệ thống tài liệu tham khảo và các hoạt động được thiết kế tương ứng với các bài học trong hai Quyển 2 và 3 để sử dụng khi thực hiện các bài học đó.

Các hoạt động trong quyển này được xây dựng tương ứng với nhiều phương pháp tập huấn khác nhau, cụ thể như phương pháp thẻ giấy, động não, thảo luận nhóm nhỏ, thảo luận nhóm lớn, nghiên cứu bài học kinh nghiệm, nghiên cứu tình huống, v.v. Mỗi bài học được thiết kế kèm theo một vài hoạt động để giảng viên có thể chọn lọc và sử dụng tùy hoàn cảnh. Vai trò của các hoạt động ít nhiều khác nhau. Cụ thể, có hoạt động được sử dụng để khởi động, hướng dẫn người học bắt đầu tìm hiểu vấn đề mới, có hoạt động để giúp họ đào sâu vấn đề đã học, trong khi có hoạt động khác để giúp họ tổng hợp những kiến thức đã thu được trong toàn bộ bài học. Số lượng và loại hoạt động trong mỗi bài cũng được xây dựng trên cơ sở tính đến sự phù hợp về mặt thời gian, điều kiện, hoàn cảnh và năng lực của người sử dụng ở Việt Nam. Tuy nhiên, các hoạt động và phương pháp tập huấn này chỉ mang tính chất tham khảo. Tập huấn viên nên cân nhắc về mức độ phù hợp của phương pháp và các hoạt động này trong bối cảnh một khoá tập huấn cụ thể.

Hệ thống tài liệu tham khảo chứa đựng trong quyển này bao gồm những văn kiện quốc tế và văn bản pháp luật Việt Nam liên quan mật thiết nhất đến việc ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em. Những tài liệu này nhằm mục đích giúp các giảng viên và học viên dễ dàng và thuận tiện trong việc tra cứu, sử dụng khi cần thiết mà không cần phải tìm kiếm qua các nguồn khác.



PHẦN 1: **Các hoạt động**

Bài 1: Khái niệm lao động trẻ em

Hoạt động 1.1: Thế nào là 'trẻ em'?

Thảo luận nhóm lớn. Giảng viên lần lượt hỏi học viên các câu hỏi sau: *Một người ở độ tuổi nào thì có thể coi là trẻ em? Thế nào là 'trẻ em' theo pháp luật quốc tế? Thế nào là 'trẻ em' theo pháp luật Việt Nam?* Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng và phân tích.

Hoạt động 1.2: Thế nào là 'lao động trẻ em'?

Làm việc nhóm nhỏ. Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định những công việc trẻ em thường làm hàng ngày mà các thành viên trong nhóm cho rằng có thể chấp nhận và không thể chấp nhận được với trẻ em. Gợi ý với các nhóm là những yếu tố cơ bản nên được sử dụng làm cơ sở để thảo luận bao gồm: (1) Độ tuổi của trẻ em tham gia làm việc; (2) Điều kiện làm việc của trẻ; (3) Số giờ làm việc của trẻ; và (4) Ảnh hưởng của lao động với việc học hành của trẻ.

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết kết quả lên giấy A0 rồi cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

Hoạt động 1.3: Nghiên cứu tình huống

Làm việc nhóm nhỏ hoặc theo cặp đôi. Giảng viên phát cho mỗi học viên một bảng liệt kê các trường hợp điển cứu dưới đây và đề nghị các cặp thảo luận, trả lời các câu hỏi kèm theo. Sau khi các cặp thảo luận xong, giảng viên tập hợp các ý kiến lên bảng và phân tích.

THẮNG là một nam học sinh 14 tuổi. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, em phải đi làm ở cơ sở sản xuất gạch 4 giờ/ngày, vào các buổi chiều để giúp bố mẹ. Vì vậy, em phải bỏ các buổi học chiều, chiếm khoảng 50% tổng thời gian học ở trường.

1. Liệu có thể coi Thắng là một nạn nhân của lao động trẻ em? Giải thích vì sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Thắng tự nguyện làm việc như vậy nhưng không phải để hỗ trợ kinh tế gia đình mà để kiếm tiền tiêu riêng?
3. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu cha mẹ Thắng phản đối, ngăn cấm nhưng em trốn cha mẹ đi làm?

LAN là một em gái 16 tuổi nuôi khát vọng mãnh liệt trở thành một người mẫu. Để có thể thực hiện giấc mơ đó, Lan tự nguyện đi làm cho một quán bar-karaoke vào buổi tối. Lúc đầu, Lan có thể vừa làm buổi tối vừa đi học ở trường vào ban ngày như các bạn, tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn sau đó

cô bé buộc phải bỏ học để chỉ đi làm vì không đủ sức kết hợp cả hai công việc. Khi làm việc ở quán bar, Lan bị chủ quán buộc phải ăn mặc hở hang, khêu gợi và phải biểu diễn khiêu dâm cho khách xem.

1. Liệu có thể coi Lan là một nạn nhân của lao động trẻ em? Giải thích vì sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Lan vẫn có thể kết hợp giữa việc làm ở quán bar vào ban đêm và đi học ở trường vào ban ngày?
3. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Lan không bị chủ quán buộc phải ăn mặc hở hang, khêu gợi và phải biểu diễn khiêu dâm cho khách xem?

MINH là một cậu bé 12 tuổi sống với cha mẹ ở một vùng nông thôn. Cha cậu bé không may bị ốm nặng và vì vậy, mẹ cậu phải đi vay mượn một số tiền lớn của một người cho vay nặng lãi trong làng để chữa trị cho ông. Vì số tiền này quá lớn so với nguồn thu nhập ít ỏi của gia đình, Minh tự nguyện làm việc như một đầy tớ cho người cho vay nặng lãi để trừ nợ cho cha mẹ. Người chủ của Minh bắt em phải bỏ học và phải làm việc nhiều giờ trong ngày, và phải làm cả những công việc nặng nhọc.

1. Liệu có thể coi Minh là một nạn nhân của lao động trẻ em? Giải thích vì sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Minh đã đủ 16 tuổi?
3. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Minh được người chủ cho phép tiếp tục đi học nhưng vẫn phải làm nhiều công việc nặng nhọc?

HẠNH là một cô bé 10 tuổi sống với gia đình ở một vùng nông thôn nghèo. Do gia cảnh nghèo khó, cha mẹ Hạnh “gửi gắm” em cho gia đình người dì sống ở thành phố. Hạnh không phản đối mà còn thấy háo hức với việc đó. Ở nhà người dì, Hạnh được đến trường nhưng khi về nhà thì phải làm các công việc gia đình. Hạnh cảm thấy mình là người may mắn so với các bạn cùng lứa ở quê.

1. Liệu có thể coi Hạnh là một nạn nhân của lao động trẻ em? Giải thích vì sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu người dì không cho Hạnh đi học?
3. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Hạnh không tự nguyện mà bị buộc phải lên sống với gia đình người dì?

MAI là một cô bé 14 tuổi sống với anh trai và chị dâu ở một khu vực biên giới. Hàng ngày em vượt biên giới theo đường mòn sang nước bạn để bán hàng ở một cửa hàng của một người quen với gia đình anh trai. Mai cảm thấy hạnh phúc với công việc bán hàng như vậy và quyết định bỏ học vì cô bé muốn trước hết kiếm thật nhiều tiền. Hàng tháng khi nhận được tiền công Mai gửi gia đình anh trai một khoản để góp vào việc chi tiêu chung, số tiền còn lại cô bé nhờ người anh cất giữ để sau này có thể tự mở một cửa hàng.

1. Liệu có thể coi Mai là một nạn nhân của lao động trẻ em? Giải thích vì sao?
2. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Mai bị buộc phải làm việc và bị buộc phải bỏ học?
3. Tình huống này có thể giải thích như thế nào nếu Mai mới 12 tuổi?

Hoạt động 1.4

Làm việc nhóm nhỏ, có thể chia nhóm theo địa bàn cư trú. Liệt kê một số công việc mà trẻ em trên địa bàn cư trú làm. Xác định những công việc nào thuộc nhóm lao động trẻ em. Các nhóm sau đó cử đại diện trình bày kết quả nhóm mình.

Bài 2: Thực trạng lao động trẻ em

Hoạt động 2.1: Trắc nghiệm hiểu biết về tình hình lao động trẻ em trên thế giới¹

Làm việc theo cặp đôi. Đề nghị các cặp thảo luận và cùng giải quyết hoạt động trắc nghiệm dưới đây. Sau khi các cặp đã hoàn thành hoạt động, tổ chức thảo luận cả lớp về từng câu hỏi trong hoạt động.

Tình hình lao động trẻ em trên thế giới

1. Dạng lao động trẻ em nào dưới đây có tính phổ biến nhất?

- A. Làm việc trong các công xưởng, hầm mỏ
- B. Giúp việc gia đình
- C. Làm các công việc nhà nông
- D. Kiếm sống trên đường phố
- E. Hoạt động tình dục vì mục đích thương mại

Câu trả lời của bạn:

2. Lao động trẻ em thường phổ biến ở:

- A. Ở những nước nghèo, đang phát triển
- B. Ở những nước giàu, công nghiệp hóa
- C. Ở cả những nước nghèo, đang phát triển và những nước giàu, công nghiệp hóa

Câu trả lời của bạn:

3. Xu hướng diễn biến của lao động trẻ em trên thế giới là:

- A. Tăng lên trong những thập kỷ gần đây.
- B. Giảm xuống trong những thập kỷ gần đây.
- C. Ổn định (không tăng lên hay giảm đi) trong những thập kỷ gần đây.

Câu trả lời của bạn:

¹ Tham khảo từ: Hiểu về lao động trẻ em, USA, www.fieldsofhope.org.

4. Số lượng trẻ em lao động trên thế giới hiện nay là:

- A. Dưới 100 triệu em
- B. Dưới 200 triệu em
- C. Trên 200 triệu em

Câu trả lời của bạn:

5. Phân theo giới tính, xét chung tình hình trẻ em lao động trên thế giới hiện nay là:

- A. Số trẻ nam cao hơn trẻ nữ
- B. Số trẻ nữ cao hơn trẻ nam
- C. Số trẻ nam và nữ tương đương nhau.

Câu trả lời của bạn:

6. Phân theo khu vực, tỷ lệ trẻ em lao động/tổng số trẻ em cao nhất ở:

- A. Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương
- B. Khu vực tiểu vùng sa mạc Sa-ha-ra của châu Phi
- C. Khu vực châu Mỹ La-tinh
- D. Khu vực Đông Âu

Câu trả lời của bạn:

7. Phân theo lĩnh vực, trẻ em lao động phổ biến nhất ở:

- A. Nông nghiệp
- B. Công nghiệp
- C. Dịch vụ

Câu trả lời của bạn:

8. Phân theo tính chất công việc:

- A. Đa số trẻ em lao động phải làm các công việc nguy hại
- B. Đa số trẻ em lao động không phải làm các công việc nguy hại
- C. Số trẻ em lao động ở hai mục A, B là tương đương

Câu trả lời của bạn:

9. Ở hầu hết quốc gia, trẻ em lao động:

- A. Được trả công cao hơn so với lao động đã thành niên
- B. Được trả công thấp hơn so với lao động đã thành niên
- C. Không được trả công mà chỉ được nuôi ăn.

Câu trả lời của bạn:

Gợi ý cho giảng viên:

Các câu trả lời phù hợp là: 1(C); 2(C), 3(B), 4(C), 5(A), 6(B), 7(A), 8(A), 9(C)

(Lưu ý: Các câu trả lời dựa trên báo cáo về tình hình lao động trẻ em của ILO ở thời điểm 2010. Tình hình có thể có những biến chuyển trong những năm sau).

Hoạt động 2.2: Tình hình lao động trẻ em ở Việt Nam

Làm việc theo cặp đôi. Đề nghị các cặp thảo luận và cùng giải quyết hoạt động trắc nghiệm dưới đây. Sau khi các cặp đã hoàn thành hoạt động, tổ chức thảo luận cả lớp về từng câu hỏi trong hoạt động.

Tình hình lao động trẻ em ở Việt Nam

1. Dạng lao động trẻ em nào dưới đây có tính phổ biến nhất?

- A. Làm việc trong các công xưởng, hầm mỏ
- B. Giúp việc gia đình
- C. Làm các công việc nhà nông
- D. Kiếm sống trên đường phố
- E. Hoạt động tình dục vì mục đích thương mại

Câu trả lời của bạn:

2. Lao động trẻ em có tính phổ biến hơn ở:

- A. Khu vực miền núi
- B. Khu vực đồng bằng
- C. Khu vực đô thị

Câu trả lời của bạn:

3. Xu hướng diễn biến của lao động trẻ em ở Việt Nam là:

- A. Tăng lên trong những thập kỷ gần đây.
- B. Giảm xuống trong những thập kỷ gần đây.
- C. Ổn định (không tăng lên hay giảm đi) trong những thập kỷ gần đây.

Câu trả lời của bạn:

4. Số lượng trẻ em lao động ở Việt Nam hiện nay là:

- A. Dưới 100.000 em
- B. Dưới 200.000 em
- C. Trên 200.000 em

Câu trả lời của bạn:

5. Phân theo giới tính, xét chung tình hình trẻ em lao động ở Việt Nam hiện nay là:

- A. Số trẻ nam cao hơn trẻ nữ
- B. Số trẻ nữ cao hơn trẻ nam
- C. Số trẻ nam và nữ tương đương nhau.

Câu trả lời của bạn:

6. Phân theo vùng, tỷ lệ trẻ em lao động/tổng số trẻ em cao nhất ở:

- A. Các tỉnh miền núi Tây Bắc bộ
- B. Các tỉnh miền núi Đông Bắc bộ
- C. Các tỉnh đồng bằng Bắc bộ
- D. Các tỉnh duyên hải bắc Trung bộ
- E. Các tỉnh duyên hải nam Trung bộ
- F. Các tỉnh Tây Nguyên
- G. Các tỉnh Đông Nam bộ
- H. Các tỉnh Tây Nam bộ

Câu trả lời của bạn:

7. Phân theo lĩnh vực, trẻ em lao động phổ biến nhất ở:

- A. Nông nghiệp
- B. Công nghiệp
- C. Dịch vụ

Câu trả lời của bạn:

8. Phân theo tính chất công việc:

- A. Đa số trẻ em lao động phải làm các công việc nguy hại
- B. Đa số trẻ em lao động không phải làm các công việc nguy hại
- C. Số trẻ em lao động ở hai mục A, B là tương đương

Câu trả lời của bạn:

9. Trẻ em lao động thường:

- A. Được trả công cao hơn so với lao động đã thành niên
- B. Được trả công thấp hơn so với lao động đã thành niên
- C. Không được trả công mà chỉ được nuôi ăn.

Câu trả lời của bạn:

10. Dạng công việc có tỷ lệ trẻ em lao động cao nhất:

- A. Làm thuê (làm công ăn lương).
- B. Tham gia làm kinh tế gia đình.
- C. Vừa làm thuê vừa làm kinh tế gia đình
- D. Tự kiếm sống

Câu trả lời của bạn:

Gợi ý cho giảng viên:

Các câu trả lời phù hợp là: 1(C); 2(A), 3(B), 4 (không rõ, vì không có số liệu chính thức), 5(C), 6(A), 7(A), 8 (không rõ, vì không có số liệu chính thức), 9(C), 10(C).

(Lưu ý: Các câu trả lời chỉ là tương đối, dựa trên các nghiên cứu và báo cáo gần đây của ILO và một số cơ quan, tổ chức của Việt Nam. Tình hình có thể có những biến chuyển trong những năm sau).

Hoạt động 2.3: Những dạng lao động trẻ em phổ biến ở Việt Nam

Làm việc theo nhóm nhỏ. Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định những dạng lao động trẻ em phổ biến ở Việt Nam. Sau khi kết thúc, đề nghị các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận trước cả lớp.

Hoạt động 2.4: Công việc thời thơ ấu

Làm việc theo cặp đôi. Cung cấp cho mỗi học viên một phiếu trắc nghiệm dưới đây và đề nghị mọi người hoàn thành, sau đó trao đổi với người bên cạnh. Giảng viên tổng hợp xem trong lớp có những ai đã từng rơi vào hoàn cảnh lao động trẻ em.

Các công việc có thể phải làm trong thời thơ ấu (ngoài hoạt động học tập, vui chơi, giải trí)	Độ tuổi phải làm các công việc đó	Ước tính thời gian phải làm công việc đó
• Chăn trâu, cắt cỏ... • Chăn gà/vịt/ngan/ngỗng... • Trồng nom, quét dọn nhà cửa... • Chăm sóc em nhỏ hoặc người già... • Lao động ngoài đồng ruộng (cày bừa, cấy hái...) • Đi ở. • Đi làm thuê, làm mướn... • Lao động trong công xưởng, nhà máy, xí nghiệp, công trường, hầm mỏ... • Theo tàu/thuyền đi đánh cá trên sông/biển... • Bị bắt buộc/lôi kéo vào các hoạt động trái pháp luật (buôn bán ma túy, buôn lậu...) • Bị lạm dụng/bóc lột tình dục. • Bị sử dụng vào việc sản xuất văn hoá phẩm hay biểu diễn khiêu dâm. • Bị gán nợ, cầm cố... • Bị bắt cóc, buôn bán... • Bị bắt buộc phải gia nhập lực lượng vũ trang và tham gia chiến sự. • (các công việc khác, nếu có)		
Tự đánh giá (có thể coi mình là lao động trẻ em hay không):		

GHI CHÚ:

☆ Nếu có nhiều thời gian, các Hoạt động 2.2, 2.4 có thể thực hiện theo nhóm nhỏ.

Bài 3: Nguyên nhân của lao động trẻ em

Hoạt động 3.1: Nguyên nhân của lao động trẻ em

Động não. Phát cho mỗi học viên một hoặc hai thẻ giấy. Đề nghị học viên ghi vắn tắt lên mỗi thẻ giấy một yếu tố mà theo họ là nguyên nhân của lao động trẻ em.

Đề nghị học viên dán các thẻ giấy đã viết lên bảng. Giảng viên phân loại và phân tích. Phân biệt giữa những nguyên nhân chung trên thế giới và những nguyên nhân đặc thù của lao động trẻ em ở Việt Nam.

Hoạt động 3.2

Làm việc theo nhóm nhỏ. Đề nghị mỗi nhóm chọn ra một tình huống lao động trẻ em họ đã gặp trong cuộc sống. Từng nhóm phân tích nguyên nhân dẫn đến trường hợp lao động trẻ em đó (viết ra giấy A0). Sau đó, mỗi nhóm cử một đại diện trình bày tình huống và kết quả phân tích trước lớp.

Hoặc

Làm việc theo nhóm nhỏ. Thảo luận, tập hợp và xếp loại những nguyên nhân của lao động trẻ em ở Việt Nam. Với mỗi nguyên nhân, xác định những giải pháp chính. Viết ra trên giấy A0 theo mẫu dưới đây rồi cử đại diện trình bày trước cả lớp.

Stt	Nguyên nhân	Giải pháp

GHI CHÚ:

- ☆ Nếu có nhiều thời gian, Hoạt động 3.1 có thể thực hiện theo nhóm nhỏ.
- ☆ Giảng viên có thể áp dụng phương pháp Cây vấn đề đối với Hoạt động 3.2.

Bài 4: Tác động tiêu cực của lao động trẻ em

Hoạt động 4.1²: Tác động tiêu cực của lao động trẻ em

Làm việc theo nhóm nhỏ. Đề nghị các nhóm thảo luận và điền vào bảng khảo sát về tác động tiêu cực của lao động trẻ em dưới đây. Sau khi các nhóm thảo luận xong, đề nghị cử một đại diện trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

Loại công việc	Những rủi ro tiềm ẩn
• Cày bừa, cấy hái trên đồng ruộng • Làm công nhân trong xưởng dệt, may • Làm công nhân trong xưởng làm gốm, thủy tinh • Làm công nhân trong xưởng cơ khí • Làm công nhân trong xưởng giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm • Theo tàu đi đánh bắt cá xa bờ • Kiếm sống trên đường phố • Tham gia khai thác khoáng sản trong hầm lò • Phục vụ trong các quán bar, mát-xa • Làm giúp việc gia đình • Tham gia buôn lậu ma túy • Tham gia lực lượng vũ trang	

Hoạt động 4.2: Nghiên cứu tình huống

Làm việc theo cặp đôi. Cung cấp cho các học viên bản trích dưới đây. Đề nghị các cặp thảo luận những hậu quả có thể xảy ra trong mỗi tình huống sau. Sau khi các cặp thảo luận xong, giảng viên tập hợp các ý kiến lên bảng và phân tích.

² Tham khảo từ: Lao động trẻ em: giáo trình cho sinh viên đại học, trang 64-67.
<http://www.ilo.org/ipeinfo/product/viewproduct.do?productId=174>.

(I)

“... Ở xã này cũng như các xã gần đây mà chúng tôi biết thì thường trẻ con học hết tiểu học là nghỉ thôi. Riêng ở xã này mấy năm gần đây khi bước vào khai giảng năm học mới chúng tôi rất vất vả đến từng nhà để vận động các em đi học trở lại. Chúng thường theo nhau nghỉ học hàng loạt để ở nhà đi làm giúp cha mẹ hoặc rủ nhau đi bán hàng rong cho khách để kiếm tiền. Nhiều đứa cũng không thích đi học và thích đi bán hàng hơn vì kiếm được tiền tự chi tiêu và giúp đỡ cho gia đình. Một số ít cha mẹ thấy trẻ đi làm kiếm được tiền còn hơn việc đi học...Chất lượng học sinh ở vùng cao thì chắc chắn là thấp hơn nhiều so với học sinh vùng ở vùng thấp, có nhiều đứa học hết cấp 1 mà viết tên của mình còn chưa viết đúng...”

(II)

“... Các con tôi chúng nó theo nhau đi bán hàng cho khách du lịch, đứa lớn dẫn đứa bé, chúng đi bán cũng được từ 30 -50 ngàn/ngày số tiền đó là thu nhập chính của gia đình chúng tôi (hơn làm nông nghiệp nhiều), tôi bảo chúng cứ đi bán đi để giúp cho gia đình đỡ khó khăn. Chúng nó đi bán cũng thấy vui vì công việc cũng không vất vả như đi làm ruộng, thỉnh thoảng gặp được ông Tây tốt cho chúng nó ăn, cho tiền thừa... vợ chồng tôi tính có lẽ năm tới không cho chúng đi học nữa để đi bán hàng vừa kiếm được tiền vừa không vất vả, chứ học cũng chỉ biết cái chữ là đủ rồi...”

(III)

“... Các bạn bỏ học đi làm cũng thay đổi nhiều. Các bạn ấy theo người lớn đi nhậu nhẹt, có lúc còn tham gia cờ bạc. Trước đây, chưa bỏ bạn ấy có thể đầu...Trẻ con đi làm phải va chạm với nhiều hạng người phức tạp, rất dễ hư hỏng,...

... Tuổi các cháu còn bồng bột, lại rơi vào môi trường phức tạp, cha mẹ rất lo lắng... Từ hồi đi làm, dường như cháu lảm lì, ít nói hơn, dạy bảo cũng không nghe lời như trước...

... Trẻ em đi làm không lễ phép bằng các trẻ em khác, do tiếp xúc xã hội sớm, thiếu sự quan tâm của cha mẹ...

... Trẻ em hư hay uống rượu, nhậu nhẹt, đánh lộn, chửi thề bậy bạ....

... Cháu đi làm rồi, cũng ngại nói chuyện với các bạn cùng học cũ... chẳng biết nói chuyện gì, nói chuyện sợ họ chê mình không hiểu biết...

(IV)

“Xã Nhơn Mỹ phát triển mạnh nghề sản xuất gạch ngói, hầu hết các hộ sản xuất đều sử dụng lao động trẻ em ở nhiều mức độ khác nhau. Chủ lò thuê hộ gia đình vận chuyển cả lò gạch thành phẩm xuống thuyền để vận chuyển đi. Cha mẹ đi công gạch cho cả con em đi làm cùng. Có em 6-7 tuổi đã bắt đầu tham gia công gạch cùng cha mẹ, anh chị....Nhìn chung các em tham gia làm gạch ngói phân có thể chia theo độ tuổi gắn liền với các phần việc như sau:

- Trẻ 6-10 tuổi: vận chuyển gạch, ngói vào lò để nung và vận chuyển gạch thành phẩm từ lò ra bến sông.

- Trẻ 11-14 tuổi: ép gạch, phơi, xếp gạch vào lò, ra lò, vận chuyển.

- Trẻ 15-17 tuổi: làm đất, ép gạch, xếp gạch vào lò, ra lò, vận chuyển.

Hoạt động 4.3

1. Đề nghị học viên bình luận hai tuyên bố sau:

- ☆ “Bất cứ cộng đồng nào sử dụng lao động trẻ em có nghĩa là ăn cướp của chính mình, ăn cướp tương lai của chính mình”
- ☆ “Phát triển bền vững là sự phát triển để đáp ứng những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến khả năng thoả mãn những nhu cầu của thế hệ tương lai”

2. Phát cho mỗi học viên một mảnh giấy, trên đó ghi hai câu (bằng chữ to) như sau rồi yêu cầu học viên hoàn thiện 2 câu trên. Ghim tất cả các mảnh giấy đó lên tường lớp học và lưu ở đó suốt thời gian tập huấn.

- ◆ “Tôi nghĩ, lao động trẻ em là.....
- ◆
- ◆ “Tôi nghĩ, đấu tranh xoá bỏ lao động trẻ em là/cần.....
- ◆

GHI CHÚ:

- ☆ Nếu có nhiều thời gian, Hoạt động 4.2 có thể thực hiện theo nhóm nhỏ.

Bài 5: Khái quát khuôn khổ pháp luật quốc tế và Việt Nam về vấn đề lao động trẻ em

Hoạt động 5.1: Pháp luật quốc tế về lao động trẻ em

Thảo luận nhóm lớn. Giảng viên lần lượt hỏi học viên những câu hỏi dưới đây:

- Anh/chị có biết từ khi nào vấn đề lao động trẻ em được đề cập trong luật quốc tế? Trong văn kiện nào?
- Anh/chị có biết tổ chức nào trên thế giới tiên phong trong việc ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em?

Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng và phân tích.

Hoạt động 5.2: Pháp luật Việt Nam về lao động trẻ em

Làm việc theo cặp đôi. Đề nghị các cặp thảo luận và xác định bất cứ văn bản pháp luật hoặc chương trình kinh tế-xã hội nào ở Việt Nam mà theo họ đề cập hoặc có tác dụng đến việc ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em. Sau khi các cặp thảo luận xong, giảng viên tập hợp các ý kiến lên bảng và phân tích.

Hoặc

Động não. Phát cho mỗi học viên một hoặc hai thẻ giấy. Đề nghị ghi vắn tắt lên mỗi thẻ giấy tên của một văn bản pháp luật hoặc chương trình kinh tế-xã hội nào ở Việt Nam mà theo họ đề cập hoặc có tác dụng đến việc ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em. Đề nghị học viên dán thẻ giấy lên bảng. Giảng viên tập hợp và phân tích.

Hoạt động 5.3

Thảo luận nhóm lớn. Đề nghị học viên nhận xét về hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam về ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em.

Gợi ý cho giảng viên:

Xét tổng quát, hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam đã phù hợp với những tiêu chuẩn quốc tế cơ bản về lao động trẻ em.

Tuy nhiên, Việt Nam hiện vẫn chưa có một khung pháp luật để ngăn ngừa việc sử dụng lao động trẻ em ở khu vực kinh tế phi chính thức, trong khuôn khổ gia đình và việc trẻ em tự kiếm sống. Thêm vào đó, Việt Nam cũng chưa có quy định

riêng về công tác thanh tra, kiểm tra về lao động chưa thành niên...Pháp luật Việt Nam cũng chưa có quy định thống nhất về khái niệm lao động trẻ em, gây khó khăn cho việc áp dụng trong thực tế, nhất là cho việc xử phạt. Danh mục các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc ảnh hưởng xấu đến nhân cách trẻ em cũng chưa được cập nhật sát với tình hình thực tế. Ngoài ra, việc tổ chức thực hiện pháp luật vẫn còn chưa thực sự hiệu quả.

GHI CHÚ:

☆ Nếu có nhiều thời gian, các Hoạt động 5.2, 5.3 có thể thực hiện theo nhóm nhỏ.



Bài 6: Pháp luật quốc tế và Việt Nam về độ tuổi lao động tối thiểu

Hoạt động 6.1

Thảo luận nhóm lớn. Lần lượt hỏi tất cả học viên những câu hỏi dưới đây:

- ☆ Theo anh/chị, độ tuổi lao động tối thiểu nên là bao nhiêu? Tại sao?
- ☆ Anh/chị có biết văn kiện quốc tế nào đề cập đến độ tuổi lao động tối thiểu?

Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng và phân tích.

Hoạt động 6.2: Công việc nguy hại và nhẹ nhàng

Làm việc nhóm nhỏ. Đề nghị các nhóm thảo luận và cùng lên một danh mục các công việc, nghề nghiệp mà nhóm xác định là nhẹ nhàng và nguy hại với trẻ em (rất tốt nếu danh mục chia làm hai cột tương xứng nhau). Mỗi công việc cần có phần giải thích vắn tắt lý do tại sao được coi là nguy hại hay nhẹ nhàng với trẻ em.

Sau khi kết thúc thảo luận, viết ra giấy A0 và mỗi nhóm cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

Hoạt động 6.3: Pháp luật Việt Nam về độ tuổi lao động tối thiểu

Làm việc theo cặp đôi. Đề nghị các cặp thảo luận về những câu hỏi dưới đây:

- Độ tuổi lao động tối thiểu theo pháp luật Việt Nam là bao nhiêu?
- Văn bản pháp luật nào của Việt Nam đề cập đến độ tuổi lao động tối thiểu? Quy định cụ thể như thế nào?

Sau khi các cặp thảo luận xong, giảng viên tập hợp các ý kiến lên bảng và phân tích.

Hoạt động 6.4: So sánh

Làm việc theo cặp đôi. Thảo luận và so sánh giữa các quy định về độ tuổi lao động tối thiểu theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam (sử dụng mẫu dưới đây). Sau khi các cặp thảo luận xong, giảng viên tập hợp các ý kiến lên bảng và phân tích.

So sánh khuôn khổ pháp luật quốc tế và Việt Nam về tuổi lao động tối thiểu

Độ tuổi	Công việc được làm theo pháp luật quốc tế	Công việc được làm theo pháp luật Việt Nam
Từ đủ 18 tuổi		
Từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi		
Từ đủ 14		
Từ đủ 13		
Từ đủ 12		
Dưới 12:		
- từ đủ....		
- từ đủ....		
- từ đủ....		

GHI CHÚ:

☆ Nếu có nhiều thời gian, các Hoạt động 6.3, 6.4 có thể thực hiện theo nhóm nhỏ.

Bài 7: Pháp luật quốc tế và Việt Nam về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất

Hoạt động 7.1: Vì sao cần có Công ước 182?

Thảo luận nhóm lớn. Giảng viên đưa ra câu hỏi: *Tại sao ILO còn xây dựng và thông qua thêm Công ước 182 trong khi đã có Công ước 138 đóng vai trò nòng cốt trong việc xoá bỏ lao động trẻ em?*

Đề nghị học viên suy nghĩ và đề xuất câu trả lời theo ý hiểu của họ. Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng và phân tích.

Hoạt động 7.2: Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất

Làm việc nhóm nhỏ. Giảng viên phát cho mỗi nhóm bản copy của bộ ảnh (hoặc chọn lọc trong đó một số bức) ở cuối Quyển này và yêu cầu các nhóm:

- (1) Thảo luận, xác định tên những công việc, nghề nghiệp mà từng em nhỏ trong ảnh đang làm;
- (2) Yêu cầu các nhóm xác định những công việc/ngề nghiệp nào trong các tấm ảnh có thể coi là những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và giải thích tại sao?
- (3) Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

GHI CHÚ:

☆ Cũng có thể tìm trên Internet và tải về một video clip thích hợp để sử dụng cho hoạt động này thay cho bộ ảnh.

Hoạt động 7.3: Vấn đề xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất trong pháp luật Việt Nam

Làm việc theo cặp đôi. Đề nghị các cặp thảo luận và xác định những quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến việc xử lý những hành vi sử dụng trẻ em trong những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất theo quy định trong Công ước số 182 của ILO.

Sau khi các cặp thảo luận xong, giảng viên tập hợp các ý kiến lên bảng và phân tích.

Hoạt động 7.4

Thảo luận nhóm lớn. Đề nghị học viên nhận xét về hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam về xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

Gợi ý cho giảng viên:

Xét tổng quát, tất cả những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất nêu ở Điều 3 Công ước 182 đều bị cấm và xử lý theo pháp luật Việt Nam.

Tuy nhiên, vẫn còn một số bất cập như: quy định về độ tuổi trẻ em ở Việt Nam vẫn chưa tương thích với độ tuổi của Công ước quốc tế, do đó làm hạn chế đối tượng trẻ em được bảo vệ khỏi các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất; tội danh cưỡng bức lao động trẻ em, tuyển mộ trẻ em để sử dụng trong xung đột vũ trang vẫn chưa được quy định trong Bộ Luật Hình sự Việt Nam, v.v.

GHI CHÚ:

☆ Nếu có nhiều thời gian, Hoạt động 7.3, có thể thực hiện theo nhóm nhỏ.

Bài 8: Giáo dục và lao động trẻ em

Hoạt động 8.1: Giáo dục tác động đến lao động trẻ em như thế nào?

Thảo luận nhóm lớn. Hỏi học viên xem họ sẽ làm gì và số phận của họ sẽ như thế nào nếu:

- Không được đi học
- Phải nghỉ học ngay sau khi kết thúc tiểu học (cấp I)
- Phải nghỉ học ngay sau khi kết thúc trung học cơ sở (cấp II).

Giảng viên tổng hợp ý kiến lên bảng và phân tích để cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa giáo dục và lao động trẻ em.

Hoạt động 8.2: Các giải pháp xóa bỏ lao động trẻ em thông qua giáo dục

Làm việc nhóm nhỏ. Mỗi nhóm đóng vai trò là nhóm trợ lý của Bộ trưởng Giáo dục và được Bộ trưởng giao nhiệm vụ xác định các chiến lược và biện pháp để gắn giáo dục với việc ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em.

Đề nghị các nhóm ghi ý kiến thảo luận lên giấy A0 và cử người thay mặt nhóm trình bày trước cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

Hoặc:

Làm việc nhóm nhỏ. Mỗi nhóm chọn một trong 3 chủ đề: (1) các biện pháp ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em thông qua giáo dục chính quy; (2) các biện pháp ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em thông qua giáo dục không chính quy; (3) các biện pháp ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em thông qua giáo dục dạy nghề. Các nhóm ghi ý kiến thảo luận lên giấy A0 và cử đại diện trình bày.

Hoạt động 8.3: Cam kết quốc tế về giáo dục để xóa bỏ lao động trẻ em

Làm việc theo cặp đôi. Đề nghị các cặp thảo luận và xác định những quy định có liên quan đến giáo dục trong các công ước quốc tế đã được đề cập ở các bài trước (UNCRC và Công ước 138, Công ước 182).

Sau khi các cặp thảo luận xong, giảng viên tập hợp các ý kiến lên bảng và phân tích.

Ghi chú: Sẽ rất tốt nếu cung cấp cho các học viên bản copy ba công ước kể trên (trong phần Tài liệu tham khảo cuối Quyển này) để họ nghiên cứu và xác định các quy định có liên quan đến giáo dục.

Hoạt động 8.4

Làm việc theo cặp đôi. Đề nghị các cặp thảo luận và xác định: (1) Các khoản chi phí mà các gia đình Việt Nam thường phải trả cho việc học hành của con cái. Tỷ lệ của các khoản chi đó trong tổng thu nhập trung bình của các gia đình Việt Nam; (2) Các quy định cơ bản về quyền học tập của trẻ em trong pháp luật Việt Nam.

Sau khi các cặp thảo luận xong, giảng viên tập hợp các ý kiến lên bảng và phân tích.

GHI CHÚ:

☆ Nếu có nhiều thời gian, các Hoạt động 8.1, 8.3, 8.4 có thể thực hiện theo nhóm nhỏ.

Bài 9: Giới và lao động trẻ em

Hoạt động 9.1: Giới là gì?

Động não. Phát cho mỗi học viên một hoặc hai phiếu. Đề nghị họ viết lên mỗi phiếu một thuộc tính theo họ là tiêu biểu cho đàn ông và phụ nữ.

Đề nghị học viên dán các phiếu lên bảng. Giảng viên phân loại và phân tích để thấy rằng giới và giới tính là hai khái niệm khác biệt, và những đặc điểm, quan hệ giới là hoàn toàn có thể thay đổi nếu như chúng không còn phù hợp.

Hoạt động 9.2: Giới tác động đến vấn đề lao động trẻ em như thế nào?

Làm việc theo cặp đôi. Đề nghị các cặp thảo luận và xác định xem các đặc điểm và quan hệ giới tác động đến vấn đề lao động trẻ em như thế nào. Sau khi các cặp thảo luận xong, giảng viên tập hợp các ý kiến lên bảng và phân tích.

Hoạt động 9.3:

Làm việc nhóm nhỏ. Đề nghị các nhóm:

- (1) Xác định những công việc mà lao động trẻ em nam và lao động trẻ em nữ thường làm ở Việt Nam, sau đó:
- (2) Phân tích ảnh hưởng của giới trong vấn đề này; và
- (3) Bình luận về tính phù hợp của chính sách, pháp luật Việt Nam về ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em trên phương diện giới.

Sau khi kết thúc thảo luận, các nhóm viết kết quả lên giấy A0 và cử đại diện trình bày trước cả lớp.

GHI CHÚ:

☆ Nếu có nhiều thời gian, Hoạt động 9.2 có thể thực hiện theo nhóm nhỏ.

Bài 10: Lao động trẻ em và HIV/AIDS

Hoạt động 10.1: HIV/AIDS và lao động trẻ em có mối quan hệ như thế nào?

Làm việc nhóm nhỏ. Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định mối quan hệ giữa HIV/AIDS và lao động trẻ em (cố gắng sơ đồ hóa trên giấy A0). Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp.

Ghi chú: Giảng viên có thể nêu một số câu hỏi gợi ý như sau:

- (1) Cuộc sống của một đứa trẻ sẽ như thế nào nếu cha mẹ em bị chết vì HIV/AIDS?
- (2) Vai trò của một đứa trẻ trong gia đình sẽ thay đổi như thế nào nếu cha mẹ em bị ốm vì HIV/AIDS và không thể làm việc được?
- (3) Một đứa trẻ có thể có hành động như thế nào nếu em bị kỳ thị ở trường vì bản thân bị nhiễm HIV, hoặc do trong gia đình có người thân sống chung với HIV?
- (4) Trong những trường hợp nào trẻ em lao động có nguy cơ lây nhiễm HIV?

Hoạt động 10.2: Biện pháp gì để phá vỡ mối quan hệ giữa HIV và lao động trẻ em?

Làm việc theo cặp đôi. Đề nghị các cặp thảo luận và xác định những biện pháp mà theo họ có thể giúp phá vỡ mối quan hệ giữa HIV và lao động trẻ em. Sau khi các cặp thảo luận xong, giảng viên tập hợp các ý kiến lên bảng và phân tích.

Hoạt động 10.3: Bình luận

Thảo luận nhóm lớn. Cung cấp cho mỗi học viên một bản copy bài báo dưới đây và đề nghị họ:

- (1) Tóm tắt những quan điểm chính mà ông Eamon Murphy nêu ra.
- (2) Bình luận về các quan điểm đó.

RÀO CẢN LỚN NHẤT LÀ NHẬN THỨC

Lao Động, Thứ Sáu, 17.9.2010 | 15:15 (GMT + 7)

(LĐ) - VN đã có tiến bộ trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG), kể cả MDG số 6 về HIV/AIDS trong 10 năm qua. Song vẫn còn nhiều thách thức cần vượt qua. Ông Eamon Murphy, Chủ tọa nhóm điều phối của LHQ về HIV/AIDS chia sẻ những mối quan tâm lớn nhất về thực hiện MDG số 6 về HIV/AIDS ở VN.

Sự phân biệt đối xử với người nhiễm HIV là vấn đề cần giải quyết vì đó là rào cản lớn ở VN. Ví dụ, tại trại mồ côi Mai Hoa ở TPHCM có một số trẻ em nhiễm HIV. Theo luật VN tất cả trẻ em đều được đến trường, kể cả trẻ có HIV. Nhưng phụ huynh của các trẻ khác không muốn cho con mình học cùng các em nhiễm HIV. Vậy là các em trại mồ côi đã bị tổn thương vì mất cha mẹ, thì lại bị phân biệt đối xử. Cần phải có trách nhiệm của chính quyền địa phương và các bộ để các trẻ em có HIV được đi học.

Các bậc phụ huynh cần được cung cấp thông tin để hiểu rằng trẻ em không thể lây nhiễm HIV cho nhau khi chơi với nhau, chạm vào nhau hoặc thậm chí cắn nhau. Chúng ta thực sự cần tạo ra thay đổi trong thái độ với những người nhiễm HIV. Văn hóa VN vẫn nói tới tình thương và sự quan tâm đến người khác, sự đoàn kết, đó là những giá trị mạnh mẽ. Người bị nhiễm HIV không thể bị trừng phạt vì có HIV.

Ở Australia, trong thời kỳ đầu cũng đã xảy ra vấn đề tương tự. Nhưng chính phủ và cộng đồng đã có những chương trình giáo dục cho các gia đình, cho các trường học. Giờ đây mọi người hiểu rằng không thể nhiễm HIV bằng cách chạm vào hoặc thở chung một bầu không khí với người nhiễm HIV. Những chương trình giáo dục trên TV, các cuộc trò chuyện với những người nhiễm đã giúp làm thay đổi thái độ và sự hiểu biết đối với người nhiễm. VN cũng có thể làm như vậy. VN đã đạt được những tiến bộ tương tự với các bệnh lao hay sốt rét.

Việc thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MGDs) giờ đây gặp nhiều thách thức. Các nhà tài trợ đang dần rời khỏi Việt Nam vì Việt Nam đang trở thành một nước thu nhập trung bình. Điều đó rất đáng chúc mừng nhưng đồng thời các nguồn tài trợ quốc tế cũng giảm đi. Do vậy cần đảm bảo sử dụng tiền một cách khôn ngoan, hiệu quả nhất.

VN cần đảm bảo thực hiện các MDGs một cách bền vững và lâu dài. Việc hoàn thành một mục tiêu chưa phải là tất cả vì rất có thể chúng ta sẽ bị bước lùi. Thực hiện tốt mục tiêu về phòng, chống HIV sẽ ảnh hưởng tốt đến các mục tiêu khác. Để làm được điều đó, chúng ta cần đảm bảo việc phòng bệnh. 1USD đầu tư vào phòng, chống HIV sẽ tiết kiệm được 8USD chi phí điều trị. Nghĩa là nếu VN đầu tư một triệu USD vào phòng HIV thì có thể tiết kiệm được 8 triệu USD cho đất nước. Nếu không đầu tư cho việc phòng bệnh, các gia đình có thể bị mất đi nguồn lao động và gia đình đó lại bị rơi lại vào đói nghèo. Đói nghèo chính là MDG thứ nhất.

VN đã rất tự hào khi đạt được các mục tiêu về xóa đói giảm nghèo, song VN có thể bị bước lùi nếu các chương trình khác không được đề cập như đã từng xảy ra ở các nước khác. Hoặc là nếu giảm tỉ lệ truyền HIV từ mẹ sang con thì cũng giúp chúng ta thực hiện được MDG số 4 về giảm tỉ lệ tử vong trẻ sơ sinh và MDG số 5 về tăng cường sức khỏe người mẹ.

Tóm lại, việc phòng, chống HIV có thể giúp củng cố nhiều hệ thống: Hệ thống y tế, hệ thống xã hội ở VN và giúp thực hiện các MDG khác. VN là ví dụ tốt cho thấy các MDG có thể được thực hiện với tốc độ nhanh chóng thế nào có tính khả thi như thế nào.

Trong tiến trình thực hiện 8 Mục tiêu Thiên niên kỷ về phát triển (MDG) của Liên Hợp Quốc, Việt Nam được đánh giá thực hiện tốt và vượt thời hạn 5 mục tiêu: Xóa đói giảm nghèo, phổ cập giáo dục tiểu học, tạo bình đẳng giới, tăng cường sức khỏe bà mẹ, tạo quan hệ đối tác toàn cầu về phát triển. Ba mục tiêu còn lại về phòng, chống HIV/AIDS, giảm tỉ lệ tử vong trẻ sơ sinh và môi trường thực sự đang là thách thức lớn.

Mỹ Hằng thực hiện

Hoặc

Thảo luận nhóm lớn. Cung cấp cho mỗi học viên một bản copy Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS đến năm 2010 và tầm nhìn đến 2010 (kèm theo Quyết định số 84/2009/QĐ/Tg ngày 4/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ, ở cuối Quyển này) và đề nghị họ:

- (1)** Một nhóm bình luận, nhận xét về các mục tiêu cụ thể (và chỉ tiêu kèm theo) (mục 3)
- (2)** Một nhóm bình luận, nhận xét về các hoạt động chủ yếu (mục 4)
- (3)** Một nhóm bình luận, nhận xét về các hoạt động giải pháp (mục 5)

GHI CHÚ:

☆ Nếu có nhiều thời gian, các Hoạt động 10.2, 10.3 có thể thực hiện theo nhóm nhỏ.

Bài 11: Lao động trẻ em ở các vùng đồng bào dân tộc

Hoạt động 11.1: Các đặc điểm của đồng bào dân tộc?

Động não. Phát cho mỗi học viên một hoặc hai phiếu. Đề nghị họ viết lên mỗi phiếu một thuộc tính tiêu biểu của đồng bào dân tộc. Đề nghị học viên dán các phiếu lên bảng. Giảng viên phân loại và phân tích.

Hoạt động 11.2: Ngăn ngừa xóa bỏ lao động trẻ em trong các cộng đồng đồng bào dân tộc

Thảo luận nhóm nhỏ. Các nhóm thảo luận và trình bày câu trả lời trên giấy A0 các câu hỏi thảo luận sau:

- (1) Đặc điểm (hoàn cảnh, điều kiện sống, phong tục, tập quán...) của các dân tộc thiểu số tác động như thế nào đến tình trạng lao động trẻ em ở các cộng đồng đó?
- (2) Khi xây dựng các chương trình can thiệp nhằm ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em ở các vùng dân tộc thiểu số cần lưu ý những gì?

Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng và phân tích.

Bài 12: Vấn đề di cư và lao động trẻ em

Hoạt động 12.1: Khái niệm di cư kinh tế

Thảo luận nhóm lớn. Câu hỏi thảo luận: Thế nào là di cư kinh tế? Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng và phân tích.

Hoạt động 12.2: Tác động của di cư kinh tế đến vấn đề lao động trẻ em

Làm việc nhóm nhỏ. Mỗi nhóm chọn một trong ba tình huống sau: (1) cha mẹ di cư và con (trẻ em) ở lại cộng đồng, (2) cha mẹ di cư và con (trẻ em) đi cùng, (3) trẻ em di cư độc lập.

Các nhóm thảo luận: (1) những ảnh hưởng của di cư đối với trẻ em trong tình huống đó; (2) các giải pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực của di cư đối với lao động trẻ em.

Các nhóm viết kết quả thảo luận trên giấy A0 và cử đại diện trình bày.

Hoặc:

Làm việc nhóm nhỏ. Mỗi nhóm thảo luận về một tình huống dưới đây và xác định: (i) thực trạng và viễn cảnh tương lai của trẻ em trong tình huống đó; (ii) các giải pháp để tránh cho trẻ em trong tình huống đó khỏi rơi vào, hoặc được đưa ra khỏi vòng xoáy của lao động trẻ em.

- (1) Một gia đình nông thôn kéo nhau về thành phố kiếm sống. Chồng làm nghề xe ôm, vợ bán hàng rong. Họ có hai đứa con, một 14 tuổi và một 12 tuổi.
- (2) Một gia đình cả hai vợ chồng đều đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Họ có hai đứa con, một 10 tuổi và một 8 tuổi. Cả hai con đều được cha mẹ đưa đi cùng.
- (3) Một gia đình nông thôn mà cả hai vợ chồng đều rời quê đi kiếm sống. Chồng vào làm việc ở một khu công nghiệp ở tỉnh bên, vợ vào thành phố làm ô-sin. Họ có hai đứa con, một 15 tuổi và một 13 tuổi. Cả hai đứa phải ở nhà với ông bà nội đã già.
- (4) Một em bé ở một tỉnh miền trung lặn lội vào TP.HCM làm nghề đánh giấy kiếm sống và gửi tiền về giúp bố mẹ ở quê nuôi em nhỏ. Em không có ai là người quen hay họ hàng ở thành phố. Gia đình em ở quê rất nghèo, bố mẹ làm nông nghiệp, ruộng đất ít trong khi cả hai lại đau ốm thường xuyên.

Hoạt động 12.3: Hoạt động tổng kết/ áp dụng

Làm việc theo cặp. Học viên làm việc theo cặp, kể về một trường hợp họ đã biết về trẻ em rơi vào vòng xoáy lao động trẻ em do bố mẹ di cư hoặc do trẻ em di cư một mình, nhất là trường hợp ở địa phương. Học viên cùng thảo luận một số giải pháp đã thực hiện hoặc nên thực hiện để giúp trẻ em đó.



Bài 13: Tầm quan trọng của khảo sát về lao động trẻ em

Hoạt động 13.1: Vì sao cần khảo sát lao động trẻ em?

Động não. Giảng viên đặt câu hỏi cho học viên: Vì sao lại cần khảo sát về lao động trẻ em trước khi lập kế hoạch và xây dựng chương trình can thiệp đối với vấn đề lao động trẻ em?

Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng và phân tích.

Hoạt động 13.2: Chia sẻ kinh nghiệm

Hỏi xem có học viên nào đã từng tham gia vào một cuộc khảo sát về lao động trẻ em (hoặc về bất kỳ vấn đề gì nếu không có ai đã từng tham gia khảo sát về lao động trẻ em). Đề nghị họ mô tả khái quát về dạng khảo sát mà họ đã tiến hành. Khuyến khích các học viên khác đưa ra những câu hỏi với người đó.

Bài 14: Các bước khảo sát về lao động trẻ em

Hoạt động 14.1: Chia sẻ kinh nghiệm

Hỏi xem có học viên nào đã từng tham gia vào một cuộc khảo sát về lao động trẻ em (hoặc về bất kỳ vấn đề gì nếu không có ai đã từng tham gia khảo sát về lao động trẻ em). Mời các học viên đó lên ngồi trước cả lớp và chia sẻ với cả lớp những cách thức, kinh nghiệm và bài học về:

- (1) Các bước cần làm khi tiến hành khảo sát nói chung và khảo sát về lao động trẻ em nói riêng
- (2) Các hình thức khảo sát
- (3) Những điều cần lưu ý khi xây dựng kế hoạch khảo sát
- (4) Nội dung của kế hoạch khảo sát
- (5) Kỹ năng phỏng vấn trẻ em trong tiến hành khảo sát
- (6) Xử lý, phân tích và phổ biến kết quả khảo sát

Khuyến khích các học viên khác đặt câu hỏi và/hoặc bổ sung.

Hoạt động 14.2: Chúng ta cần loại dữ liệu nào, từ ai?

Động não. Phát cho mỗi học viên hai phiếu. Đề nghị họ viết lên mỗi phiếu một dạng dữ liệu mà theo họ là cần thiết phải thu thập khi khảo sát về lao động trẻ em, còn phiếu kia là một chủ thể mà theo họ có thể tiếp cận để thu thập thông tin về lao động trẻ em.

Đề nghị học viên dán các phiếu lên bảng. Giảng viên phân loại và phân tích.

Hoạt động 14.3: Đóng vai

Làm việc theo cặp đôi. Mỗi cặp đóng vai như trong một cuộc phỏng vấn, trong đó thay đổi nhau làm người phỏng vấn và người được phỏng vấn. Giả định người được phỏng vấn là một trẻ em lao động còn người kia là một cán bộ khảo sát.

GHI CHÚ:

☆ Nếu có nhiều thời gian, Hoạt động 14.2 có thể thực hiện theo nhóm nhỏ.

Bài 15: Tổng quan các biện pháp giải quyết vấn đề lao động trẻ em

Hoạt động 15.1: Biện pháp giải quyết vấn đề lao động trẻ em

Động não bằng thẻ giấy. Học viên ghi lên thẻ giấy các biện pháp có thể can thiệp để giải quyết vấn đề lao động trẻ em, sau đó dán lên bảng.

Giảng viên nhóm các thẻ giấy thành các nhóm giải pháp và phân tích.

GHI CHÚ:

☆ Với Hoạt động này, giảng viên cũng có thể hướng dẫn học viên dùng bản đồ tư duy để động não.

Hoạt động 15.2: Hoạt động tổng kết/ áp dụng

Thảo luận nhóm nhỏ, có thể chia nhóm theo địa phương hoặc cơ quan/ tổ chức.

Các nhóm thảo luận về các biện pháp có thể áp dụng tại địa phương/ cơ quan/ tổ chức mình để ngăn ngừa và xoá bỏ lao động trẻ em và cử đại diện trình bày.

Bài 16: Ngăn ngừa lao động trẻ em

Hoạt động 16.1: Ngăn ngừa lao động trẻ em là gì?

Động não. Phát cho mỗi học viên một hoặc hai phiếu. Đề nghị họ viết lên mỗi phiếu một cách vắn tắt một ý hiểu của họ về từ 'ngăn ngừa'.

Đề nghị học viên dán các phiếu lên bảng. Giảng viên phân loại và phân tích.

Hoạt động 16.2: Biện pháp ngăn ngừa lao động trẻ em

Thảo luận nhóm nhỏ. Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định các biện pháp có thể sử dụng để ngăn ngừa lao động trẻ em.

Sau khi các nhóm thảo luận xong, đề nghị cử người trình bày trước cả lớp.

Hoạt động 16.3: Biện pháp ngăn ngừa lao động trẻ em ở Việt Nam

Thảo luận nhóm lớn. Đề nghị các học viên kể tên bất kỳ quy định pháp luật hoặc chương trình, kế hoạch hành động quốc gia nào mà họ biết và cho rằng có tác động ngăn ngừa lao động trẻ em.

GHI CHÚ:

☆ Nếu có nhiều thời gian, Hoạt động 16.3 có thể thực hiện theo nhóm nhỏ.

Bài 17: **Giám sát, xử lý vi phạm và bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân lao động trẻ em**

Hoạt động 17.1: Động não

Phát cho mỗi học viên một phiếu. Đề nghị họ ghi vắn tắt lên phiếu ý hiểu của họ về từ ‘giám sát’.

Đề nghị học viên dán các phiếu lên bảng. Giảng viên phân loại và phân tích.

Hoạt động 17.2: Chia sẻ kinh nghiệm

Hỏi xem có học viên nào đã từng tham gia các hoạt động giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em (dưới bất kỳ hình thức nào). Khuyến khích học viên đó chia sẻ với cả lớp về những điều người đó đã làm, những bài học người đó rút ra trong các công việc đó. Khuyến khích các học viên khác đưa ra những câu hỏi với người kể chuyện.

Hoạt động 17.3: Động não

Phát cho mỗi học viên một hoặc hai phiếu. Nói với họ rằng giả định cơ quan vừa tiếp nhận một em gái bị buôn bán ra nước ngoài để bóc lột tình dục trở về. Đề nghị họ viết lên một phiếu một việc theo họ là cần làm khi bảo vệ và giúp đỡ nạn nhân trẻ em, và phiếu kia là một việc theo họ là cần tránh để không tiếp tục làm tổn thương nạn nhân.

Đề nghị học viên dán các phiếu lên bảng. Giảng viên phân loại và phân tích.

Hoạt động 17.4: Nghiên cứu tình huống

Làm việc nhóm nhỏ. Cung cấp cho mỗi nhóm một bài báo dưới đây cùng Thông tư số 23/2010/TT-LĐTBXH ngày 16/08/2010 quy định về quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục (trong phần Tài liệu ở cuối Quyển này).

Đề nghị các nhóm nghiên cứu các bài báo và Chương III của Thông tư kể trên rồi xác định trách nhiệm cụ thể của các chủ thể có liên quan.

Sau đó, phân công cho mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ sau đây (có thể có hai nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ):

- *Viết Báo cáo tiếp nhận thông tin, đánh giá nguy cơ sơ bộ đối với các trường hợp trẻ em trong các bài báo, dựa trên phần B của mẫu 1 trong Thông tư kể trên.*
- *Viết Báo cáo thu thập thông tin, xác minh và đánh giá nguy cơ cụ thể về các trường hợp trẻ em trong các bài báo, dựa trên mẫu 2 của Thông tư kể trên.*
- *Lên Kế hoạch can thiệp, trợ giúp trẻ em trong các bài báo, dựa trên mẫu 3 của Thông tư kể trên.*

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm viết kết quả lên giấy AO và cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

Thứ Bảy, 27/12/2008, 09:17 (GMT+7)

Vất sức lao động trẻ em - Kỳ 1: 18 giờ mỗi ngày ở xưởng may

Rời quê nghèo

Suốt cả buổi tối, cơ sở may ở phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân (TP. HCM) chỉ có tiếng máy may lạch xạch. Ông chủ H. cứ giục những đứa trẻ làm nhanh tay. Mọi người mệt mỏi cặm cùi gập lưng xuống bàn máy may. Tính đến lúc này các đứa trẻ đã làm việc gần 18 giờ đồng hồ.

Nhìn cậu bé ốm yếu, xanh mét Nguyễn Công Khánh cứ tưởng cậu chưa được 10 tuổi, nhưng hóa ra cậu đã 14. Quê Khánh ở làng biển nghèo Phương Diên, xã Phú Diên, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Khánh là anh cả trong bốn anh em. Ngoài em thứ ba bị thiếu năng, ba anh em còn lại cũng suy dinh dưỡng nặng. Khánh dù đã 14 tuổi nhưng vẫn còi cọc chưa được 25kg, hệ quả của những bữa đói bữa no mà cha mẹ ở làng biển nghèo khó không thể lo được cuộc sống đầy đủ cho con. Một chiều cách nay nửa năm, Khánh đi học về thấy có người lạ đang khuyên cha mẹ Khánh cho con đi làm. Mẹ Khánh gạt nước mắt, quay sang con: “Nhà mình khổ quá! Hay con chịu khó vô Sài Gòn làm lụng kiếm ít tiền phụ cha mẹ nuôi em”. Chưa bao giờ đi xa khỏi làng quê, nhưng nhìn mẹ khóc Khánh đành gạt đầu. Thế là ngay hôm sau Khánh cùng một người bạn tên Hoàng lên xe khách vào TP.HCM. Hành trang hai đứa bé lần đầu rời nhà chỉ có vài bộ áo quần cũ và tấm vé đi mà không có vé về!

Trước ngày Khánh và Hoàng đi, nhiều đứa trẻ của làng biển Phương Diên cũng lần lượt xa gia đình. Nhiều cha mẹ cắn răng cho con đi làm xa vì nghèo khổ, nhưng cũng có số người chấp nhận cho con cái nghỉ học do thấy bạn bè chúng kiếm được tiền. Bạn Khánh, cô bé Hồ Thị Ngọc, bỏ học lớp 6 để lên Huế giúp việc nhà. Rồi không chịu nổi lương mỗi tháng 200.000 đồng, Ngọc vào Sài Gòn làm nghề may. Trước đó, hai người chị cũng đã vào TP.HCM may vá, kiếm sống lúc mới bằng tuổi Ngọc. Ba chị em mừng rỡ gặp nhau ở đất lạ, rồi lại xa nhau vì mỗi người làm ở một cơ sở.

Nhìn Khánh và Ngọc đi, các cậu bé hàng xóm Phan Hữu Thành, Phan Hữu Trí, Nguyễn Sinh, Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Tý... cũng bỏ lớp, chia tay làng biển Phương Diên. Lần đầu xa nhà đứa nào cũng mếu máo, vì trên chiếc xe còn có nhiều bạn nhỏ giống mình.

Thậm chí có những tốp bạn từ tận Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Thanh Hóa... cũng trôi dạt vào TP.HCM. Chiếc xe lăn bánh và lại dừng để tiếp tục đón trẻ khác ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên...

Làm, làm và làm

Ngày đầu tiên đặt chân đến TP.HCM, hai đứa trẻ Khánh - Hoàng được ông chủ dẫn thẳng về một cơ sở may ở phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân. Lúc này Khánh mới biết quy định làm việc: ăn ở tại cơ sở. Ngày làm việc từ 7g30 sáng, kết thúc lúc 0 giờ, được nghỉ hai bữa ăn trưa và tối. Nếu hàng gấp phải tăng ca đến 1-2 giờ sáng. Chủ nhật chỉ được nghỉ chiều tối. Lương mỗi năm 3 triệu đồng nhưng cuối năm mới trả.

Ông chủ còn nói nhiều thứ nhưng hai cậu bé đang rối đầu với con số 3 triệu đồng mỗi năm, vì ở quê biển chưa bao giờ được cầm 30.000 đồng trong tay. Cơ sở chuyên may quần kaki bỏ mối các chợ. Lúc đầu Khánh và Hoàng được chủ cho phụ cắt chỉ, đơm khuy, may các đường thẳng. Đây cũng là thời gian khổ nhất của hai đứa trẻ. Bởi ở quê chúng thường ngủ rất sớm nên không thể thích nghi được thời gian làm việc từ sáng hôm nay đến sáng ngày sau. Hai đứa vừa làm vừa ngủ gật. Đầu chúng va vào cạnh bàn máy may bầm tím.

Cơ sở may gia đình trong căn nhà thuê ẩm thấp, chật chội, đèn thiếu sáng và không có trang bị bảo hộ lao động. Những đứa trẻ phải ngủ dưới nền nhà. Mũi Khánh bị dị ứng lại càng thêm khổ với sợi vải mịn mù. Nhiều đêm nó buồn ngủ díp mắt, nhưng bệnh viêm xoang hành hạ làm nó không thể ngon giấc.

Lầm lũi làm việc quần quật suốt tuần, những đứa trẻ cứ mong đến chiều tối ngày chủ nhật. Chúng sẽ được chủ phát 10.000 đồng, đó là số tiền được dùng để tự ăn uống và giải trí trong tuần. Niềm vui lớn nhất của Khánh là lọ mọ ra quốc lộ ngắm xe cho đỡ nhớ nhà.

Ở cơ sở may nằm sâu trong hẻm đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, cô bé Hồ Thị Ngọc và các bạn nhỏ cũng phải làm việc từ 7g-23g. Ông chủ P. chuyên bỏ hàng sỉ chợ đầu mối An Đông. Cơ sở là ngôi nhà lầu mấy tầng đóng cửa im ỉm, luôn có khoảng 40 thợ làm việc ngày đêm. Nhiều em trong lứa tuổi 14-15 ở các vùng quê như Ngọc, có em mới 13 tuổi. Ngày làm việc gần gấp đôi thời gian lao động bình thường, nhưng Ngọc và các bạn nhỏ chỉ được trả lương 500.000 đồng/tháng. Làm việc kiệt sức, Ngọc muốn trốn về nhà nhưng không có tiền và cũng không biết đường đi.

Các bạn nó có đứa đã lăn lộn qua mấy cơ sở, như cậu bé 15 tuổi Phan Hữu Thành phải nửa đêm bỏ trốn khỏi cơ sở may của ông chủ M. ở đường Nguyễn Sơn, quận Tân Bình. Chủ này mới 27 tuổi, từng là thợ may gia công đi lên và rất tiết kiệm. Thành cùng sáu người bạn khác phải làm từ 7g-23g nhưng ăn uống rất kham khổ. Cậu bé kiệt sức, bỏ trốn, dành mất năm tháng lương vì phải đủ năm mới được lĩnh.

Về làm chung với Ngọc ở xưởng may đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, Thành tiếp tục phải ngồi may từ 7g-23g. Nhờ may thạo chủ trả lương 700.000 đồng/tháng, nhưng Thành cũng chỉ được lĩnh lương cuối năm. Những hôm kiệt sức, ốm đau hoặc thèm ăn thêm tô hủ tiếu, uống chai nước ngọt, nó cũng chỉ được ứng trước ít tiền lẻ.

Những đứa trẻ này nhiều lần đã tính nghỉ việc nhưng chưa tìm được nơi nào tốt hơn. Còn đường về quê thì xa vợ mà chúng vẫn chưa có đồng xu dính túi!

Chủ Nhật, 28/12/2008, 02:12 (GMT+7)

Vất sức lao động trẻ em - Kỳ 2: “Doanh thu” từ mồ hôi và nước mắt

Mồ hôi trong đêm lạnh

Đêm gần cuối năm trời TP.HCM se se lạnh, nhưng lưng áo cậu bé bán mì gõ vẫn ướt đầm mồ hôi vì phải ròng rã đi bộ quá nhiều. Tôi dừng xe ngay vỉa hè ngã ba đường Cách Mạng Tháng Tám - Phạm Văn Hai, gọi tô mì để cậu bé có dịp nghỉ chân. Cậu bé van nài: “Anh thương em thì gọi giúp thêm mấy tô nữa. Chứ tối giờ mới bán được chút, chủ chưa cho nghỉ xả hơi!”. Tôi định tặng ít tiền nhưng cậu bé không chịu nhận: “Chủ bắt một đêm phải bán ít nhất được 50 tô. Anh có cho tiền thì em vẫn bị trừ lương vì bán chưa đủ mức yêu cầu”. Tôi đành gọi luôn bốn tô và nói cậu bé phải ăn phụ.

Cậu bé hớn hỏ chạy đi, lát sau đã quay lại. Bốn tô mì, giá vốn vụn chỉ 24.000 đồng. Cậu tự trọng, dứt khoát thối lại 6.000 đồng cho tôi. Lúc này, tôi mới có dịp nhìn kỹ gương mặt già hơn vóc dáng bé xiu của cậu. Dè dặt mãi cậu mới chịu kể nhà ở tận quê biển Phú Yên. Ba đi biển chết, nhà cậu có bốn anh em nhưng người anh đầu lại “mát mát” không làm được gì. Mẹ cậu đan lưới cá, rồi bán thêm vé số nuôi cả gia đình.

Cậu học hết lớp 5 thì xin mẹ cho nghỉ học, theo bạn vô TP.HCM đi làm. Mẹ khóc, dứt khoát không cho. Một đêm cậu trốn nhà, rồi viết thư về cho mẹ báo “đã xin được việc, ông chủ rất tốt bụng thương như con”. Nhưng thật ra cậu theo bạn bè đi phụ bán mì gõ lang thang khắp TP.HCM. Vì vậy, cậu chỉ giới thiệu mỗi tên Hải và khẩn khoản xin tôi đừng ghi rõ địa chỉ quê nhà. Cậu không sợ xấu hổ nhưng lo mẹ buồn!

Lúc đầu Hải cầm mõ tre đi mời khách mua mì gõ quanh khu vực bến xe miền Đông. Chủ cậu bé là đôi vợ chồng quê Quảng Ngãi cũng làm thuê cho bà chủ N. ở quận 10. Bà N. có cả chục xe mì gõ, cho người thuê lại. Hải được “khoán” mỗi ngày phải cầm mõ, mời ít nhất 60 tô thì mỗi tháng sẽ có lương 300.000 đồng, nhưng cuối năm mới nhận một lần.

Ngày làm việc của cậu bắt đầu từ buổi trưa phụ nấu nướng, chuẩn bị chén đĩa. Xế chiều, cậu ra đường và phải cầm mõ tre rong ruổi đến 1-2 giờ sáng, tùy ngày

bán nhanh hay chậm. Gần sáng về nhà trọ trong hẻm đường Bùi Đình Túy (quận Bình Thạnh), nhưng Hải chưa được ngủ ngay vì phải rửa dọn. Lăn ra chiếu, cậu ngủ li bì đến trưa vẫn thiếu giấc. Tính ra mỗi ngày chủ chỉ nuôi cơm Hải hai bữa trưa và tối, nhưng vẫn tiết kiệm không cho cậu ăn thêm nửa khuya. Những đêm đi gõ nhiều, cậu đói quá phải húp cả chút nước mì khách bỏ thừa.

Ròng rã sáu tháng, Hải kiệt sức! Cậu xin lương sớm để ra đi. Kỳ kèo mãi bà chủ chỉ trả 900.000 đồng lương ba tháng mà còn lên giọng: “Đúng ra tao trừ hết tiền học nghề của mày. Cho ba tháng là phước lắm rồi nghen con”. Qua chủ mới, Hải được giảm “doanh số” mỗi ngày xuống còn 50 tờ, khuya được ăn mì ế. Tuy nhiên, cậu vẫn phải mòn mỏi mỗi sải chân, gõ mõ đến 1-2 giờ sáng. Có đêm cậu bị sốt hầm hập vẫn phải cố tìm khách, nếu không sẽ bị trừ lương vì chủ bán ế.

Gần ba năm lê la ở TP.HCM, Hải nhẩn mặt nhiều trẻ đồng cảnh. Bạn cầm mõ gõ phần lớn từ Quảng Ngãi, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Định vào như thằng Tí “Bình Sơn”, Ngọc “Đức Phổ”, Khánh “Trà My”, Phi “Tuy Hòa”... Đứa nào cũng còi cọc, xanh mét giống nhau vì phải thức khuya, đi bộ nhiều. Lương trung bình 300.000 đồng/tháng, cao lắm cũng chỉ 400.000 đồng. Bọn trẻ ngán nhất là đêm khuya hay bị bọn nghiện, lưu manh ăn quýt. Cách nay một tháng, Phi “Tuy Hòa”, 16 tuổi, bị một đám người nhậu nhẹt ở bờ kênh Nhiêu Lộc ăn quýt gần chục tờ mì.

Nước mắt trẻ thơ

Những ngày đi thực hiện bài viết này, tôi gặp rất nhiều trẻ quê đang bị chủ lao động vắt sức trong nhiều công việc khác nhau ở TP.HCM. Đông nhất là trẻ bán vé số.

Đó là những đứa trẻ thường rất nhỏ tuổi, mỗi ngày chúng được giao “doanh số” ít nhất 200 tờ. Nếu bán hết, chúng được về ngủ chung với nhau ở nhà trọ do chủ thuê sẵn, nhận lương 400.000-500.000 đồng/tháng và được ăn cơm chủ nấu. Tính ra lương của chúng chưa bằng 1/3 tiền hoa hồng của người có tiền mua đứt bằng ấy vé số đại lý để bán lại. Nhưng những đứa trẻ quê vẫn phải chấp nhận bán rẻ sức lao động vì chúng không có vốn, cần một chỗ ăn ở ổn định và có người lớn “đỡ đầu” khi xảy ra tranh chấp địa bàn.

Trẻ bán vé số thuê cũng làm việc 16-18 giờ mỗi ngày. Chúng phải cầm vé số lang thang ra đường từ lúc mặt trời chưa mọc để bán cho những người uống cà phê, tập thể dục sớm. Đến gần 5 giờ chiều, chúng lại nhận vé số mới tiếp tục đi bán đến gần nửa đêm. Cậu bé Nguyễn Thế Hòa, 13 tuổi, quê huyện Quảng Xương (Thanh Hóa), kể hồi mới vào TP.HCM đi bán vé số, hai đầu gối bị sưng gần cả tháng do phải đi bộ nhiều quá. Nhiều đêm về nhà trọ ở phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, cậu rã rời, buồn ngủ díp mắt, nhưng cứ chảy nước mắt với đầu gối sưng đau. Không có thuốc men, bạn cậu bày cách rót nước nóng vô ca nhôm rồi áp vào đầu gối cho giảm đau.

Thân phận bán vé số thuê của những đứa trẻ quê phải đối mặt nhiều rủi ro như ngày mưa ế ẩm, tai nạn giao thông, đánh nhau giành giật địa bàn, nhưng nỗi ám ảnh lớn nhất của chúng là bị giật vé số. Mười trẻ bán vé số ở TP.HCM mà tôi hỏi thăm thì ít nhất có bảy đứa kể đã bị giật một vài lần.

Tháng trước, bé Hòa bị một người giật một lúc hơn 100 tờ vé số ở phố nhậu Lữ Gia. Chủ trừ thẳng cậu một tháng lương. Nhưng bé Thái, bạn cùng quê với cậu,

còn khổ hơn. Vừa lấy xấp vé số ra đường, cậu bị hai đứa tóc vàng đi xe máy dừng lại gạ mua, rồi giật phắt. Cậu cố giằng lại thì bị hai thanh niên vừa đâm vào mặt vừa la “đồ ăn cắp”. Đến khi người đi đường thấy bất nhẫn xúm đến thì hai đứa phóng xe đi mất, để lại thằng bé đầm đìa nước mắt lẫn với máu mũi, máu miệng. Về nhà trọ, cậu còn bị chủ trừ hết ba tháng lương vì mất 300 tờ vé số!

Mỗi đứa bé phải lao động sớm đều có hoàn cảnh, nỗi niềm khổ sở. Tôi cứ ám ảnh mãi đôi mắt mệt mỏi, già nua trước tuổi của cậu bé Nguyễn Văn Tú, 14 tuổi, quê ở thôn Phương Diên, xã Phú Diên, huyện Phú Vang, Thừa Thiên - Huế.

Nhà Tú có bốn anh em. Cha đi biển không nuôi nổi các con. Chị Tú mới 15 tuổi đã phải vào may trước rồi dẫn em theo. Tú được giới thiệu “học nghề” không lương đằng đằng ba năm trong một cơ sở sơn mài ở quận 12. Cậu phải làm những việc độc hại từ 7g-21g30, nhưng mỗi tuần chủ chỉ cho 10.000 đồng để “tự giải trí”.

Cậu bé lặng lẽ cho tôi xem đôi chân và bàn tay làm lâu ngày bị vecni thấm sậm vào da. Đôi mắt trẻ ngấn nước, u uẩn nỗi buồn trước tuổi.

Thứ Hai, 29/12/2008, 06:31 (GMT+7)

Vất sức lao động trẻ em - Kỳ 3: “Cò” và “sang tay”

Theo một số tài xế xe khách liên tỉnh, thời gian gần đây xuất hiện nhiều người chuyên dẫn dắt trẻ vào TP.HCM cho các cơ sở lao động, đông nhất là từ các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Ngoài những người đi làm trước rồi dẫn con cháu, anh em đi theo mà không vụ lợi, một số người tận dụng các mối quen biết ở quê mình để ngon ngọt với cha mẹ tin tưởng đồng ý cho con cái đi. Với họ, các trẻ bị đưa đi lao động xa nhà cũng đều là chỗ “con cháu” họ hàng. Họ làm việc này để nhận tiền công dẫn dắt trẻ em từ phía chủ cơ sở lao động. Nhưng họ cũng sẵn sàng “ăn” thêm một đầu nữa là nhận luôn quà cáp, phong bì để tỏ lòng biết ơn của cha mẹ các em.

Đặc biệt, có những người làm “cò” lao động trẻ em “chuyên nghiệp” hơn. Kịch bản “hành nghề” của họ là ứng trước cho cha mẹ các em một số tiền công lao động rẻ mạt để những gia đình gặp cơn túng quẫn hoặc mê tiền sẽ cho con đi. Những tay “cò chuyên nghiệp” này không cần mối quen biết mà chỉ sục sạo các làng quê nghèo khó với các tờ hợp đồng viết tay bỏ trống tên tuổi trẻ em.

Người cha Nguyễn Văn Thịnh của hai đứa trẻ Nguyễn Thị Duyên và Nguyễn Văn Trường ở xóm Đồng Gia, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang khi cho con vào TP.HCM làm may chỉ được cầm một hợp đồng viết tay chưa đến 200 chữ nguệch ngoạc trên giấy học trò. Nội dung ghi qua loa vài ý: người chị gái đã biết may sẽ nhận lương 7 triệu đồng mỗi năm, em trai thì 11 triệu đồng cho cả hai năm. Người cha được ứng trước 4 triệu đồng. Còn hai đứa trẻ chỉ được nhận lương khi đã hết hợp đồng, tức một năm và hai năm mới được lĩnh lương một lần.

Đặc biệt, điều khoản không thành văn nhưng rất oái oăm là nếu các em đang làm mà có chuyện phải nghỉ hay muốn chuyển sang làm chỗ khác sẽ không được nhận đồng lương nào vì “tội phá hợp đồng”. Thế là hai đứa trẻ gặt nước mắt xa gia đình để vào TP.HCM làm may quần quật từ 7g-23g ở quận Tân Phú mà chưa biết ngày nào được nhận lương.

Với các “cò” lao động trẻ em, sau khi đã gom đủ số người cần thiết sẽ đón xe khách cho các em đi. Rất hiếm em nào được đi xe lửa vì phương tiện này vẫn là xa xỉ, quá tốn kém với họ. Anh Nguyễn Văn Thập, quê Bắc Ninh, một tài xế xe khách Bắc - Nam, kể nhiều chuyến xe 50 chỗ toàn là trẻ em rách rưới, nghèo khổ đi làm xa. Còn anh Nguyễn Minh Thanh, tài xế xe khách ở Hà Nội, vẫn bức tức với những tay “cò” quá keo kiệt: “Để bớt tiền vé, nhiều người đã bắt các em nhỏ phải ngồi chung hai đứa một ghế hoặc ngồi ghế xúp giũa. Minh không chịu thì họ đón xe khác. Thời này xe nhiều, thiếu khách, phải “chạy gió” thường xuyên. Thiếu gì tài xế phải chấp nhận cảnh này. Chỉ tội mấy đứa nhỏ phải ngồi dúm đó, ken cứng suốt mấy ngày. Tới lúc đứng lên chúng tê chân ngã lăn ra sàn xe”.

Em Trần Văn Thế, quê Quảng Xương, Thanh Hóa, kể thêm người dẫn các đứa trẻ vào Nam hà tiện đến mức chỉ cho ăn bánh mì chấm với muối tiêu mang theo suốt mấy ngày trên xe. Lần đầu tiên đi xe đường dài, nhiều trẻ say xe nôn thốc nôn tháo, lả người đi vì không thể nào nuốt nổi bánh mì khô! Thậm chí nhiều “cò” còn không theo xe cùng các em. Họ cứ giao cho tài xế và hết trách nhiệm, để người nhận lao động đón ở đầu kia. Còn tiền môi giới 300.000-500.000 đồng mỗi trẻ, chủ sẽ chuyển bưu điện cho “cò”.

Vào đến TP.HCM, những đứa trẻ quê nhanh chóng bị dẫn thẳng vào các cơ sở lao động và bắt đầu chuỗi ngày làm việc cực khổ. Còn các “cò” tiếp tục tìm về quê nghèo săn tìm trẻ cho các hợp đồng mới. Nhiều khi họ còn được tay bắt mặt mừng và tiếp đãi thịnh soạn vì đã có “công” tìm việc cho trẻ nghèo!

Thứ Ba, 30/12/2008, 06:31 (GMT+7)

Vất sức lao động trẻ em - Kỳ 4: Ông bà chủ

“Năm đường chuỗi”

Cũng như nhiều ông bà chủ may mặc gia đình khác, bà V. từng là thợ may gia công nhiều năm trước khi trở thành bà chủ. Chồng đi xuất khẩu lao động ở Malaysia, ở nhà bà gom vốn liếng dành dụm và lương chồng gửi về để mở cơ sở may. Không kiếm người ở TP.HCM vì phải trả lương cao, bà V. về quê tìm trẻ ở các huyện Lai Giang, Yên Thế (tỉnh Bắc Giang). Đưa các em vào TP.HCM, bà V. thuê căn nhà gác trong hẻm sâu quận Tân Phú với giá 3 triệu đồng mỗi tháng, sử dụng toàn bộ tầng trệt để đặt bàn máy may, vất vả cho thợ làm việc. Còn gác xếp làm chỗ ăn ở, sinh hoạt.

Vì mới ra làm riêng nên bà V. chưa có mối hàng lớn, phải nhận lại đồ thun gia công. Đây là hợp đồng “F2”, vì chủ hàng của bà cũng là người được các công ty

giao lại hàng. Sản xuất được sang tay mấy lần nên bà không còn lợi nhuận bao nhiêu. Bà phải hà tiện tối đa để duy trì hoạt động và phát triển cơ sở. Thức ăn cho thợ chủ yếu được mua ở chợ chiều, bán ế cho rẻ. Bữa tối được nấu dư cơm để thợ ăn sáng, bà khỏi phải mất tiền mua thức ăn ngoài.

Phòng sản xuất rộng khoảng 40m², đặt gần chục máy may, máy vắt sổ thành hai dãy nhưng chỉ có một bóng đèn neon 1,2m. Thợ trẻ em phải căng mắt làm trong ánh sáng lờ mờ. Đặc biệt, bà V. còn gián tiếp giảm lương bằng tăng giờ lao động. Đây là “độc chiêu” mà nhiều chủ cơ sở khác cũng đang dùng triệt để. Họ chỉ nói hàng giao gấp. Còn các em nhỏ thì chẳng được tăng lương và cũng chẳng thể kêu ca gì.

Tiền làm hàng của bà V. thường được người giao hàng “gối đầu” sau một vài đợt, đôi khi còn thanh toán chậm hơn. Để “nắm đằng chuôi”, bà V. cũng chậm trả lương cho thợ của mình. Ngay cả những đứa trẻ đã biết may, bà chỉ trả lương mỗi năm một lần với mức 6-7 triệu đồng. Còn những em nhỏ mới vào phụ hoặc tập may, bà thường chỉ trả lương sau hai năm, dù chỉ có 400.000-500.000 đồng mỗi tháng.

Bà V. than với thợ rằng tiền công chậm về nên chưa thanh toán lương được, nhưng thật ra ngay từ ban đầu làm hợp đồng tay với nhau bà đã quy định cách trả lương mỗi năm. Đó là kiểu ăn chắc của chủ lao động vì có trục trặc hay hợp đồng hàng bị trả về, gánh nặng thiệt hại, lỗ lãi của bà sẽ được chuyển sang vai những thợ nhỏ tuổi.

Ngoài làm gia công cho các công ty, đa số cơ sở may gia đình ở TP.HCM cung hàng cho các chợ đầu mối An Đông, Tân Bình và xuất đi Campuchia, Lào, một số nước Đông Âu. Tình hình kinh tế khó khăn, không chỉ các cơ sở nhỏ như của bà V. mà các ông bà chủ lớn cũng siết chi phí để duy trì lợi nhuận. Đối tượng đầu tiên được nhắm đến là các thợ nhỏ tuổi không dễ nhảy việc, cũng chẳng dám đình công, thưa kiện gì.

Khó dứt ra

Ngoài ứng tiền trước cho cha mẹ các em, chủ lao động còn có “chiêu” giữ chặt thợ bằng lương. Làm ròng rã cả năm mới được nhận lương, nhưng các em hay bị “gối đầu” lại một phần tiền sang năm mới được nhận, và kỳ lương thứ hai của năm kế lại tiếp tục vòng luẩn quẩn khắc nghiệt đó. Vì vậy, những em muốn về quê hoặc đi làm chỗ khác sẽ khó dứt ra được. Ngoài ra, hợp đồng tay với điều khoản lập lờ “thanh toán lương theo năm, nếu nghỉ ngang sẽ không được trả lương vì phá hợp đồng” cũng là cách trói các em vào cơ sở!

Ngày hai chị em Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Văn Trường, quê xóm Đồng Gia, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế (Bắc Giang) vào may tại cơ sở ở quận Tân Phú được chủ hứa làm việc đến tối nhưng thực tế phải làm đến 23-24 giờ đêm. Chịu đựng không nổi, hai đứa trẻ xin về. Bà chủ V. muốn giữ thợ nên nạt muốn nghỉ phải trả lại tiền ứng cho cha dù chỉ là 4 triệu đồng mà hai trẻ cũng đã quần quật làm mấy tháng. Bà còn đe thêm: “Còn chưa tính tiền xe và và nuôi ăn”.

Đến khi người quen các em can thiệp, bà chủ này mới chịu bỏ qua “nuôi ăn ở” nhưng vẫn tính từng đồng tiền xe vào TP.HCM và tiền ứng. Nói qua nói lại mãi,

bà V. cũng chỉ chịu cho Duyên đi. Còn em trai phải ở lại để làm trả nợ tiền ứng trước của chị. Cậu bé đã phải làm hai năm mới được nhận 11 triệu đồng, giờ phải làm để trả thêm tiền ứng của chị. Không biết đến ngày nào cậu em mới về quê, Duyên khóc thành tiếng, chia tay em trai!

Một số trẻ may mắn mắn hợp đồng hoặc được chủ trả lương trước để về quê cũng chưa hẳn thoát khổ. Mất các em thường yếu hẳn vì làm việc thiếu sáng. Một số em còn bị ù tai, đau trí vì làm việc trong tiếng ồn quá lâu. Buồn nhất là các em Hà Văn Châu, Trần Thị Tha, Trần Thị Điệp đều 14 tuổi ở thôn biển nghèo khó Hải Tiến, thị trấn Thuận An, Thừa Thiên - Huế. Vào cơ sở may ẩm thấp bên đường Bình Long gần nghĩa trang Bình Hưng Hòa, môi trường và nước sinh hoạt rất kém, Châu làm được hai năm thì phát bệnh ung thư cổ. Ban đầu cậu bé không biết, cố chịu đau để làm gửi tiền phụ cha mẹ nuôi em.

Những hôm đau quá thì chủ mua cho vài viên thuốc hạ sốt, giảm đau vài ngàn đồng để cầm cự. Đến khi bệnh phát nặng, Châu gục ngã bên bàn máy may nên chủ phải cho về quê, được vài tuần thì mất! Sau đó, hai cô bé Trần Thị Tha, Trần Thị Điệp được một người giúp đỡ về quê. Nhưng mới đây bé Tha lại phát sốt, rồi nổi hạch cổ giống triệu chứng ban đầu của Châu. Mẹ em khóc hết nước mắt, ngày ngày van vái bệnh hiểm nghèo đừng đổ lên đầu con gái bé thơ.

Bài 18: Phối hợp hành động để ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em

Hoạt động 18.1: Vì sao cần phối hợp hành động về lao động trẻ em?

Thảo luận nhóm lớn. Hỏi học viên là từ những kiến thức đã thu được trong các bài học trước cũng như từ kinh nghiệm thực tế của mình, theo họ vì sao cần có sự phối hợp giữa các chủ thể trong việc ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em? Những yếu tố nào đảm bảo phối hợp thành công?

Hoặc:

Sử dụng một trò chơi phối hợp phù hợp để cùng trải nghiệm, phân tích và rút ra bài học về lý do cần phối hợp, cách thức phối hợp, những lưu ý khi phối hợp hành động.

Hoạt động 18.2: Ai có trách nhiệm?

Làm việc nhóm nhỏ. Đề nghị các nhóm thảo luận và xác định vai trò, trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, tổ chức trong một quốc gia trong việc ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em (trình bày trên giấy A0, theo mẫu dưới đây).

Sau khi các nhóm hoàn thành, mỗi nhóm cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

Ngăn ngừa, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về lao động trẻ em

Tên cơ quan/ tổ chức	Vai trò	Hoạt động cụ thể
Chính phủ		
Các tổ chức xã hội, NGOs..		
Các tổ chức của người sử dụng lao động		
Các tổ chức của người lao động		
Các tổ chức khác		

Hoạt động 18.3: Thảo luận nhóm nhỏ

Làm việc nhóm nhỏ. Chia làm 4 nhóm: nhóm cơ quan nhà nước; nhóm tổ chức xã hội và nhóm người lao động và nhóm cơ quan dự án về lao động trẻ em. Mỗi nhóm thảo luận và tự xác định cho mình các đối tác cần thiết để phối hợp hành động ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em? Xác định rõ vai trò trách nhiệm của mỗi cơ quan tổ chức trong hoạt động này?

Viết tóm tắt trên giấy A0 và trình bày trước cả lớp.

Hoạt động 18.4: Đóng vai

Chia lớp làm 2 nhóm, đưa ra 2 hoạt động tình huống về lao động trẻ em sau đây. Phân công cho mỗi nhóm phụ trách một tình huống, tìm ra cách giải quyết tình huống, sau đó tự đóng vai các nhân vật, chủ thể có liên quan trong tình huống đó, thể hiện tình huống và cách giải quyết trước cả lớp.

Tình huống 1

Em L.T.T. (13 tuổi, huyện H, tỉnh Đ) vừa trốn khỏi cơ sở may gia công của ông Th., bà V., thị trấn huyện.

T. được ông Th. đưa từ một xã xa của huyện tới vào làm từ tháng 2-2010 sau khi thỏa thuận với cha mẹ em sẽ trả 15 triệu đồng cho hai năm em làm việc. Hằng ngày, T. và nhiều bạn cùng trang lứa phải làm việc từ 6g sáng tới 0g hôm sau, tổng cộng 16 giờ/ngày, không có ngày nghỉ.

Vài tuần trở lại đây, tối chủ nhật thì được nghỉ từ 21h. Làm việc vất vả, ăn uống kham khổ, lại thường xuyên bị đánh nếu làm hỏng, làm chậm hoặc làm việc nhà không vừa ý ông bà chủ.

T. kể: “Nhà chật chội, hai vợ chồng ông bà chủ ngủ phía ngoài, ngay sát đó là tụi em. Đêm về, ông chủ sờ soạng hết mấy đứa”. Theo lời T., vụ này được các em báo với bà V. nhưng ngay sau khi báo, người báo đã bị ông chủ đấm đá, tát xây xẩm mặt mày.

Quá sợ hãi, các em trốn ra ngoài điện thoại cho người thân vào đón về. Ngày 6-11, người thân của T. và hai em khác đến xin ông Th., bà V. cho các em về. Lúc này, ông Th. đe dọa: “Muốn về phải nộp mỗi đứa 10 triệu!”. Quá sợ hãi, người thân của các em tìm tới chị Thu - một cựu thanh niên tình nguyện từng dạy học cho T. ở quê, hiện đang làm việc tại thị trấn huyện - cầu cứu. Chị Thu tìm cách liên lạc với công an thị trấn, UBND huyện, đồng thời cũng báo tin cho Hội Bảo vệ Quyền trẻ em của Tỉnh.

Câu hỏi:

- Với tư cách các cơ quan tổ chức có liên quan nói trên, các anh chị sẽ phối hợp giải quyết tình trạng nêu trên như thế nào?
- Hãy thể hiện giải pháp của các anh chị bằng hình thức đóng vai

Tình huống 2

Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã N. huyện T, ông Thanh, đại biểu HĐND đồng thời là Hiệu trưởng trường Tiểu học và THCS xã N. bức xúc phản ánh sự việc vào dịp mùa đông giáp Tết, rất nhiều học sinh bỏ học để phụ giúp gia đình làm nghề. Đáng lưu ý là dịp này lại trùng với kỳ thi học kỳ 1, và như vậy kết quả học tập của các em không bảo đảm, dẫn đến tâm lý chán nản và đa số không tiếp tục đi học lại sau đó. Hơn nữa, từ ngày cơ sở sản xuất chế tác đồ mỹ nghệ của ông V. Việt kiều Úc về mở tại địa phương, với mức lương gia công khá hấp dẫn đã thu hút rất nhiều trẻ em đang độ tuổi đi học đến làm tại đây, và một số trẻ trong các hộ nghèo đã quyết định bỏ học để đi làm chính thức, giúp bố mẹ có thêm thu nhập.

Ý kiến của ông Thanh được nhiều đại biểu khác chia sẻ và kiến nghị UBND xã N. cần có hành động ngay để đối phó với sự việc này. Là chủ tịch xã, bà Minh rất băn khoăn và suy nghĩ về một kế hoạch hành động hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề.

Câu hỏi:

- Theo anh/ chị, bà Minh cần phối hợp hành động với các chủ thể nào trong trường hợp này? Vì sao? Liệu các chủ thể đó có đóng góp gì trong kế hoạch hành động chung?

Lưu ý: Có thể sử dụng các tình huống khác do lớp tự đưa ra trong quá trình học, gắn liền với thực tiễn địa phương

Bài 19: Giám sát và đánh giá dự án về lao động trẻ em

Hoạt động 19.1: Thảo luận nhóm lớn

Lần lượt hỏi học viên hai câu sau đây:

- (1) Giả sử phải giám sát khóa học này, theo anh/chị chúng ta phải làm gì?
- (2) Giả sử phải đánh giá khóa học này, theo anh/chị chúng ta phải làm gì?

Hoạt động 19.2: Chia sẻ kinh nghiệm

Hỏi xem có học viên nào đã từng tham gia vào việc giám sát, đánh giá một dự án về lao động trẻ em (hoặc bất kỳ dự án nào khác nếu không có ai trong lớp đã từng tham gia vào các dự án về lao động trẻ em). Khuyến khích học viên đó chia sẻ với cả lớp về phương pháp mà người đó đã sử dụng khi giám sát, đánh giá dự án và những bài học người đó rút ra trong công việc này. Khuyến khích các học viên khác đưa ra những câu hỏi với người đó.

Hoạt động 19.3: Chia sẻ kinh nghiệm

Mời các học viên trong Hoạt động 19.2 tiếp tục trao đổi kinh nghiệm với cả lớp về việc xây dựng các chỉ số giám sát, đánh giá. Khuyến khích các học viên khác đưa ra những câu hỏi với người đó.

Hoạt động 19.4: Làm việc nhóm nhỏ

Thảo luận và cùng xây dựng một kế hoạch đánh giá dự án (chỉ xác định những yếu tố cơ bản, sử dụng mẫu dưới đây).

Sau khi kết thúc thảo luận, mỗi nhóm cử một đại diện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm với cả lớp. Khuyến khích các nhóm bình luận, nhận xét về trình bày của nhóm khác.

Kế hoạch đánh giá dự án

Những câu hỏi chính (Ta cần biết điều gì?)	Loại hình thông tin (Định tính hay định lượng)	Nguồn thông tin (Tìm thông tin ở đâu)	Phương pháp thu thập thông tin (Như thế nào?)	Những ai tham gia và khi nào? (ai sẽ thu thập và phân tích thông tin và làm khi nào?)
Dự án có phù hợp với tình hình cộng đồng không	Định tính	- Phụ nữ và nam giới tham gia dự án - Cán bộ địa phương - Cán bộ dự án	Phỏng vấn	- Phụ nữ và nam giới tham gia dự án - Cán bộ dự án (giữa kỳ và cuối dự án)
Thiết kế dự án có giá trị không?	Định tính	- Phụ nữ và nam giới tham gia dự án - Cán bộ địa phương - Cán bộ dự án	Phỏng vấn	- Phụ nữ và nam giới tham gia dự án - Cán bộ dự án (giữa kỳ và cuối dự án)

Bài 20 : Vận động tham gia và chia sẻ kinh nghiệm hoạt động về lao động trẻ em

Hoạt động 20.1: Chia sẻ kinh nghiệm

Hỏi xem có học viên nào đã từng tham gia vào việc tuyên truyền, vận động ngăn ngừa, xóa bỏ lao động trẻ em (hoặc về bất kỳ vấn đề nào khác nếu không có ai trong lớp đã từng tham gia vào các dự án về lao động trẻ em). Khuyến khích học viên đó chia sẻ với cả lớp về phương pháp mà người đó đã sử dụng khi tuyên truyền, vận động và những bài học người đó rút ra trong công việc này. Khuyến khích các học viên khác đưa ra những câu hỏi với người kể chuyện.

Hoạt động 20.2: Thảo luận nhóm lớn

Hỏi học viên các câu sau:

1. Vì sao chúng ta cần học hỏi kinh nghiệm từ những dự án đã thực hiện?
2. Chúng ta thường học hỏi kinh nghiệm bằng cách nào?
3. Chúng ta có thể phổ biến kinh nghiệm của chúng ta cho các chủ thể khác như thế nào?

Giảng viên ghi các câu trả lời lên bảng và phân tích.

Hoạt động 20.3

Hoạt động tổng kết

Cung cấp cho mỗi học viên một biểu sau và đề nghị họ hoàn thành. Sau khi tất cả đã hoàn thành, giảng viên tổ chức tổng hợp lại các ý kiến lên bảng và đưa ra những bình luận, nhận xét.

Liệt kê những nội dung chính của khóa học

- (1).....
- (2)
- (3)

Từ những gì đã nghiên cứu trong khóa học, liệt kê ba hành động/công việc mà anh/chị hoặc cơ quan anh/chị sẽ ưu tiên thực hiện để góp phần ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em

- (1).....
- (2)
- (3)

Từ những gì đã nghiên cứu trong khóa học, liệt kê ba hành động/công việc mà theo anh/chị Chính phủ cần ưu tiên thực hiện để ngăn ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em

- (1).....
- (2)
- (3)

Mẫu đánh giá cuối tập huấn

Tên khoá tập huấn:.....

Thời gian, địa điểm:.....

Giảng viên:.....

1. Các mục tiêu của lớp tập huấn đã đạt được ở mức nào? (khoanh tròn câu trả lời)

Không chút nào	Một số	Hầu hết	Tất cả
1	2	3	4

2. Bao nhiêu phần trong nội dung của lớp tập huấn là mới mẻ đối với bạn? (khoanh tròn câu trả lời)

Không chút nào	Một số	Hầu hết	Tất cả
1	2	3	4

3. Bạn đánh giá các vấn đề dưới đây như thế nào: (khoanh tròn câu trả lời)

	Rất kém	Kém	Đầy đủ	Tốt	Rất tốt
Tiện nghi/phòng họp	1	2	3	4	5
Thiết bị kỹ thuật (micrô, thiết bị trực quan)	1	2	3	4	5
Hỗ trợ hành chính	1	2	3	4	5
Hướng dẫn tập huấn	1	2	3	4	5
Số lượng và chất lượng của văn bản tài liệu	1	2	3	4	5

4. Văn bản tài liệu có đủ giúp bạn hiểu các bài trình bày và tham gia tích cực vào các cuộc thảo luận không? (khoanh tròn câu trả lời)

5. Phương pháp giảng dạy được sử dụng có phù hợp cho quá trình học tập không? (khoanh tròn câu trả lời)

Không	Phù hợp	Rất phù hợp
1	2	3

6. Theo bạn những phương pháp tập huấn nào sẽ thúc đẩy hơn nữa quá trình học tập:

.....

.....

7. Theo bạn những phương pháp tập huấn nào nên hạn chế sử dụng trong những lớp tập huấn tiếp theo:

.....

.....

8. Đề nghị bạn đánh giá về thời lượng dành cho mỗi một hoạt động dưới đây: (khoanh tròn câu trả lời)

	quá ít thời gian	vừa đủ	quá nhiều thời gian
Bài giảng	1	2	3
Hoạt động nhóm	1	2	3
Thảo luận	1	2	3
Chia sẻ kinh nghiệm	1	2	3
Bày tỏ quan điểm	1	2	3

9. Đề nghị đánh giá giảng viên: (khoanh tròn câu trả lời)

	Rất kém	Kém	Đủ	Tốt	Rất tốt
Kiến thức	1	2	3	4	5
Trình bày rõ ràng	1	2	3	4	5
Hướng dẫn	1	2	3	4	5
Phương pháp sử dụng	1	2	3	4	5

10. Chuyên đề nào có ích nhất cho công việc của bạn?

.....

.....

11. Chuyên đề nào ít hữu ích nhất cho công việc của bạn?

.....

.....

12. Nội dung nào của lớp tập huấn nên được dành thêm thời gian để thảo luận?
Dành thêm bao nhiêu thời gian thì phù hợp?

.....

.....

13. Cần bổ sung thêm nội dung nào vào chương trình của lớp tập huấn?

.....

.....

14. Các ý kiến khác cho lớp tập huấn:

.....

.....



PHẦN 2: **NHỮNG VĂN KIẾN QUỐC TẾ CHỦ CHỐT**

(I)

Những văn kiện quốc tế chủ chốt về vấn đề lao động trẻ em

CÔNG ƯỚC VỀ QUYỀN TRẺ EM, 1989³

(Trích)

Điều 28

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được học hành, và để từng bước thực hiện quyền này trên cơ sở bình đẳng về cơ hội, phải:
 - a. Thực hiện chính sách giáo dục tiểu học bắt buộc, sẵn có và miễn phí cho tất cả mọi người;
 - b. Khuyến khích Phát triển nhiều hình thức giáo dục trung học khác nhau, kể cả giáo dục phổ thông và dạy nghề, làm cho những hình thức giáo dục này có sẵn và mọi trẻ em đều có thể tiếp cận, và thi hành các biện pháp thích hợp như đưa ra loại hình giáo dục miễn phí và cung cấp hỗ trợ tài chính trong trường hợp cần thiết;
 - c. Dùng mọi phương tiện thích hợp để giúp cho tất cả mọi người, trên cơ sở khả năng của mình, đều có thể tiếp cận với giáo dục đại học;
 - d. Làm cho những hướng dẫn và thông tin về giáo dục và dạy nghề sẵn có và mọi trẻ em đều có thể tiếp cận được;
 - e. Có biện pháp khuyến khích việc đi học đều đặn ở trường và giảm tỷ lệ bỏ học.
2. Các quốc gia thành viên phải thi hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng kỷ luật nhà trường được thực hiện phù hợp với nhân phẩm của trẻ em và theo đúng Công ước này.
3. Các quốc gia thành viên phải thúc đẩy và khuyến khích sự hợp tác quốc tế trong những vấn đề liên quan đến giáo dục, đặc biệt nhằm đóng góp vào việc xoá bỏ nạn đói nát và mù chữ trên toàn thế giới và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các kiến thức khoa học, kỹ thuật và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Về mặt này, nhu cầu của các quốc gia đang phát triển phải được đặc biệt chú ý.

Điều 29

1. Các quốc gia thành viên nhất trí rằng, việc giáo dục trẻ em phải được hướng tới:
 - a. Phát triển tối đa nhân cách, tài năng, các khả năng về trí tuệ và thể chất của trẻ em;
 - b. Phát triển sự tôn trọng quyền con người và các tự do cơ bản, tôn trọng những nguyên tắc được ghi trong Hiến chương Liên Hợp Quốc;
 - c. Phát triển sự tôn trọng đối với cha mẹ của trẻ em, tôn trọng bản sắc văn hóa, ngôn ngữ và các giá trị của bản thân trẻ em, tôn trọng những giá trị quốc gia của đất nước mà trẻ em đang sống và của đất nước là nguyên quán của trẻ em, tôn trọng những nền văn minh khác với nền văn minh của nơi mà trẻ em sinh ra;
 - d. Chuẩn bị cho trẻ em sống một cuộc sống có trách nhiệm trong xã hội tự do, theo tinh thần hiểu biết, hoà bình, khoan dung, bình đẳng giữa nam và nữ và tình hữu nghị giữa các dân tộc, các nhóm chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo và những người gốc bản địa;
 - e. Phát triển sự tôn trọng đối với môi trường tự nhiên.

³ Được thông qua và đề nghị cho các quốc gia ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết số 44-25 ngày 20/11/1989 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Có hiệu lực từ ngày 2/9/1990, theo điều 49 của Công ước. Việt Nam phê chuẩn ngày 20/2/1990.

2. Không một quy định nào trong điều này hay trong điều 28 sẽ được giải thích theo hướng làm tổn hại đến quyền tự do của các cá nhân và tập thể được thành lập và điều hành những tổ chức giáo dục, với điều kiện phải luôn tuân thủ nguyên tắc được nêu trong khoản 1 của điều này và phù hợp các yêu cầu là giáo dục do các tổ chức đó cung cấp phải tuân theo các tiêu chuẩn tối thiểu mà Nhà nước đặt ra.

Điều 30

Tại những quốc gia có các nhóm thiểu số về sắc tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ hoặc những người bản địa, trẻ em thuộc một nhóm thiểu số đó hoặc trẻ em bản địa sẽ không bị khước từ quyền được hưởng nền văn hóa của mình, được bày tỏ, thực hành tôn giáo của mình và sử dụng ngôn ngữ của mình khi sinh hoạt trong cộng đồng với các thành viên khác của nhóm.

Điều 31

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được nghỉ ngơi và thư giãn, được tham gia vui chơi và những hoạt động giải trí và được tự do tham gia các sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi.
2. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng và thúc đẩy quyền của trẻ em được tham gia đầy đủ vào sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật, và sẽ khuyến khích việc dành cho trẻ em những cơ hội bình đẳng, thích hợp trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí và thư giãn.

Điều 32

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được bảo vệ không bị bóc lột về kinh tế và không phải làm bất kỳ Công việc gì nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em, hoặc có hại đối với sức khỏe hay sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức hay xã hội của trẻ em.
2. Các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục để bảo đảm thực hiện điều này. Để đạt mục tiêu này, và tính đến những điều khoản thích hợp của những văn kiện quốc tế khác, các quốc gia thành viên phải:
 - a. Quy định một hay nhiều mức tuổi tối thiểu được phép thu nhận vào làm công;
 - b. Có các quy định thích hợp về giờ giấc và điều kiện lao động của người làm công;
 - c. Có các hình thức phạt tiền hay các hình thức phạt thích hợp khác để bảo đảm thực hiện điều này.

Điều 33

Các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp thích hợp, bao gồm những biện pháp lập pháp, hành pháp, xã hội và giáo dục để bảo vệ trẻ em khỏi bị lôi kéo vào việc sử dụng bất hợp pháp các chất ma túy và kích thích thần kinh như đó được quy định trong các điều ước quốc tế có liên quan, và để ngăn ngừa việc sử dụng trẻ em vào việc sản xuất, buôn bán bất hợp pháp các chất đó.

Điều 34

Các quốc gia thành viên cam kết bảo vệ trẻ em trước mọi hình thức bóc lột và lạm dụng tình dục. Với mục đích này, các quốc gia thành viên phải đặc biệt thực hiện mọi biện pháp thích hợp ở cấp quốc gia, song phương và đa phương để ngăn ngừa;

- a. Việc xúi giục hay ép buộc trẻ em tham gia bất kỳ hoạt động tình dục trái pháp luật nào;
- b. Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong hoạt động mại dâm hay các hoạt động tình dục trái pháp luật khác;
- c. Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong các cuộc biểu diễn hay trong các tài liệu khiêu dâm.

Điều 35

Các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp song phương và đa phương thích hợp để ngăn ngừa việc bắt cóc, buôn bán trẻ em với bất kỳ mục đích gì, dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 36

Các quốc gia thành viên phải bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bóc lột khác làm phương hại về bất kỳ phương diện nào đến phúc lợi của trẻ em.

Điều 37

Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng:

- a. Không trẻ em nào bị tra tấn hay bị đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm. Những người dưới 18 tuổi nếu gây ra những hành động phạm pháp sẽ không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc tự chung thân mà không có khả năng được phóng thích;
- b. Không trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hoặc tùy tiện. Việc bắt, giam giữ hoặc bỏ tù trẻ em phải được tiến hành phù hợp với pháp luật và chỉ được coi là biện pháp cuối cùng và áp dụng trong thời hạn thích hợp ngắn nhất;
- c. Mọi trẻ em bị tước quyền tự do phải được đối xử nhân đạo với sự tôn trọng phẩm giá vốn có của con người, theo cách thức có tính đến các nhu cầu của những người ở lứa tuổi các em. Đặc biệt, mọi trẻ em bị tước quyền tự do phải được cách ly với người lớn, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ mà không nờn làm như vậy, và các em phải có quyền duy trì sự tiếp xúc với gia đình qua thư từ và các cuộc viếng thăm, trừ những trường hợp ngoại lệ;
- d. Mọi trẻ em bị tước tự do có quyền được nhanh chóng tiếp cận sự trợ giúp pháp lý và những trợ giúp thích hợp khác, cũng như quyền được chất vấn tính chất hợp pháp của việc tước tự do đó trước một Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền, độc lập, vô tư khác và có quyền đũi hỏi một quyết định nhanh chóng liên quan đến bất kỳ hành động nào như vậy.

Điều 38

1. Các quốc gia thành viên cam kết tôn trọng và bảo đảm tôn trọng những quy tắc về luật nhân đạo quốc tế trong các cuộc xung đột vũ trang có liên quan đến trẻ em mà có hiệu lực với nước mình.
2. Các quốc gia thành viên phải thi hành mọi biện pháp khả thi có thể thực hiện được nhằm bảo đảm rằng những người chưa đến tuổi 15 không phải trực tiếp tham gia chiến sự.
3. Các quốc gia thành viên phải tránh tuyển mộ bất kỳ người nào chưa đến 15 tuổi vào lực lượng vũ trang của mình; khi tuyển mộ trong số những người đó đến 15 tuổi nhưng chưa đến 18 tuổi, các quốc gia thành viên phải cố gắng ưu tiên tuyển mộ những người nhiều tuổi nhất trong số đó.
4. Phù hợp với nghĩa vụ của mình theo luật nhân đạo quốc tế là bảo vệ dân thường trong các cuộc xung đột vũ trang, các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp có thể thực hiện được nhằm bảo đảm sự bảo vệ và chăm sóc những trẻ em bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang.

.....

NGHỊ ĐỊNH THƯ KHÔNG BẮT BUỘC BỔ SUNG CÔNG ƯỚC VỀ QUYỀN TRẺ EM, VỀ VIỆC LÔI KÉO TRẺ EM THAM GIA XUNG ĐỘT VŨ TRANG, 2000⁴

(Trích)

Điều 1

Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp có thể để bảo đảm rằng những thành viên trong các lực lượng vũ trang nước mình mà chưa đến 18 tuổi sẽ không phải trực tiếp tham gia chiến sự.

Điều 2

Các quốc gia thành viên phải rằng những người chưa đến 18 tuổi sẽ không bị bắt buộc tuyển mộ vào các lực lượng vũ trang của nước mình.

Điều 3

1. Các quốc gia thành viên phải nâng độ tuổi tối thiểu được phép tuyển mộ những người tự nguyện xin phục vụ lực lượng vũ trang của nước mình đến độ tuổi nêu tại khoản 3 điều 38 Công ước về quyền trẻ em, có tính đến những nguyên tắc đó ghi trong điều đó, và thừa nhận rằng, theo Công ước, những người dưới 18 tuổi đều được bảo vệ đặc biệt.
2. Mỗi quốc gia thành viên phải đưa ra một tuyên bố có tính ràng buộc sau khi phê chuẩn hay gia nhập Nghị định thư này, trong tuyên bố đó phải nêu rõ độ tuổi tối thiểu mà có thể chấp nhận cho một người tự nguyện xin phục vụ các lực lượng vũ trang của nước mình và mục tả các biện pháp bảo vệ mà quốc gia đó đưa ra để đảm bảo rằng sự tuyển mộ như vậy không phải là cưỡng bức hoặc ép buộc.
3. Các quốc gia thành viên cho phép tuyển mộ những người dưới 18 tuổi tự nguyện xin phục vụ các lực lượng vũ trang quốc gia cần duy trì các biện pháp bảo vệ để nhằm mục đích tối thiểu là:
 - a. Sự tuyển mộ như vậy là thực sự tự nguyện.
 - b. Sự tuyển mộ như vậy được tiến hành với sự đồng ý có chứng thực của cha mẹ hay người giám hộ pháp lý của người được tuyển mộ.
 - c. Những người được tuyển mộ phải được thông báo đầy đủ về các nhiệm vụ liên quan đến việc phục vụ quân sự như vậy.
 - d. Những người tự nguyện phải cung cấp những chứng cứ tin cậy về độ tuổi của họ trước khi được nhận vào phục vụ quân đội quốc gia.

⁴ Được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 25/5/2000 theo Nghị quyết A/RES/-54/263. Có hiệu lực từ ngày 12/02/2002. Việt Nam phê chuẩn ngày 20/12/2001.

4. Mỗi quốc gia thành viên có thể củng cố thêm tuyển bố của mình vào bất cứ lực nào bằng cách thông báo về điều đó với Tổng thư ký Liên Hợp Quốc. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ thông báo cho tất cả các quốc gia thành viên. Sự thông báo này sẽ có hiệu lực vào ngày Tổng thư ký Liên Hợp Quốc nhận được văn bản thông báo của quốc gia.

5. Yêu cầu nâng độ tuổi tối thiểu trong khoản 1 điều này không áp dụng cho các trường học do các lực lượng vũ trang điều hành hoặc kiểm soát, chiếu theo các điều 28 và 29 của Công ước về quyền trẻ em.

Điều 4

1. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, các nhóm vũ trang không thuộc những lực lượng vũ trang của nhà nước cũng không được tuyển mộ hay sử dụng những người dưới 18 tuổi trong chiến sự.
2. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp có thể để ngăn ngừa sự tuyển mộ và sử dụng trẻ em như vậy, bao gồm việc thông qua những biện pháp pháp lý cần thiết để cấm và hình sự hoá những hành động đó.
3. Việc áp dụng điều này của Nghị định thư không gây ảnh hưởng đến vị thế pháp lý của bất cứ bên nào trong một cuộc xung đột vũ trang.

Điều 5

Không một điều nào trong Nghị định thư này được lý giải nhằm loại trừ các quy định trong luật pháp của một quốc gia thành viên hay trong những văn kiện pháp lý quốc tế và luật nhân đạo quốc tế mà có lợi hơn trong việc hiện thực hoá các quyền trẻ em.

Điều 6

1. Mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp pháp lý, hành chính và những biện pháp cần thiết khác để đảm bảo sự tuân thủ và thực hiện có hiệu quả những điều khoản của Nghị định thư này trong khuôn khổ quyền tài phán của quốc gia đó.
2. Các quốc gia thành viên cam kết phổ biến rộng rãi và đẩy mạnh việc tuyên truyền về những nguyên tắc và điều khoản của Nghị định thư này bằng những biện pháp phù hợp cho cả người lớn và trẻ em.
3. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả những biện pháp có thể để đảm bảo rằng những người thuộc quyền tài phán của mình mà đã được tuyển mộ hay sử dụng trong chiến sự trái với Nghị định thư này phải được giải ngũ hoặc miễn phục vụ. Khi cần thiết, các quốc gia thành viên phải dành cho những người này tất cả sự trợ giúp thích hợp để giúp họ phục hồi thể lực, tâm lý và tái hoà nhập xã hội.

Điều 7

1. Các quốc gia thành viên phải hợp tác trong việc thực hiện Nghị định thư này, kể cả việc ngăn chặn bất kỳ hành động nào trái với Nghị định thư và phục hồi, tái hoà nhập xã hội những người là nạn nhân của các hành động trái với Nghị định thư, bao gồm việc thông qua sự hợp tác kỹ thuật và hỗ trợ tài chính. Sự hỗ trợ và hợp tác như vậy sẽ được tiến hành với sự tham khảo ý kiến của các quốc gia thành viên có Liên quan và những tổ chức quốc tế thích hợp.
2. Những quốc gia thành viên có điều kiện làm như vậy phải hỗ trợ qua các chương trình đa phương, song phương hiện có hay các chương trình khác, hay qua một quỹ tự nguyện được thành lập theo đúng các quy tắc của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc.

.....

NGHỊ ĐỊNH THƯ KHÔNG BẮT BUỘC BỔ SUNG CÔNG ƯỚC VỀ QUYỀN TRẺ EM, VỀ VIỆC BUÔN BÁN TRẺ EM, MẠI DÂM TRẺ EM VÀ VĂN HÓA PHẨM KHIÊU DÂM TRẺ EM, 2000⁵

(Trích)

Điều 1

Các quốc gia thành viên phải cấm việc buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em như đã được quy định trong Nghị định thư này.

Điều 2

Trong phạm vi Nghị định thư này:

- a. Buôn bán trẻ em có nghĩa là bất kỳ hành động hoặc giao dịch nào mà qua đó trẻ em bị chuyển giao từ bất kỳ một người hay một nhóm người nào cho một người hay một nhóm người khác để lấy tiền hay một giá trị trao đổi gì khác.
- b. Mại dâm trẻ em là việc sử dụng trẻ em trong các hoạt động tình dục để lấy tiền hay bất kỳ giá trị trao đổi nào khác.
- c. Văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em nghĩa là bất kỳ sự trình bày nào, bằng bất kỳ phương tiện gì, về trẻ em tham gia vào các hoạt động tình dục một cách thực sự hoặc mô phỏng, hay bất cứ sự trình bày nào về các cơ quan sinh dục của trẻ em, mà chủ yếu là nhằm các mục đích tình dục.

Điều 3

1. Mỗi quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng, tối thiểu những hành vi và hoạt động sau đây phải được coi là cấu thành tội phạm trong pháp luật hình sự nước mình, cho dù các hành vi tội phạm như vậy được thực hiện ở trong nước hay ở nước ngoài, mang tính chất cá nhân hay có tổ chức:

- a. Trong khuôn khổ vấn đề buôn bán trẻ em quy định trong Điều 2
- i. Việc cung cấp, chuyển giao hay tiếp nhận trẻ em, bằng bất cứ phương cách nào, nhằm các mục đích:
 - ◆ Bóc lột các em về tình dục.
 - ◆ Chuyển giao những bộ phận cơ thể của các em để thu lợi.
 - ◆ Cưỡng bức các em phải lao động.
- ii. Với tư cách là người trung gian, xúi giục một cách không lương thiện để có được sự đồng ý cho trẻ em làm con nuôi, vi phạm những quy định trong các văn bản pháp lý quốc tế đang được áp dụng về con nuôi.
- b. Cho, nhận, mua hay cung cấp trẻ em vì mục đích mại dâm như được xác định trong Điều 2.

5 Được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua và mở cho các nước ký, phê chuẩn, gia nhập theo Nghị quyết A/RES/54/263, ngày 25/5/2000. Có hiệu lực từ ngày 18/01/2002. Việt Nam phê chuẩn ngày 20/12/2001.

- c. Sản xuất, phân phối, phổ biến, nhập khẩu, xuất khẩu, chào mời, buôn bán hay sở hữu văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em như đã được xác định trong Điều 2.
- 2. Phù hợp với pháp luật của các quốc gia, hành vi âm mưu thực hiện, đồng lõa hay tham gia vào bất kỳ hành động nào nêu trên, cũng phải bị coi là tội phạm.
- 3. Mỗi quốc gia thành viên phải quy định những hình phạt thích hợp đối với các tội phạm đó, tùy theo tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội.
- 4. Tùy theo quy định của pháp luật quốc gia mình, các quốc gia thành viên phải thực hiện những biện pháp cần thiết để quy trách nhiệm pháp lý cho những kẻ phạm các tội nêu ở khoản 1 điều này. Tùy thuộc vào các nguyên tắc pháp lý đang áp dụng ở các quốc gia, trách nhiệm pháp lý như vậy có thể là trách nhiệm hình sự, dân sự hay hành chính.
- 5. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp lập pháp và hành pháp thích hợp để đảm bảo rằng, tất cả những người liên quan đến việc cho nhận trẻ em làm con nuôi phải hành động phù hợp với các văn bản pháp lý quốc tế đang được áp dụng về vấn đề này.

Điều 4

- 1. Mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình với các tội phạm được nói đến trong khoản 1 điều 3, khi những tội phạm này xảy ra trên lãnh thổ nước mình, hay trên tàu thủy hoặc máy bay được đăng ký ở nước mình.
- 2. Mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình đối với các tội phạm được nói đến trong khoản 1 điều 3 trong những trường hợp sau:
 - a. Khi người bị coi là phạm tội là công dân nước mình, hay là người thường trú ở nước mình.
 - b. Khi nạn nhân là công dân nước mình.
- 3. Mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình đối với các tội phạm trên, khi người bị coi là phạm tội đang có mặt trên lãnh thổ nước mình và quốc gia thành viên không dẫn độ người đó sang một quốc gia thành viên khác, với lý do rằng tội phạm là do công dân của nước mình gây ra.
- 4. Nghị định thư này không loại trừ bất kỳ quyền tài phán hình sự nào được thực hiện theo pháp luật quốc gia.

Điều 5

- 1. Những tội phạm nói trong khoản 1 điều 3 phải được đưa vào danh sách các tội phạm có thể bị dẫn độ trong bất kỳ hiệp định dẫn độ nào hiện đang áp dụng giữa các quốc gia thành viên, cũng như phải được đưa vào danh sách những tội phạm có thể bị dẫn độ trong mọi hiệp ước dẫn độ sau này có thể được ký kết giữa các quốc gia thành viên, phù hợp với những điều kiện được đề ra trong các hiệp ước như vậy.

2. Nếu một quốc gia thành viên áp dụng việc dẫn độ trên cơ sở các hiệp ước ký kết giữa hai bên mà nhận được đề nghị dẫn độ của một quốc gia thành viên khác mà giữa hai nước chưa ký hiệp ước dẫn độ thì có thể coi Nghị định thư này là cơ sở pháp lý để dẫn độ các tội phạm như vậy. Sự dẫn độ phải căn cứ vào những điều kiện quy định trong pháp luật của quốc gia được đề nghị.
3. Các quốc gia thành viên không coi việc dẫn độ phụ thuộc vào sự tồn tại của một hiệp ước phải công nhận những tội phạm như vậy là các tội phạm có thể bị dẫn độ giữa các quốc gia đó với nhau, căn cứ vào những điều kiện nêu trong pháp luật của quốc gia được đề nghị.
4. Vì mục đích dẫn độ giữa các quốc gia thành viên, những tội phạm như vậy phải được xem như là chúng xảy ra không chỉ ở nơi chúng bị phát hiện, mà cả trên các lãnh thổ của quốc gia đã yêu cầu được thực hiện quyền tài phán của họ phù hợp với quy định ở điều 4.
5. Nếu một đề nghị về dẫn độ được nêu ra với một tội phạm được nêu ở khoản 1 điều 3, và nếu quốc gia thành viên được đề nghị không hoặc sẽ không dẫn độ tội phạm đó với lý do từ quốc tịch của người phạm tội, thì quốc gia từ chối dẫn độ phải tiến hành những biện pháp thích hợp để chuyển vụ việc lên các nhà chức trách có thẩm quyền để truy tố.

Điều 6

1. Các quốc gia thành viên phải dành cho nhau sự tương trợ tư pháp đến mức tối đa trong việc điều tra hoặc trong các thủ tục tố tụng hình sự hay dẫn độ có liên quan đến các tội phạm nêu ở khoản 1 điều 3, bao gồm sự trợ giúp trong việc thu thập những chứng cứ cần thiết trong hoạt động tố tụng.
2. Các quốc gia thành viên phải thực hiện những nghĩa vụ của họ theo khoản 1 điều này phù hợp với bất kỳ hiệp ước hay thoả thuận nào khác về hỗ trợ pháp lý song phương mà đang có hiệu lực giữa các quốc gia. Trong trường hợp không có những hiệp ước hay thoả thuận như thế thì các quốc gia thành viên phải hỗ trợ lẫn nhau theo quy định trong pháp luật của mỗi nước.

Điều 7

Tuỳ theo pháp luật trong nước, các quốc gia thành viên phải:

- a. Khi cần thiết, tiến hành các biện pháp để tịch thu hay xung công:
 - ◆ Các tài sản, chẳng hạn như vật liệu, đồ đạc hay các công cụ khác được sử dụng để phạm tội hay để hỗ trợ phạm các tội theo Nghị định thư này.
 - ◆ Tiền thu được từ những hoạt động tội phạm đó.
- b. Thực hiện những đề nghị của các quốc gia thành viên khác về tịch thu hay xung công các tài sản hay tiền thu được nói đến trong mục a (i).
- c. Tiến hành các biện pháp nhằm đóng cửa tạm thời hay vĩnh viễn những cơ sở sử dụng để phạm các tội này.

Điều 8

1. Các quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp thích hợp để bảo vệ quyền và lợi ích của những trẻ em là nạn nhân của các hành động bị cấm theo Nghị định thư này trong tất cả các giai đoạn của tố tụng hình sự, cụ thể như thông qua các việc:
 - a. Công nhận tính chất dễ bị tổn thương của các nạn nhân là trẻ em và sửa đổi những thủ tục công nhận những nhu cầu đặc biệt của nhóm trẻ em này, bao gồm cả những nhu cầu đặc biệt với cương vị người làm chứng.
 - b. Thông tin cho các nạn nhân là trẻ em về các quyền và vai trò của các em, cũng như về phạm vi, thời gian, tiến trình của hoạt động tố tụng và khuynh hướng phát triển của các vụ việc liên quan đến các em.
 - c. Cho phép các nạn nhân trẻ em trình bày các quan điểm, nhu cầu, mối quan tâm của các em, và phải xem xét đến những điều này trong quá trình tố tụng khi mà quyền lợi cá nhân của các em có thể bị ảnh hưởng, theo cách thức phù hợp với các thủ tục tố tụng của pháp luật quốc gia.
 - d. Cung cấp cho các nạn nhân trẻ em những dịch vụ hỗ trợ phù hợp trong suốt quá trình tố tụng pháp lý.
 - e. Khi cần thiết, phải bảo vệ sự riêng tư và lai lịch của các nạn nhân trẻ em và phải tiến hành các biện pháp phù hợp với pháp luật quốc gia để tránh sự phổ biến một cách không phù hợp những thông tin mà có thể dẫn đến tiết lộ lai lịch của các nạn nhân trẻ em.
 - f. Trong những trường hợp cần thiết, phải bảo vệ các nạn nhân trẻ em cũng như các thành viên trong gia đình các em và những người làm chứng khỏi bị đe dọa và uy hiếp.
 - g. Phải tránh những trì hoãn không cần thiết trong việc xử lý các vụ việc và trong việc thi hành những quy định, quyết định về bồi thường cho các nạn nhân trẻ em.
2. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng việc không biết chắc chắn về độ tuổi của nạn nhân sẽ không cản trở việc tiến hành các cuộc điều tra hình sự, bao gồm những cuộc điều tra để xác định tuổi thực sự của nạn nhân.
3. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng, hệ thống tư pháp hình sự phải hành động theo nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là điều được quan tâm hàng đầu trong việc đối xử với trẻ em là nạn nhân của những tội phạm được nêu trong Nghị định thư này.
4. Các quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp để bảo đảm rằng tất cả những người làm việc với trẻ em là nạn nhân của những tội phạm bị cấm theo Nghị định thư này phải được đào tạo phù hợp, đặc biệt là về pháp lý và tâm lý.
5. Trong những trường hợp phù hợp, các quốc gia thành viên phải thông qua những biện pháp để bảo vệ sự liêm chính của những người và/hoặc tổ chức tham gia vào việc ngăn ngừa và/hoặc bảo vệ và phục hồi các trẻ em là nạn nhân của những tội phạm như vậy.
6. Không có quy định nào trong điều này được giải thích theo hướng làm tổn hại hay không nhất quán với các quyền của những người bị cáo buộc phạm các tội quy định trong Nghị định thư này được xét xử một cách công bằng, không thiên vị.

Điều 9

1. Các quốc gia thành viên phải thông qua hay tăng cường, thực hiện và phổ biến các văn bản pháp luật, các biện pháp hành chính, và những chính sách và chương trình xã hội nhằm phòng ngừa những tội phạm được nói đến trong Nghị định thư này. Phải đặc biệt chú ý đến việc bảo vệ những trẻ em đặc biệt dễ bị tổn thương bởi những tội phạm đó.
2. Các quốc gia thành viên phải nâng cao nhận thức của người dân nói chung, bao gồm trẻ em, qua việc phổ biến thông tin bằng tất cả các phương tiện thích hợp, và thông qua các hoạt động giáo dục, tập huấn về các biện pháp phòng ngừa và những tác động nguy hại của những tội phạm được nêu trong Nghị định thư này. Để hoàn thành nghĩa vụ mình theo điều này, các quốc gia thành viên phải khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là của trẻ em và những nạn nhân trẻ em, vào các chương trình thông tin, giáo dục và tập huấn như vậy, kể cả ở cấp độ quốc tế.
3. Các quốc gia thành viên phải tiến hành tất cả những biện pháp có thể nhằm bảo đảm cung cấp tất cả những hỗ trợ phù hợp cho các nạn nhân trẻ em của những tội phạm như vậy, bao gồm việc giúp các em hoà nhập đầy đủ vào xã hội và phục hồi đầy đủ về thể chất và tâm lý cho các em.
4. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng tất cả các nạn nhân trẻ em của những tội phạm được nêu trong Nghị định thư này, không có sự phân biệt đối xử nào, đều được tiếp cận với những thủ tục tố tụng thích đáng để yêu cầu bồi thường cho những tổn hại gây ra bởi những người phải chịu trách nhiệm pháp lý cho những tổn hại đó.
5. Các quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm cấm một cách có hiệu quả việc sản xuất và phổ biến những tài liệu quảng cáo, tuyên truyền cho các tội phạm được nêu trong Nghị định thư này.

Điều 10

1. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để tăng cường hợp tác quốc tế, thông qua những thoả thuận đa phương, khu vực và song phương để ngăn chặn, phát hiện, điều tra, khởi tố và trừng phạt những kẻ chịu trách nhiệm về các hoạt động liên quan tới buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em, văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em và du lịch tình dục trẻ em. Các quốc gia thành viên cũng phải đẩy mạnh sự hợp tác và phối hợp quốc tế giữa các nhà chức trách của các nước, những tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế và các tổ chức quốc tế.
2. Các quốc gia thành viên phải đẩy mạnh sự hợp tác quốc tế để hỗ trợ các nạn nhân trẻ em phục hồi về thể chất và tâm lý, cũng như để hồi hương và tái hoà nhập các em vào xã hội.
3. Các quốc gia thành viên phải đẩy mạnh hợp tác quốc tế để giải quyết những nguyên nhân gốc rễ của vấn đề như tình trạng nghèo đói và kém phát triển, những điều kiện làm cho trẻ em dễ bị rơi vào các hoàn cảnh bị buôn bán, làm mại dâm, bị sử dụng để sản xuất văn hoá phẩm khiêu dâm và trong du lịch tình dục trẻ em.

4. Các quốc gia thành viên có điều kiện phải hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và về những mặt khác cho các nước nghèo, thông qua các chương trình đa phương, khu vực, song phương hay những chương trình khác hiện có.

Điều 11

Không có quy định nào trong Nghị định thư này ảnh hưởng đến bất cứ điều khoản nào thuận lợi hơn trong việc hiện thực hoá các quyền trẻ em mà có thể đã có trong:

- a. Pháp luật của một quốc gia thành viên,
- b. Pháp luật quốc tế có hiệu lực với quốc gia thành viên ấy.

.....

CÔNG ƯỚC VỀ TUỔI LAO ĐỘNG TỐI THIỂU, 1973

(Công ước số 138 của ILO, Việt Nam phê chuẩn ngày 24/6/2003)

Hội nghị toàn thể của Tổ chức Lao động quốc tế,

Được Hội đồng quản trị của Văn phòng Lao động quốc tế triệu tập tại Giơ-ne-vơ ngày 06/7/1973, trong kỳ họp thứ năm mươi tám;

Đã quyết định thông qua một số đề xuất về tuổi tối thiểu được tuyển dụng vào làm việc là vấn đề thuộc điểm thứ tư trong chương trình nghị sự của hội nghị;

Ghi nhận những điều khoản của Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc công nghiệp) năm 1919, Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc ngoài biển) năm 1920, Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc nông nghiệp) năm 1921, Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc dưới hầm tàu và đốt lò) năm 1921, Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc phi công nghiệp) năm 1932, Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc ngoài biển) (sửa đổi) năm 1936; Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc công nghiệp) (sửa đổi) năm 1937, Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc phi công nghiệp) (sửa đổi) năm 1937, Công ước về Tuổi tối thiểu (trong công việc đánh cá) năm 1959, và Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc dưới mặt đất) năm 1965, và

Xét rằng đã đến lúc phải xây dựng một văn kiện quốc tế chung về vấn đề này để từng bước thay thế các văn kiện hiện có được áp dụng trong các khu vực kinh tế nhất định, nhằm đạt được mục tiêu huỷ bỏ hoàn toàn việc sử dụng lao động trẻ em, và

Sau khi đã quyết định rằng những đề xuất này sẽ được tập hợp dưới hình thức một công ước quốc tế,

Thông qua vào ngày 26/7/1973 công ước dưới đây, gọi là Công ước về Tuổi lao động tối thiểu, 1973.

Điều 1

Các quốc gia thành viên Công ước này cam kết theo đuổi một chính sách quốc gia được xây dựng để bảo đảm việc xoá bỏ một cách hiệu quả tình trạng lao động trẻ em và để nâng dần độ tuổi tối thiểu được tuyển dụng vào làm việc hoặc được tham gia lao động tới độ tuổi mà thanh thiếu niên đạt được mức độ phát triển đầy đủ nhất về thể chất và trí lực.

Điều 2

1. Các quốc gia thành viên Công ước này, trong bản tuyên bố kèm theo văn bản phê chuẩn Công ước, phải nêu rõ độ tuổi tối thiểu được tuyển dụng vào làm việc hoặc được tham gia lao động trên lãnh thổ nước mình và trên những

phương tiện vận tải đăng ký ở nước mình; phù hợp với những quy định tại các điều từ 4 đến 8 Công ước này, không một ai ở dưới mức tuổi tối thiểu đó có thể được tuyển dụng hoặc được làm việc trong bất cứ nghề nào.

2. Các quốc gia thành viên sau khi phê chuẩn Công ước này có thể có những tuyên bố mới để thông báo cho Tổng giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế biết rằng nước mình đã nâng độ tuổi lao động tối thiểu lên cao hơn so với độ tuổi trước đó đã quy định.
3. Độ tuổi tối thiểu nêu trong khoản 1 điều này phải không được thấp hơn độ tuổi kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc, và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được dưới 15 tuổi.
4. Mặc dầu có quy định tại khoản 3 điều này, những quốc gia thành viên mà nền kinh tế và các điều kiện giáo dục còn kém phát triển thì sau khi tham khảo ý kiến của các tổ chức của người sử dụng lao động và của người lao động có liên quan có thể xác định mức tuổi lao động tối thiểu là 14 tuổi trong giai đoạn đầu.
5. Các quốc gia thành viên đã quy định mức tuổi lao động tối thiểu là 14 tuổi theo khoản trên thì trong các báo cáo về việc áp dụng Công ước nội theo quy định tại điều 22 Điều lệ của Tổ chức Lao động quốc tế phải cho biết:
 - a. Lý do của việc vẫn quy định mức tuổi như vậy; hoặc
 - b. Từ thời điểm cụ thể nào họ sẽ thôi không áp dụng khoản 4 nói trên.

Điều 3

1. Đối với bất kỳ công việc hoặc nghề nghiệp nào mà do tính chất hoặc điều kiện tiến hành có thể có hại cho sức khỏe, sự an toàn hoặc đạo đức của thanh thiếu niên thì mức tuổi lao động tối thiểu không được dưới 18 tuổi.
2. Những loại công việc hoặc nghề nghiệp nêu ở khoản 1 điều này phải được quy định trong các luật hoặc văn bản pháp quy quốc gia, hoặc do các nhà chức trách có thẩm quyền xác định, sau khi đã tham khảo ý kiến của các tổ chức của người sử dụng lao động và của người lao động có liên quan.
3. Mặc dù có quy định ở khoản 1 điều này, các luật hoặc văn bản pháp quy quốc gia hay các nhà chức trách có thẩm quyền vẫn có thể, sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức của người sử dụng lao động và của người lao động có liên quan, cho phép việc tuyển dụng hoặc tham gia làm việc các thanh thiếu niên từ độ tuổi 16, với điều kiện là sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của họ phải được bảo vệ đầy đủ và những thanh thiếu niên này phải được hướng dẫn hay đào tạo một cách cụ thể và thích đáng để làm các công việc tương ứng.

Điều 4

1. Nếu cần thiết và sau khi đã tham khảo ý kiến các tổ chức hữu quan của người sử dụng lao động và của người lao động, các nhà chức trách có thẩm quyền có thể không áp dụng công ước này với một số giới hạn công việc hoặc nghề nghiệp mà việc áp dụng công ước này cho những loại công việc hoặc nghề nghiệp đó sẽ gây ra những khó khăn đặc biệt và quan trọng cho việc thi hành.

2. Các quốc gia thành viên Công ước này, trong báo cáo đầu tiên về việc áp dụng công ước nộp theo quy định tại điều 22 Điều lệ của Tổ chức Lao động quốc tế phải liệt kê những loại công việc hoặc nghề nghiệp nào là đối tượng được loại ra theo khoản 1 điều này và phải giải thích rõ về việc đó; trong những báo cáo tiếp theo sẽ phải mô tả tình hình pháp luật và thực tiễn nước mình liên quan đến những loại công việc hoặc nghề nghiệp bị loại trừ áp dụng đó cũng như mức độ ảnh hưởng của việc này đã xảy ra và có thể xảy ra với Công ước.
3. Những công việc hoặc nghề nghiệp nêu ở điều 3 Công ước sẽ không được coi là đối tượng có thể bị loại trừ áp dụng theo quy định tại điều này.

Điều 5

1. Những quốc gia thành viên mà nền kinh tế và các điều kiện quản lý hành chính còn kém phát triển thì sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức hữu quan của người sử dụng lao động và của người lao động có thể giới hạn phạm vi áp dụng công ước này trong giai đoạn đầu.
2. Mọi quốc gia thành viên muốn áp dụng khoản 1 điều này thì trong bản tuyên bố kèm theo văn bản phê chuẩn của mình phải ghi rõ những hoạt động kinh tế nào hoặc những dạng nghề nghiệp nào sẽ áp dụng những quy định của Công ước này.
3. Phạm vi áp dụng Công ước này ít nhất phải bao gồm: các ngành công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu; công nghiệp chế tạo; công nghiệp xây dựng; công nghiệp điện, khí đốt và nước; các dịch vụ vệ sinh; dịch vụ vận tải; kho bãi; thông tin liên lạc; đồn điền và các cơ sở nông nghiệp khác mà sản phẩm chủ yếu nhằm mục đích thương mại; song loại trừ những cơ sở sản xuất nông nghiệp mang tính chất gia đình hoặc có quy mô nhỏ, sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ở địa phương và không thường xuyên thuê mướn lao động.
4. Bất kỳ quốc gia thành viên nào đã giới hạn phạm vi áp dụng Công ước theo điều này đều phải;
 - a. Chỉ rõ trong các báo cáo về việc áp dụng Công ước nộp theo quy định tại điều 22 Điều lệ của Tổ chức Lao động quốc tế tình hình chung ở nước mình liên quan đến thanh thiếu niên và trẻ em được tuyển dụng hoặc tham gia làm việc trong những ngành nghề được loại ra khỏi phạm vi áp dụng Công ước này, cũng như bất kỳ tiến trình đã được thực hiện nhằm mở rộng việc áp dụng những quy định của Công ước;
 - b. Bất kỳ lúc nào cũng có thể chính thức mở rộng phạm vi áp dụng Công ước bằng một bản tuyên bố gửi cho Tổng giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế.

Điều 6

Công ước này không áp dụng với những hình thức lao động do trẻ em hoặc thiếu niên tiến hành ở các trường phổ thông, các cơ sở dạy nghề hoặc đào tạo kỹ thuật hay trong các cơ sở đào tạo khác; hoặc với những công việc do những người từ 14 tuổi trở lên tiến hành trong các cơ sở mà những công việc đó được tiến hành theo đúng những điều kiện mà các nhà chức trách có thẩm quyền đã quy định sau khi đã tham khảo ý kiến các tổ chức hữu quan của người sử dụng lao động và của người lao động, và với điều kiện những công việc đó là một bộ phận không tách rời của:

- a. Một khoá giáo dục hoặc đào tạo nghề mà do một nhà trường hay một cơ sở đào tạo nghề chịu trách nhiệm chính;
- b. Một chương trình đào tạo nghề mà toàn bộ hay một phần thuộc về một chương trình đã được các nhà chức trách có thẩm quyền chấp thuận;
- c. Một chương trình hướng nghiệp được xây dựng nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc lựa chọn hay đào tạo một nghề nghiệp nhất định.

Điều 7

1. Luật hoặc pháp quy quốc gia có thể cho phép tuyển dụng hoặc tham gia lao động với những người từ 13 đến 15 tuổi trong những công việc nhẹ mà:
 - a. Không có khả năng gây tổn hại đến sức khoẻ hoặc sự phát triển của các em;
 - b. Không ảnh hưởng đến việc học tập, việc tham gia vào những chương trình hướng nghiệp hay đào tạo nghề mà đã được các nhà chức trách có thẩm quyền chấp thuận, hoặc những chương trình mà các em có khả năng tiếp thu.
2. Luật hoặc pháp quy quốc gia có thể cho phép tuyển dụng hoặc tham gia lao động của những người từ ít nhất từ 15 tuổi trở lên tuy chưa hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc, trong các công việc thoả mãn các điều kiện đã nêu trong các điểm (a) và (b) khoản 1 điều này.
3. Các nhà chức trách có thẩm quyền phải xác định những hoạt động nào mà cho phép tuyển dụng hoặc lao động theo quy định ở các khoản 1 và 2 điều này, và phải quy định số giờ cũng như những điều kiện cho việc tuyển dụng hoặc lao động như vậy.
4. Mặc dầu có những quy định tại các khoản 1 và 2 điều này, quốc gia thành viên nào đã áp dụng những quy định tại khoản 4 điều 2 vẫn có thể, chừng nào còn áp dụng những quy định đó, thay thế các độ tuổi 12 và 14 cho các độ tuổi 13 và 15 đã nêu ở khoản 1 và thay thế độ tuổi 14 cho độ tuổi 15 nêu trong khoản 2 điều này.

Điều 8

1. Sau khi đã tham khảo ý kiến của các tổ chức hữu quan của người sử dụng lao động và của người lao động, các nhà chức trách có thẩm quyền có thể, như một ngoại lệ đối với việc cấm tuyển dụng hoặc tham gia lao động nêu tại điều 2 Công ước này, cấp giấy phép lao động trên cơ sở các trường hợp của cá nhân, với mục đích chuẩn bị cho các hoạt động biểu diễn nghệ thuật.
2. Giấy phép cấp như vậy phải quy định giới hạn về thời gian và những điều kiện của việc tuyển dụng hoặc lao động.

Điều 9

1. Các nhà chức trách có thẩm quyền phải tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết, kể cả những chế tài thích đáng để bảo đảm việc tuân thủ hữu hiệu những quy định của Công ước này.

2. Luật hoặc pháp quy quốc gia, hoặc nhà chức trách có thẩm quyền phải xác định những chủ thể nào có trách nhiệm tuân thủ những quy định của Công ước.
3. Luật hoặc pháp quy quốc gia, hoặc nhà chức trách có thẩm quyền phải quy định các sổ đăng ký hoặc các tài liệu khác mà người sử dụng lao động phải lập và xuất trình; những sổ đăng ký hoặc tài liệu đó phải ghi rõ tên, tuổi hoặc ngày sinh đã được chứng nhận, nếu có thể, của những người mà người sử dụng lao động đã tuyển dụng, những người đang làm việc cho họ, và những lao động dưới 18 tuổi.

Điều 10

1. Công ước này sửa đổi Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc công nghiệp) năm 1919, Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc ngoài biển) năm 1920, Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc nông nghiệp) năm 1921, Công ước về tuổi tối thiểu (trong các công việc dưới hầm tàu và đốt lò) năm 1921, Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc phi công nghiệp) năm 1932, Công ước về Tuổi tối thiểu (trong các công việc ngoài biển) (sửa đổi) năm 1936; Công ước về tuổi tối thiểu (trong các công việc công nghiệp) (sửa đổi) năm 1937, Công ước về tuổi tối thiểu (trong các công việc phi công nghiệp) (sửa đổi) năm 1937, Công ước về tuổi tối thiểu (trong công việc đánh cá) năm 1959, và Công ước về tuổi tối thiểu (trong các công việc dưới mặt đất) năm 1965, theo những điều kiện dưới đây.
2. Việc công ước này có hiệu lực sẽ không cản trở việc phê chuẩn Công ước về Tuổi tối thiểu (các công việc ngoài biển) (sửa đổi) năm 1936; Công ước về tuổi tối thiểu (các công việc công nghiệp) (sửa đổi) năm 1937, Công ước về tuổi tối thiểu (các công việc phi công nghiệp) (sửa đổi) năm 1937, Công ước về tuổi tối thiểu (công việc đánh cá) năm 1959, và Công ước về tuổi tối thiểu (các công việc dưới mặt đất) năm 1965.
3. Công ước về Tuổi tối thiểu (các công việc công nghiệp) năm 1919, Công ước về Tuổi tối thiểu (các công việc ngoài biển) năm 1920, Công ước về Tuổi tối thiểu (các công việc nông nghiệp) năm 1921, Công ước về tuổi tối thiểu (các công việc dưới hầm tàu và đốt lò) năm 1921 sẽ đóng lại việc phê chuẩn khi tất cả các quốc gia thành viên tham gia các công ước đó tán thành việc đóng lại như vậy bằng cách phê chuẩn công ước này, hoặc bằng một bản tuyên bố gửi cho Tổng giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế.
4. Khi những nghĩa vụ theo Công ước này được chấp nhận:
 - a. Bởi một quốc gia thành viên đã tham gia Công ước về tuổi tối thiểu (các công việc công nghiệp) (sửa đổi) năm 1937 và đã tuyên bố theo đúng quy định ở điều 2 Công ước này một mức tuổi lao động tối thiểu ít nhất là 15 tuổi, thì Công ước trước sẽ đương nhiên không còn hiệu lực với quốc gia thành viên này;
 - b. Bởi một quốc gia thành viên đã tham gia Công ước về tuổi tối thiểu (các công việc phi công nghiệp) năm 1932, thì Công ước trước sẽ đương nhiên không còn hiệu lực với quốc gia thành viên này;
 - c. Bởi một quốc gia thành viên đã tham gia Công ước về tuổi tối thiểu (các công việc phi công nghiệp) (sửa đổi) năm 1937 và đã tuyên bố theo đúng quy định ở điều 2 Công ước này một mức tuổi lao động tối thiểu ít nhất là 15 tuổi, thì Công ước trước

- sẽ đương nhiên không còn hiệu lực với quốc gia thành viên này;
- d. Bởi một quốc gia thành viên đã tham gia Công ước về tuổi tối thiểu (các công việc ngoài biển) (sửa đổi) năm 1936 và đã tuyên bố theo đúng quy định ở điều 2 Công ước này một mức tuổi lao động tối thiểu ít nhất là 15 tuổi, hoặc đã xác nhận rằng điều 3 Công ước này được áp dụng với các công việc ngoài biển, thì Công ước trước sẽ đương nhiên không còn hiệu lực với những quốc gia thành viên này;
 - e. Bởi một quốc gia thành viên đã tham gia Công ước về tuổi tối thiểu (các công việc đánh cá) năm 1959 và đã tuyên bố theo đúng quy định ở điều 2 Công ước này một mức tuổi lao động tối thiểu ít nhất là 15 tuổi, hoặc đã xác nhận rằng điều 3 Công ước này được áp dụng với các công việc đánh cá, thì Công ước trước sẽ đương nhiên không còn hiệu lực với những quốc gia thành viên này;
 - f. Bởi một quốc gia thành viên đã tham gia Công ước về tuổi tối thiểu (các công việc dưới mặt đất) năm 1965 và đã tuyên bố theo đúng quy định ở điều 2 Công ước này một mức tuổi lao động tối thiểu ít nhất là ngang với mức tuổi tối thiểu được quy định trong Công ước năm 1965, hoặc đã xác nhận rằng độ tuổi đó được áp dụng với các công việc dưới mặt đất theo tinh thần của điều 3 Công ước này, thì Công ước trước sẽ đương nhiên không còn hiệu lực với những quốc gia thành viên này;
5. Việc chấp nhận những nghĩa vụ của công ước này sẽ dẫn đến việc bãi ước các công ước sau, nếu và khi công ước này có hiệu lực:
- a. Công ước về Tuổi tối thiểu (các công việc công nghiệp) năm 1919, theo như điều 12 của công ước này;
 - b. Công ước về Tuổi tối thiểu (các công việc nông nghiệp) năm 1921, theo như điều 9 của công ước này
 - c. Công ước về Tuổi tối thiểu (các công việc trên biển) năm 1920, theo điều 10 của công ước này, và Công ước về Tuổi tối thiểu (các công việc dưới hầm tàu và đốt lò) năm 1921, theo điều 12 công ước này.

Điều 11

Các quốc gia thông báo việc đăng ký phê chuẩn chính thức với Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế.

Điều 12

1. Công ước này chỉ ràng buộc các quốc gia thành viên Tổ chức Lao động quốc tế đã đăng ký phê chuẩn với Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế.
2. Công ước này sẽ có hiệu lực sau 12 tháng kể từ ngày có hai quốc gia thành viên đăng ký phê chuẩn.
3. Sau đó, đối với bất kỳ quốc gia thành viên nào đăng ký phê chuẩn với Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế, Công ước sẽ có hiệu lực sau 12 tháng kể từ thời điểm quốc gia thành viên đó đăng ký phê chuẩn.

Điều 13

1. Mỗi quốc gia thành viên đã phê chuẩn Công ước này có thể tuyên bố rút khỏi Công ước sau 10 năm kể từ thời điểm Công ước này bắt đầu có hiệu lực, bằng cách thông báo bằng văn bản cho Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế. Thông báo rút khỏi Công ước chỉ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày quốc gia đó đăng ký rút khỏi Công ước với Tổng giám đốc.

2. Trong vòng một năm sau khi kết thúc thời hạn 10 năm nói trong khoản trên mà một quốc gia thành viên đã phê chuẩn Công ước này không thực hiện quyền rút khỏi Công ước đã quy định tại điều này, thì sẽ bị ràng buộc trong thời hạn 10 năm tiếp theo rồi sau đó mới được rút khỏi Công ước mỗi khi kết thúc thời hạn 10 năm theo những quy định tại điều này.

Điều 14

1. Tổng giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế sẽ thông báo cho các quốc gia thành viên của Tổ chức Lao động quốc tế biết mọi trường hợp đăng ký phê chuẩn và rút khỏi Công ước do các quốc gia thành viên thông báo.
2. Khi thông báo cho các quốc gia thành viên Tổ chức Lao động quốc tế về việc đăng ký phê chuẩn của quốc gia thành viên thứ hai, Tổng Giám đốc sẽ lưu ý các quốc gia thành viên về thời điểm Công ước có hiệu lực.

Điều 15

Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế phải thông báo đầy đủ cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, nhằm mục đích lưu chiếu theo điều 102 của Hiến chương Liên Hợp Quốc, về những chi tiết của tất cả văn kiện phê chuẩn và thông báo rút khỏi Công ước được đăng ký theo quy định của các điều khoản trên.

Điều 16

Mỗi khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị của Văn phòng Lao động quốc tế sẽ trình một báo cáo về tình hình thực hiện Công ước này lên Hội nghị toàn thể của tổ chức và sẽ xem xét có hay không cần đưa vấn đề sửa đổi một phần hay toàn bộ Công ước này vào chương trình nghị sự của Hội nghị toàn thể.

Điều 17

1. Nếu Hội nghị toàn thể thông qua một công ước mới sửa đổi lại một phần hoặc toàn bộ Công ước này và nếu công ước mới không quy định khác thì:
 - a. Việc phê chuẩn của một quốc gia thành viên với một Công ước mới sửa đổi Công ước này sẽ đương nhiên dẫn đến việc lập tức rút khỏi Công ước này mà không cần theo quy định tại điều 13 trên đây, vào lúc Công ước sửa đổi bắt đầu có hiệu lực.
 - b. Kể từ ngày Công ước mới sửa đổi bắt đầu có hiệu lực, Công ước này sẽ không mở để các quốc gia phê chuẩn nữa.
2. Trong mọi trường hợp, Công ước này vẫn sẽ giữ nguyên hiệu lực về mặt hình thức và nội dung như hiện nay đối với những quốc gia thành viên nào đã phê chuẩn Công ước này mà không phê chuẩn Công ước sửa đổi.

Điều 18

Cả hai bản tiếng Anh và tiếng Pháp của Công ước này đều có giá trị như nhau.

CÔNG ƯỚC VỀ CÁC HÌNH THỨC LAO ĐỘNG TRẺ EM TỐI TỆ NHẤT, 1999

(Công ước số 182 của ILO, Việt Nam phê chuẩn ngày 19/12/2000)

Hội nghị toàn thể của Tổ chức Lao động quốc tế,

Do Hội đồng Quản trị của Văn phòng Tổ chức Lao động quốc tế triệu tập trong kỳ họp lần thứ 87, ngày 1/6/1999, tại Giơ-ne-vơ.

Xem xét sự cần thiết phải thông qua những văn kiện mới nhằm cấm và xoá bỏ các hình thức lao động trẻ tồi tệ nhất, coi đó như là ưu tiên chính trong hành động ở cấp độ quốc gia và quốc tế, bao gồm hợp tác và trợ giúp quốc tế, để bổ sung Công ước và Khuyến nghị về tuổi tối thiểu được tuyển dụng vào làm công năm 1973 mà hiện vẫn là những văn kiện cơ bản về lao động trẻ em, và

Xét rằng, việc xoá bỏ có hiệu quả các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất đòi hỏi phải hành động ngay lập tức và toàn diện, có xem xét đến tầm quan trọng của giáo dục cơ bản, miễn phí, sự cần thiết phải giải phóng những trẻ em đang phải làm các công việc tồi tệ khỏi tất cả các công việc như vậy, phục hồi chức năng và hoà nhập xã hội cho các em, đồng thời đáp ứng các nhu cầu của gia đình các em, và

Nhắc lại Nghị quyết về xoá bỏ lao động trẻ em được Hội nghị Lao động quốc tế thông qua tại Kỳ họp thứ 83 năm 1996, và

Xét rằng, nguyên nhân chủ yếu của vấn đề lao động trẻ em là do nghèo đói và giải pháp lâu dài cho vấn đề nằm ở sự tăng trưởng kinh tế bền vững từ đó dẫn đến sự tiến bộ xã hội, đặc biệt trong các khía cạnh xoá đói giảm nghèo và phổ cập giáo dục, và

Nhắc lại Công ước về quyền trẻ em được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 20/11/1989, và

Nhắc lại Tuyên bố của Tổ chức Lao động quốc tế về Các Nguyên tắc và các Quyền cơ bản tại nơi làm việc, và những hoạt động triển khai tiếp theo được Hội nghị Lao động quốc tế thông qua tại kỳ họp thứ 86 năm 1998, và

Ghi nhớ rằng, một số hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất đã được điều chỉnh bởi một số văn kiện quốc tế khác, cụ thể là Công ước về lao động cưỡng bức năm 1930 và Công ước bổ sung của Liên Hợp Quốc về xoá bỏ chế độ nô lệ, việc buôn bán nô lệ và các thể thức, tập tục tương tự như nô lệ năm 1956.

Đã quyết định, dựa trên việc thông qua các đề xuất về lao động trẻ em trong nội dung thứ tư trong chương trình nghị sự của kỳ họp,

Đã quyết định rằng, những đề xuất này phải được thể hiện dưới dạng một công ước quốc tế;

Thông qua, vào ngày 17/6/1999 công ước sau đây, gọi là Công ước về cấm và hành động ngay để xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

Điều 1

Mỗi quốc gia khi phê chuẩn công ước này phải tiến hành ngay những biện pháp hiệu quả, như là một vấn đề cấp bách, để bảo đảm việc cấm và xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.

Điều 2

Trong phạm vi Công ước này, thuật ngữ “trẻ em” được áp dụng để chỉ tất cả những người dưới 18 tuổi.

Điều 3

Trong phạm vi Công ước này, thuật ngữ “các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất” bao gồm:

- a. Mọi hình thức nô lệ hay các thực tiễn tương tự như nô lệ như bán và buôn bán trẻ em, dùng trẻ em để gán nợ và cầm cố, cưỡng bức và bắt buộc trẻ em lao động, bao gồm cả tuyển mộ cưỡng bức hay bắt buộc trẻ em để sử dụng trong xung đột vũ trang.
- b. Sử dụng, dụ dỗ hoặc cung cấp trẻ em cho các hoạt động mại dâm, sản xuất văn hoá phẩm khiêu dâm hoặc biểu diễn khiêu dâm.
- c. Sử dụng, dụ dỗ hoặc cung cấp trẻ em cho các hoạt động bất hợp pháp, cụ thể như việc sản xuất và buôn bán các loại ma túy mà đó được quy định trong điều ước quốc tế liên quan.
- d. Sử dụng trẻ em vào những công việc có thể xâm hại sức khoẻ, sự an toàn và đạo đức của các em, do tính chất và điều kiện thực hiện của những công việc đó.

Điều 4

1. Những loại công việc nêu tại điều 3 (d) phải do các quy định pháp luật hoặc do các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia xác định, sau khi đã tham khảo ý kiến của các tổ chức của người sử dụng lao động và của người lao động có liên quan, cũng như tham khảo những tiêu chuẩn quốc tế có liên quan, đặc biệt là quy định trong các khoản 3 và 4 Khuyến nghị của ILO về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, năm 1999.
2. Cơ quan có thẩm quyền, sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động có liên quan, phải xác định những nơi còn tồn tại những loại công việc đã quy định như trên.
3. Danh sách các loại công việc quy định tại khoản 1 điều 4 phải được nh ký xem xét và sửa đổi nếu cần thiết, trên cơ sở tham khảo ý kiến của các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động có liên quan.

Điều 5

Mỗi quốc gia thành viên, sau khi tham khảo ý kiến các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động, phải thành lập hay lựa chọn những cơ chế thích hợp để giám sát việc thực hiện các quy định của Công ước này.

Điều 6

1. Mỗi quốc gia thành viên phải xây dựng và thực hiện các chương trình hành động nhằm ưu tiên xoá bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.
2. Những chương trình hành động như vậy phải được xây dựng và thực hiện trên cơ sở tham khảo ý kiến của các cơ quan thích hợp của chính phủ, các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động, đồng thời phải lưu tâm đến quan điểm của các nhóm liên quan khác nếu cần thiết.

Điều 7

1. Mỗi quốc gia thành viên phải thi hành mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm thực hiện hiệu quả những điều khoản nhằm bảo đảm hiệu lực của Công ước, trong đó có việc quy định và áp dụng chế tài hình sự hoặc các chế tài khác nếu thích hợp.
2. Trên cơ sở cân nhắc tầm quan trọng của giáo dục trong việc xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em, mỗi quốc gia thành viên phải tiến hành các biện pháp hữu hiệu và theo hạn định để:
 - a. Ngăn chặn việc tuyển dụng trẻ em vào những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.
 - b. Cung cấp những trợ giúp trực tiếp, thích hợp và cần thiết nhằm giải phóng trẻ em khỏi những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, và để phục hồi, tái hoà nhập các em vào xã hội.
 - c. Bảo đảm cho tất cả trẻ em được giải phóng khỏi các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất được tiếp cận với giáo dục cơ bản không mất tiền, và việc đào tạo nghề ở bất kỳ nơi nào có thể và cần thiết.
 - d. Xác định và quản lý được những trẻ em có nguy cơ cao.
 - e. Chú ý đến hoàn cảnh đặc biệt của những trẻ em gái.
3. Mỗi quốc gia thành viên phải chỉ định một cơ quan có thẩm quyền phụ trách việc thực hiện có hiệu quả các quy định của Công ước này.

Điều 8

Các quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp thích hợp nhằm giúp đỡ nhau thực hiện các quy định của Công ước này, thông qua tăng cường hợp tác và/hoặc trợ giúp quốc tế, bao gồm việc hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội, các chương trình xoá đói nghèo và phổ cập giáo dục.

Điều 9

Các quốc gia thông báo việc đăng ký phê chuẩn chính thức với Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế.

Điều 10

1. Công ước này chỉ ràng buộc các quốc gia thành viên Tổ chức Lao động quốc tế mà văn kiện xin phê chuẩn đã được đăng ký với Tổng giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế.
2. Công ước này sẽ có hiệu lực sau 12 tháng kể từ ngày có hai quốc gia thành viên đăng ký phê chuẩn.
3. Sau đó, Công ước sẽ có hiệu lực sau 12 tháng với bất kỳ quốc gia thành viên nào đăng ký phê chuẩn với Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế, kể từ ngày văn kiện phê chuẩn của nước đó được đăng ký.

Điều 11

1. Mỗi quốc gia thành viên đã phê chuẩn Công ước này có thể tuyên bố rút khỏi Công ước sau 10 năm kể từ thời điểm Công ước này bắt đầu có hiệu lực, bằng cách thông báo bằng văn bản cho Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế. Thông báo rút khỏi Công ước chỉ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày quốc gia đó đăng ký rút khỏi Công ước với Tổng giám đốc.
2. Trong vòng một năm sau khi kết thúc thời hạn 10 năm nêu trong khoản trên mà một quốc gia thành viên đã phê chuẩn Công ước này không thực hiện quyền rút khỏi Công ước đã quy định tại điều này, thì sẽ bị ràng buộc trong thời hạn 10 năm nữa rồi sau đó mới được rút khỏi Công ước mỗi khi kết thúc thời hạn 10 năm theo những quy định tại điều này.

Điều 12

1. Tổng giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế sẽ thông báo cho các quốc gia thành viên của Tổ chức Lao động quốc tế biết mọi trường hợp đăng ký phê chuẩn và rút khỏi Công ước do các quốc gia thành viên thông báo.
2. Khi thông báo cho các quốc gia thành viên Tổ chức Lao động quốc tế về việc đăng ký phê chuẩn của quốc gia thành viên thứ hai, Tổng Giám đốc sẽ lưu ý các quốc gia thành viên về thời điểm Công ước có hiệu lực.

Điều 13

Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động quốc tế phải thông báo đầy đủ cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, nhằm mục đích lưu chiếu theo điều 102 của Hiến chương Liên Hợp Quốc, về những chi tiết của mọi văn kiện phê chuẩn và thông báo rút khỏi Công ước được đăng ký theo quy định của các điều khoản trên.

Điều 14

Mỗi khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị của Văn phòng Lao động quốc tế sẽ trình một báo cáo về tình hình thực hiện Công ước này lên Hội nghị toàn thể của tổ chức và sẽ xem xét có hay không cần đưa vấn đề sửa đổi một phần hay toàn bộ Công ước này vào chương trình nghị sự của Hội nghị toàn thể.

Điều 15

1. Nếu Hội nghị toàn thể thông qua một công ước mới sửa đổi lại một phần hoặc toàn bộ Công ước này và nếu công ước mới không quy định khác thì:
 - a. Việc phê chuẩn của một quốc gia thành viên với một Công ước mới sửa đổi Công ước này sẽ đương nhiên dẫn đến việc lập tức rút khỏi Công ước này mà không cần theo quy định tại điều 11 trên đây, vào thời điểm Công ước sửa đổi bắt đầu có hiệu lực.
 - b. Kể từ thời điểm Công ước mới sửa đổi bắt đầu có hiệu lực, Công ước này sẽ không mở để các quốc gia phê chuẩn nữa.
2. Trong mọi trường hợp, Công ước này vẫn sẽ giữ nguyên hiệu lực về mặt hình thức và nội dung như hiện nay đối với những quốc gia thành viên nào đã phê chuẩn Công ước này mà không phê chuẩn Công ước sửa đổi.

Điều 16

Cả hai bản tiếng Anh và tiếng Pháp của Công ước này đều có giá trị như nhau.

.....

(II)

Những văn kiện chủ chốt của Việt Nam về vấn đề lao động trẻ em

BỘ LUẬT LAO ĐỘNG

(Trích)

Điều 119, “Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi”, còn Điều 6 quy định “Người lao động là người ít nhất đủ 15 tuổi”. Vậy thì lao động vị thành niên được hiểu là đủ 15 đến dưới 18 tuổi.

Điều 119, Bộ Luật Lao động cũng quy định: Nơi có sử dụng người lao động chưa thành niên phải lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khoẻ định kỳ và xuất trình khi thanh tra viên lao động yêu cầu.

Điều 120, Bộ Luật Lao động quy định: Cấm nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc, trừ một số nghề và công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

Điều 121, Bộ Luật Lao động quy định: Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người lao động chưa thành niên vào những công việc phù hợp với sức khoẻ để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc người lao động chưa thành niên về các mặt lao động, tiền lương, sức khoẻ, học tập trong quá trình lao động.

Cấm sử dụng người lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành.

Điều 122, Bộ Luật Lao động: Thời giờ làm việc của người lao động chưa thành niên không được quá bảy giờ một ngày hoặc 42 giờ một tuần. Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người lao động chưa thành niên làm thêm giờ, làm việc ban đêm trong một số nghề và công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

Chương XI Bộ Luật Lao động chỉ đề cập đến những quy định đặc biệt đối với lao động vị thành niên và trẻ em, chưa nhấn mạnh trách nhiệm của người lao động đối với lực lượng lao động này với tư cách là một người lao động như những người lao động khác.

THÔNG TƯ

SỐ 21/1999/TT-BLĐTBXH NGÀY 11 THÁNG 9 NĂM 1999 CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI QUY ĐỊNH DANH MỤC NGHỀ, CÔNG VIỆC VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC NHẬN TRẺ EM CHƯA ĐỦ 15 TUỔI VÀO LÀM VIỆC

Thi hành Điều 120 của Bộ luật Lao động ngày 23/6/1994; Sau khi trao đổi ý kiến với các ngành liên quan, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định danh mục nghề, công việc và các điều kiện được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc như sau:

I. Danh mục nghề và công việc được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc

1. Diễn viên: Múa, hát, xiếc, sân khấu (kịch, tuồng, chèo, cải lương, múa rối v.v), điện ảnh;
2. Các Nghề truyền thống: Chấm men gốm, cưa vỏ trai, vẽ tranh sơn mài;
3. Các nghề thủ công mỹ nghệ: thêu ren, mộc mỹ nghệ;
4. Vận động viên năng khiếu: Thể dục dụng cụ, bơi lội, diễn kinh (trừ tạ xích), bóng bàn, cầu lông, bóng rổ, bóng ném, bi a, bóng đá, các môn võ, đá cầu, cầu mây, cờ vua, cờ tướng.

Danh mục nghề, công việc Cho phép trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc có thể được sửa đổi, bổ sung khi có yêu cầu, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

II. Điều kiện được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc

Người sử dụng lao động được nhận trẻ em làm các nghề và công việc quy định tại mục I của Thông tư này phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

1. Trẻ em phải đủ 12 tuổi. Riêng trẻ em tham gia biểu diễn nghệ thuật quy định tại điểm 1 mục I nói trên phải đủ 8 tuổi; Đối với một số trường hợp đặc biệt phải sử dụng trẻ em chưa đủ 8 tuổi do Bộ Văn hoá - Thông tin quyết định.
2. Có đủ sức khoẻ phù hợp với công việc theo xác nhận của trung tâm y tế cấp huyện hoặc phòng khám bệnh viện đa khoa;
3. Có giấy cam kết và đồng ý theo dõi của cha mẹ hoặc người Giám hộ Hợp pháp;
4. Có sơ yếu lý lịch của trẻ em đã được xác nhận của chính quyền địa phương;
5. Môi trường lao động không ảnh hưởng đến sức khoẻ, tâm sinh lý của trẻ em và không vượt quá Tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo quy định hiện hành của Bộ Y tế;
6. Thời gian làm việc không được quá 4 giờ một ngày hoặc 24 giờ một tuần; không sử dụng trẻ em làm thêm giờ và làm việc ban đêm;
7. Đảm bảo thời gian học văn hoá cho trẻ em;
8. Có Hợp đồng lao động. Nội dung của hợp đồng lao động phải phù hợp với Nghị định số 198/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về hợp đồng lao động; Thông tư số 21/LĐTBXH-TT ngày 12/10/1996 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 198/CP của Chính phủ về hợp đồng lao động.

III. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của người sử dụng lao động khi nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc:
 - a. Lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh (kèm theo giấy khai sinh), Giới tính, địa chỉ thường trú, trình độ văn hoá, công việc đang làm, họ tên và địa chỉ của cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp và những điều kiện lao động áp dụng với trẻ em;
 - b. Đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương về việc sử dụng trẻ em chưa đủ 15 tuổi làm việc tại Doanh nghiệp, Cơ sở sản xuất Kinh doanh (mẫu kèm theo);
 - c. Phải Kiểm tra sức khoẻ của trẻ em trước khi Tuyển dụng và tiến hành kiểm tra sức khoẻ định kỳ, ít nhất 6 tháng 1 lần;
 - d. Chịu trách nhiệm về sự an toàn và sức khoẻ của trẻ em trong quá trình làm việc;
2. Các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến thông tư này đến tất cả các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đóng trên địa bàn của địa phương; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện và tổng hợp tình hình trẻ em chưa đủ 15 tuổi đang làm việc trong các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thuộc phạm vi Quản lý.
3. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc đề nghị Phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Nguyễn Thị Hằng

THÔNG TƯ

SỐ 09/TT-LB NGÀY 13-4-1995 CỦA LIÊN BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - Y TẾ QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG CÓ HẠI VÀ CÁC CÔNG VIỆC CẤM SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CHƯA THÀNH NIÊN

Căn cứ Điều 121 của Bộ luật Lao động ngày 23/6/1994;

Để bảo đảm sự phát triển toàn diện về thể lực, trí lực, nhân cách và bảo đảm an toàn lao động của người lao động chưa thành niên; Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Y tế quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên.

A. Đối tượng và phạm vi

Các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức dưới đây cấm không được sử dụng lao động chưa thành niên làm các công việc có điều kiện lao động có hại và các chức danh công việc quy định tại Thông tư này:

- Doanh nghiệp nhà nước;
- Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, các tổ chức, cá nhân có thuê mướn lao động;
- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp; các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế đóng tại Việt Nam có thuê mướn lao động là người Việt Nam;
- Các đơn vị sự nghiệp, kinh doanh, phục vụ thuộc cơ quan hành chính, sự nghiệp, đoàn thể nhân dân, tổ chức chính trị, xã hội khác, lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân.

B. Các điều kiện lao động có hại cấm sử dụng lao động chưa thành niên

1. Lao động thể lực quá sức (mức tiêu hao năng lượng lớn hơn 4 kcal/phút, nhịp tim 120/phút);
2. Tư thế làm việc gò bó, thiếu dưỡng khí;
3. Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất có khả năng gây biến đổi gen, gây ảnh hưởng xấu đến chuyển hoá tế bào, gây ung thư, gây tác hại sinh sản lâu dài (gây thiếu năng tinh hoàn, thiếu năng buồng trứng), gây bệnh nghề nghiệp và các tác hại khác.
4. Tiếp xúc với các yếu tố gây bệnh truyền nhiễm;
5. Tiếp xúc với chất phóng xạ (kể cả các thiết bị phát tia phóng xạ);
6. Tiếp xúc với điện từ trường ở mức quá giới hạn cho phép;

7. Trong môi trường có độ rung ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép;
8. Nhiệt độ không khí trong nhà xưởng trên 40 độ C về mùa hè và trên 35 độ C về mùa đông, hoặc chịu ảnh hưởng của bức xạ nhiệt cao;
9. Nơi có áp suất không khí cao hơn hoặc thấp hơn áp suất khí quyển;
10. Trong lòng đất;
11. Nơi cheo leo nguy hiểm;
12. Nơi làm việc không phù hợp với thần kinh, tâm lý người chưa thành niên;
13. Nơi gây ảnh hưởng xấu tới việc hình thành nhân cách.

C. Danh mục công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên

1. Danh mục công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên (xem Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).
2. Đối với các Bộ, ngành hoặc cơ sở nếu còn có điều kiện lao động hoặc công việc (chưa có tên trong danh mục kèm theo Thông tư này) thì báo cáo về Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Y tế xem xét để bổ sung vào danh mục chung thống nhất.

D. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Liên đoàn lao động cùng cấp tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện ở các đơn vị cơ sở.
 2. Thanh tra Nhà nước về an toàn lao động và Thanh tra Nhà nước về vệ sinh lao động tăng cường thanh tra các cơ sở sử dụng lao động chưa thành niên để phát hiện và xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.
 3. Các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức và cá nhân căn cứ vào các điều kiện lao động có hại, các công việc đã quy định trong Thông tư này thực hiện ngay các biện pháp sau:
 - a/ Rà soát lại các công việc người lao động chưa thành niên đang làm. Trên cơ sở đó sắp xếp công việc phù hợp với sức khỏe của họ. Chậm nhất sau 2 tháng kể từ ngày ban hành Thông tư này, không để người lao động chưa thành niên làm việc trong các điều kiện lao động và các công việc đã quy định trong Thông tư này.
 - b/ Lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm; phải kiểm tra sức khỏe khi tuyển dụng; tiến hành kiểm tra sức khỏe định kỳ.
- Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

KT. BỘ TRƯỞNG

Bộ Y tế

Thứ trưởng

Đã ký: Lê Ngọc Trọng

BỘ TRƯỞNG

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thứ trưởng

Đã ký: Lê Duy Đồng

DANH MỤC CÔNG VIỆC CẤM SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CHƯA THÀNH NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư liên Bộ số 09/TT-LB ngày 13/4/1995 của liên Bộ LĐ-TB-XH - Y tế)

1. Trực tiếp nấu rót và vận chuyển kim loại lỏng, tháo dỡ khuôn đúc làm sạch sản phẩm đúc ở các lò:
 - Lò điện hồ quang (không phân biệt dung tích).
 - Lò bằng luyện thép.
 - Lò chuyển luyện thép.
 - Lò cao.
 - Lò quay bilo luyện gang.
2. Cán kim loại nóng
3. Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì thiếc, thủy ngân, kẽm, bạc)
4. Đốt và ra lò luyện cốc
5. Đốt lò đầu máy hơi nước
6. Hàn trong thùng kín, hàn ở vị trí có độ cao trên 5m so với mặt sàn công tác
7. Đào lò giếng.
8. Đào lò và các công việc trong hầm lò hoặc ở hố sâu hơn 5m
9. Cậy bẫy đá trên núi
10. Lắp đặt giàn khoan
11. Làm việc ở giàn khoan trên biển
12. Khoan thăm dò giếng dầu và khí
13. Khoan thăm dò, khoan nổ mìn, bắn mìn
14. Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atm trở lên (như máy khoan, máy búa và các máy tương tự gây những chấn động không bình thường cho thân thể người...)
15. Điều khiển các phương tiện giao thông vận tải có động cơ
16. Điều khiển cầu trục, cần trục, cổng trục, palăng điện (Trừ palăng xích kéo tay)
17. Móc buộc tải trọng cho cầu trục, cần trục, cổng trục, palăng điện
18. Điều khiển thang máy chở người và hàng hoá hoặc riêng cho hàng hoá, điều khiển các máy nâng

19. Lái máy thi công (như máy xúc, máy gặt ủi, xe bánh xích...)
20. Lái máy kéo nông nghiệp
21. Vận hành tàu hút bùn
22. Vận hành nồi hơi
23. Vận hành máy hồ vải sợi
24. Cán ép tấm da lớn, cứng
25. Khảo sát đường sông
26. Đổ bê tông dưới nước
27. Thợ lặn
28. Làm việc trong thùng chìm
29. Làm việc trên máy bay
30. Lắp đặt sửa chữa đường dây điện trong cống ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế
31. Lắp đặt, sửa chữa cáp ngầm, cáp treo của đường dây điện thông tin
32. Trực tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40cm
33. Đốn hạ những cây thẳng đứng đường kính từ 35cm trở lên, cưa cắt cành, tỉa cành trên cao
34. Vận xuất gỗ lớn, xeo bần, bốc xếp gỗ có đường kính từ 35cm trở lên bằng thủ công, bằng máng gỗ, bằng cầu trượt gỗ
35. Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác
36. Mò vớt gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triển đưa gỗ lên bờ
37. Cưa xẻ gỗ thủ công 2 người kéo (chỉ cấm đối với nữ)
38. Công việc trên giàn giáo hoặc trên rầm xà cao hơn 5m và các công việc tương tự
39. Lắp dựng, tháo dỡ hoặc thay đổi giàn giáo (trừ trường hợp phụ việc làm trên mặt đất hoặc trên sàn nhà)
40. Các công việc khai thác tổ yến; khai thác phân dơi
41. Các công việc trên tàu đi biển
42. Công việc gác tàu, trông tàu trong âu, triển đá
43. Công việc phải làm một mình trên đường sắt, trong hầm núi, trong các công

- trình ngầm, hoặc ở nơi tầm nhìn của người công nhân không vượt quá 400m, hoặc nơi giao thông rất khó khăn
44. Công việc di chuyển, nối hoặc tách toa xe trong xưởng máy, trên đường sắt
45. Xẻ gỗ bằng máy cửa đĩa và máy cửa vòng
- 46.Đưa vật liệu vào máy nghiền đá và làm việc với máy nghiền đá
47. Vận hành các máy bào trong nghề gỗ
48. Vận hành máy gia công kim loại bằng các máy rèn, dập, ép, cắt sử dụng hơi nước, khí nén hoặc bằng điện
49. Lắp đặt, sửa chữa, lau chùi khuôn máy rèn, dập, ép, cắt kim loại (không phân biệt máy hơi nước, khí nén, điện hoặc cơ)
50. Các công việc đóng vỏ tàu (tàu gỗ, tàu sắt) phải mang vác, gá đặt vật gia công nặng từ 20 kg trở lên
51. Khối lượng mang vác không được vượt quá:
52. Vận hành, trực các trạm điện hạ áp, trung áp và cao áp

Phân loại	Công việc gián đoạn (kg)	Công việc liên tục (kg)
Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)	Nữ: 12 Nam: 15	8 10
Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng)	Nữ : 25 Nam : 30	15 20

53. Kiểm tra, sửa chữa và xử lý các mạch điện có điện thế 700 V trong trường hợp dòng điện một chiều; > 220V trong trường hợp dòng điện xoay chiều và các vật duy trì mạch điện ấy.
54. Châm lửa cho máy đốt dầu tiêu thụ từ 400l/giờ.
55. Chế tạo, sử dụng, vận chuyển các sản phẩm nguy hiểm: chất nổ, chất dễ cháy, chất ô xy hoá, khí đốt, thuốc súng, đạn dược, pháo có nguy cơ gây nổ, cháy.
56. Vận hành hệ thống điều chế và nạp axetylen, oxy, hydro, clo và các khí hoá lỏng.
57. Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh).
58. Công việc ở nơi có bụi hoặc bột đá, bụi xi măng, bụi than, lông súc vật và các thứ bụi khác vượt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.
59. Sửa chữa lò, thùng, tháp kín, đường ống trong sản xuất hoá chất;
60. Làm việc ở lò lên men thuốc lá, lò sấy điều thuốc lá.

61. Đốt lò sinh khí nấu thủy tinh, thổi thủy tinh bằng miệng.
62. Tráng paraffin trong bể rượu;
63. Công việc tiếp xúc với xăng, dầu trong hang, hầm: giao nhận, bảo quản, vận hành máy bơm và đo xăng, dầu;
64. Tuyển khoáng chì.
65. Cán, kéo, dập sản phẩm chì, mạ chì.
66. Lưu hoá, hình thành, bốc dỡ sản phẩm cao su cỡ lớn như: thùng, két nhiên liệu, lốp ô tô.
67. Các công việc tiếp xúc dung môi hữu cơ như: ngâm tẩm tà vẹt, trải nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenon, vận hành nồi đa tụ keo phenon.
68. Nạo vét cống ngầm, công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước bắn hơi thối.
69. Công việc thiêu huỷ hoặc sát sinh.
70. Mổ tử thi, liệm mai táng người chết, bốc mả.
71. Công việc trong nhà tù hoặc trong bệnh viện tâm thần.
72. Phục vụ trong tiệm rượu, tiệm nhậu, trong nghề phục vụ giải trí.
73. Trực tiếp nuôi thú dữ hoặc động vật có nọc độc.
74. Công việc bị bức xạ bởi tia Röntgen, tia X và các tia có hại khác.
75. Công việc ở đài phát thanh, phát sóng tần số radio như đài phát thanh, phát hình và trạm ra đa, trạm vệ tinh viễn thông v.v... bị ô nhiễm bởi điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép.
76. Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen:
- 5 Fluro- uracil;
 - Benzen.
77. Trực tiếp tiếp xúc với các hoá chất gây tác hại sinh sản lâu dài (như: gây thiếu năng tinh hoàn, thiếu năng buồng trứng):
- Estrogen;
 - Axít cis-retinoic;
 - Cacbaryl;
 - Dibromuaclo propan (DBCP);
 - Toluendiamin và dinitrotoluen;
 - Polychlorin biphenyl (PCBs);
 - Polybromua biphenyl (PBBs).
78. Trực tiếp tiếp xúc (bao gồm: Sản xuất, đóng gói, pha chế, phun thuốc, khử

trùng kho) với các hoá chất trừ sâu, trừ cỏ, diệt mối mọt, diệt chuột, trừ muỗi có chứa Clo hữu cơ và một số hoá chất có khả năng gây ung thư sau đây:

- 1,4 butanediol, dimetansunfonat;
- 4 aminnobiphenyl;
- Amiăng loại amosit, amiăng loại crysotil, amiăng loại crocidolit;
- Asen (hay thạch tín), can xi asenat;
- Dioxin;
- Diclorometyl-ete;
- Các loại muối cromat không tan;
- Nhựa than đá, phần bay hơi nhựa than đá;
- Xyclophotphamit;
- Diethylstilboestol;
- 2, Naphtylamin;
- N, N - di (Cloroetyl). 2. Naphtylamin;
- Thori dioxyt;
- Theosufan;
- Vinyl clorua, vinyl clorid;
- 4- amino, 10- metyl folic axít;
- Thuỷ ngân, hợp chất metyl thủy ngân, metyl thủy ngân clorua;
- Ni tơ pentoxyt;
- 2,3,7,8 tetracloro dibenzen furan;
- 2- alphaphenyl- beta axetyletyl;
- Axety salixylic axít;
- Asparagin;
- Benomyl;
- Boric axít;
- Cafein;
- Dimetyl sunfoxid;
- Direct blue-1;
- Focmamid;
- Hydrocortison, Hydrocortission axetat;
- Iod (kim loại);
- Chì, chì axetat, chì nitrat (tiếp xúc với xăng sơn, mực in có chứa chì, sản xuất ắc quy, hàn chì);
- Mercapto, purin;
- Kali bromua, kali iodua;
- Propyl- thio- uracil;
- Ribavirin;
- Natri asenat, natri asenit, natri iodua, natri salixylat;
- Tetrametyl thiuram disunfua;
- Trameinnolon axetonid;
- Triton WR-1339;
- Trypan blue;
- Valproic axít;
- Vincristin sunfat;
- Khí dụng Vinazol.

79. Tiếp xúc thường xuyên (mà trang bị bảo hộ không đảm bảo yêu cầu phòng chống hơi độc, khí độc, bụi độc) với các hoá chất sau đây:

- Oxyt cacbon (CO): như vận hành lò tạo khí than, thải xỉ;
- Các loại thuốc nhuộm có gốc anilin, xylizin, toluzin, auramin;
- Các hợp chất có gốc xianua (-CN-);
- Phốt pho và các hợp chất P₂O₅, P₂S₅, PCl₃, H₃P;
- Tri nitro toluen (TNT);
- Mangan dioxyt (MnO₂);
- Photgein (COCl₂);
- Disunfua cacbon (CS₂);
- Oxit nitơ và axit nitric;
- Anhydrit sunfuaric và axit sunfuaric;
- Đất đèn (CaC₂) như vận hành lò đất đèn dạng hở, thải xỉ.

80. Trực tiếp tiếp xúc với các hoá chất gây nghiện và các chế phẩm của nó như bào chế dược phẩm có thành phần moocfin, efedrin, sedusen...

81. Hàng ngày tiếp xúc với hơi gây mê, làm việc ở khoa hồi sức cấp cứu, ở khoa lây của các cơ sở y tế, các trung tâm truyền máu, các cơ sở sản xuất vắc xin phòng bệnh, tham gia dập tắt các ổ dịch, làm việc ở khu điều trị bằng sóng ngắn, siêu âm.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI SỐ 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH NGÀY 18/9/2003 VỀ VIỆC BAN HÀNH TẠM THỜI DANH MỤC NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM VÀ ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 29/2003/NĐ-CP ngày 31/3/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23/6/1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Sau khi có ý kiến của Bộ Y tế tại Công văn số 7263/YT-DP/AIDS ngày 24/07/2003 về việc uỷ nhiệm cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản danh mục tạm thời: "Nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm".
- Điều 2.** Người lao động làm các nghề, công việc nói ở Điều 1 được hưởng chế độ bảo hộ lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội quy định tại Bộ luật Lao động, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Điều 3.** Người lao động ở các Bộ, ngành làm các nghề, công việc như các nghề, công việc ban hành tại Quyết định này và các Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995, Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996, Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996, Quyết định số 190/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 3/3/1999, Quyết định số 1580/2000/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì được áp dụng và được hưởng các chế độ về bảo hộ lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội như các nghề, công việc đã ban hành.
- Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. đối với các nghề, công việc chưa được quy định trong các danh mục kèm theo các Quyết định kể trên, các Bộ, ngành cần soát xét và lập danh mục gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế để xem xét và ban hành bổ sung.

DANH MỤC NGHỀ, CÔNG VIỆC ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM (LOẠI VI, V) VÀ NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM (LOẠI IV)

(Kèm theo Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/9/2003

của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Công nghiệp

A. Khai thác mỏ

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI V		
1	Rèn búa máy từ 1 tấn trở lên.	Chịu tác động của nhiệt độ cao, rung động lớn, và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
2	Chỉ đạo sản xuất trực tiếp trong hầm lò (quản đốc, phó quản đốc, đội trưởng lò, lò trưởng).	Giải quyết nhiều công việc phức tạp; nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, chịu tác động của bụi, ồn, khí CO2.
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Vận hành cầu poóc-tích, máy bốc rót than nhà máy sàng tuyển than.	Làm việc trên cao, chịu tác động của nắng, nóng và bụi; căng thẳng thần kinh tâm lý.
2	Vận hành toa xe tự lật nhà máy sàng tuyển than.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của nắng, nóng, bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép.
3	Sửa chữa cơ điện trong nhà máy sàng tuyển than.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó; tiếp xúc thường xuyên với dầu mỡ, bụi than, nhiệt độ cao, rung và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
4	Thay mỡ, bơm dầu ổ trục các thiết bị nhà máy sàng tuyển than.	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với dầu, mỡ; ảnh hưởng của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép.
5	Bẫy xe, chèn xe trong găm nhà sàng tuyển than.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm; chịu tác động của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép.
6	Xúc dọn thủ công than và tạp chất trên tàu, xà lan, băng truyền tải và trong nhà máy sàng tuyển than.	Công việc nặng nhọc; chịu tác động của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép.
7	Nhặt than, nhặt tạp chất trên băng chuyển nhà máy sàng tuyển than.	Công việc đơn điệu; chịu tác động của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép.

8	Dỡ tải than (chọc than, đổ than, mở máng than...) trong nhà máy sàng tuyển than.	Chịu tác động của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép; công việc có yếu tố nguy hiểm.
9	Móc ngáo (móc cáp, móc xích) trong nhà máy sàng tuyển.	Công việc nặng nhọc, đơn điệu; làm việc ngoài trời, chịu tác động của môi trường (nóng, lạnh, gió...) và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép.
10	Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị khai thác than (khoan, xúc, gạt, ủi...).	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó; tiếp xúc với bụi bẩn và dầu mỡ.
11	Chỉ đạo sản xuất trực tiếp khai thác than lộ thiên và trong nhà máy sàng tuyển (quản đốc, phó quản đốc, đội trưởng).	Chịu tác động của môi trường nóng, ồn, rung và bụi than vượt tiêu chuẩn cho phép.

B. Cơ khí - luyện kim

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Tiện, phay, bào, cửa phíp, bakelit.	Chịu tác động của bụi gỗ phíp, bụi bakelit, hơi Phenol nồng độ cao.
2	Sơn tĩnh điện.	Thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc, nơi làm việc nóng, thiếu không khí.
3	Vận hành búa máy.	Chịu tác động của nhiệt độ cao, rung động lớn, và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.

C. Điện

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI V		
1	Kiểm tra kim loại bằng quang phổ và siêu âm trong các nhà máy điện.	Chịu ảnh hưởng của chất phóng xạ; môi trường nóng, ồn, bụi, đôi khi làm việc ở nơi thiếu không khí.
2	Vận hành bao hơi nhà máy nhiệt điện.	Nơi làm việc có nhiệt độ cao, rất bụi và nguy hiểm.
3	Sửa chữa thiết bị cơ khí thuỷ lực của nhận nước, cửa đập tràn.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm (làm việc ở độ cao trên 30 m); không gian làm việc chật hẹp, trơn, rất nguy hiểm.
4	Sửa chữa máy bơm nước nhà máy thuỷ điện.	Công việc nặng nhọc, không gian làm việc chật hẹp, trơn, ẩm ướt; chịu tác động của nóng, ồn, hơi xăng, dầu.

5	Vận hành, sửa chữa cầu trục trong hầm máy phát điện.	Công việc nặng nhọc; thường xuyên tiếp xúc với bụi bẩn, dầu, mỡ và tiếng ồn cao.
6	Vận hành, sửa chữa hệ thống thông gió trong hầm nhà máy thủy điện.	Công việc nặng nhọc; tiếp xúc với bụi bẩn, dầu, mỡ và độ ồn cao.
7	Quản lý, vận hành đường dây và trạm biến áp 500KV.	Công việc nặng nhọc; thường xuyên lưu động theo đường dây qua các vùng địa hình, khí hậu phức tạp; tiếp xúc với điện từ trường cao, nguy hiểm.
8	Công nhân sửa chữa đường dây cao thế đang mang điện.	Công việc nguy hiểm, thường xuyên làm việc trên cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Hiệu chỉnh lò hơi nhà máy nhiệt điện.	Làm việc cạnh các thiết bị có nhiệt độ cao từ 1600C đến 540 0C, chịu tác động của tiếng ồn và bụi.
2	Vận hành máy nghiền than trong nhà máy nhiệt điện.	Chịu tác động của nóng, tiếng ồn và bụi than có nồng độ cao.
3	Vận hành băng tải, xúc và gom than trong nhà máy nhiệt điện.	Công việc thủ công nặng nhọc, chịu tác động của nóng, ồn và bụi than có nồng độ cao.
4	Vận hành máy bơm dầu đốt lò nhà máy nhiệt điện (Vận hành nhà dầu).	Thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ, tiếng ồn và nhiệt độ cao.
5	Vận hành hệ thống thải xỉ nhà máy nhiệt điện (bơm thải xỉ, khử bụi, tổng tưới...).	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, độ ồn cao và nồng độ bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
6	Kiểm nhiệt (trực chính, trực phụ) trong nhà máy nhiệt điện.	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, rung, độ ồn cao và nồng độ bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
7	Sửa chữa các thiết bị điện trong nhà máy điện.	Tư thế lao động gò bó, ảnh hưởng của ồn, rung và bụi.
8	Lái quang lật toa than.	Thường xuyên làm việc ở môi trường nóng, bụi, ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
9	Móc nối toa xe than trong nhà máy nhiệt điện.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của môi trường (nóng, lạnh, gió...), tiếng ồn và nồng độ bụi than cao.
10	Công nhân xúc xỉ đuôi lò nhà máy nhiệt điện.	Công việc nặng nhọc, đơn điệu; thường xuyên tiếp xúc với nóng, bụi.
11	Vận hành tua bin khí.	Chịu tác động của rung, nóng và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
12	Hàn và mài cánh hướng nước, cánh tua bin nhà máy thủy điện.	Làm việc trong hầm sâu, thiếu dưỡng khí; tiếp xúc thường xuyên với tiếng ồn, nhiệt độ cao, hơi khí độc và bụi thép.

13	Quản lý, vận hành đường dây từ 110KV đến dưới 500KV.	Thường xuyên lưu động theo đường dây, qua các vùng địa hình, khí hậu phức tạp; tiếp xúc với điện từ trường cao, ảnh hưởng đến sức khỏe.
14	Vệ sinh công nghiệp trạm biến áp 500 KVA.	Công việc đơn điệu; tiếp xúc với bụi bẩn, điện từ trường cao ảnh hưởng đến sức khỏe và nguy hiểm.
15	Sản xuất hòm công tơ vật liệu Composit.	Tiếp xúc với nóng, hoá chất độc nồng độ cao, gây khó thở, mệt mỏi.
16	Sửa chữa, sấy máy biến áp có công suất từ 200 KVA trở lên.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ, môi trường có nhiệt độ cao.
17	Vận hành máy bện cáp nhôm.	ảnh hưởng trực tiếp của bụi nhôm và tiếng ồn cao.
18	Vận hành máy đúc cột điện bê tông ly tâm.	Chịu tác động của tiếng ồn, rung và bụi.
19	Sản xuất vật liệu cách điện.	Công việc nặng nhọc; tiếp xúc với nhiệt độ cao và hoá chất độc hại (Phenol, Formalin, Amoni- ac...) nồng độ cao.

D. Hoá chất

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Vận hành trạm bơm nước thải (thải nhiễm dầu, thải bẩn); trạm bơm nước tuần hoàn và xử lý nước thải.	Thường xuyên làm việc ở độ sâu từ - 10m đến - 20m; tiếp xúc với tiếng ồn, chất thải độc hại, vi sinh vật gây bệnh và hoá chất xử lý nước.
2	Sửa chữa, vận hành các thiết bị hoá (xử lý nước, khử muối, trưởng kíp vận hành).	Thường xuyên tiếp xúc với các hoá chất độc hại, tiếng ồn và bụi.
3	Sản xuất CO2 lỏng, rắn.	Thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn, hoá chất (CO2 lỏng, rắn, nồng độ cao; thuốc tím; khí H2S) và máy nén khí CO2 áp suất cao.
4	Thu hồi, lọc dầu, tái sinh dầu bôi trơn.	Công việc thủ công; làm việc trong môi trường hoá chất độc hại và tiếng ồn cao; chịu tác động trực tiếp của hơi dầu nóng và hơi nước.
5	Thải xỉ nóng lò hơi nhiệt.	Công việc thủ công, nặng nhọc; thường xuyên tiếp xúc với nguồn nhiệt lớn, bụi xỉ than và hơi khí độc.
6	Thủ kho bình (chai) chịu áp lực (O2, N2, CO2 lỏng, NH3 lỏng).	Thường xuyên tiếp xúc với các bình chứa khí có áp suất cao, dễ cháy nổ, nguy hiểm; Chịu ảnh hưởng của hơi hoá chất độc hại.
7	Nhặt than thủ công tại bãi xỉ thải của lò khí hoá than.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc; Chịu tác động của nóng, bụi xỉ than và hỗn hợp hơi nước, khí CO, H2S.

8	Khai thác, vận chuyển than bùn.	Làm việc ngoài trời trên các hồ lắng than bùn, công việc thủ công nặng nhọc; Chịu tác động trực tiếp của nhiệt độ, hơi ẩm, bụi xỉ than và hỗn hợp hơi nước, khí CO, CO ₂ , NH ₃ , H ₂ S.
9	Vận hành hệ thống thu hồi nhiệt từ khí hoá than.	Thường xuyên làm việc trong môi trường có nhiệt độ cao, tiếng ồn lớn; tiếp xúc với thiết bị có áp suất cao, phát sinh hơi khí độc CO, CO ₂ , NH ₃ , H ₂ S.

Đ. Sản xuất bánh kẹo

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Sấy bột kẹo Jelly.	Công việc thủ công nặng nhọc, đơn điệu; môi trường làm việc nóng, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
2	Sản xuất giấy tinh bột (xử lý, li tâm, hồ hoá).	Công việc thủ công nặng nhọc; môi trường làm việc ẩm ướt và nóng.

E. Dệt may

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Vận hành, cấp nguyên liệu cho máy tách hạt, máy cán bông.	Tư thế lao động gò bó; chịu tác động của tiếng ồn và bụi bông vượt tiêu chuẩn cho phép.
2	Đóng hạt thủ công.	Công việc nặng nhọc; chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn.
3	Vận hành máy ép đóng kiện bông.	Đứng và đi lại suốt ca làm việc; chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
4	Bốc bông hồi lại trong dây chuyển sợi, dệt.	Công việc nặng nhọc; chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
5	Vận hành máy suốt, bốc suốt, bỏ suốt (tiếp suốt).	Đứng và đi lại suốt ca làm việc, công việc đơn điệu, nhịp điệu lao động cao; chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn vượt quá tiêu chuẩn cho phép.
6	Vận hành máy củi, mắc sợi.	Công việc đơn điệu, tập trung thị giác cao; chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn.
7	Xe sợi len.	Chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn.
8	Tỉa, sửa thảm len.	Công việc tỉ mỉ, tập trung thị giác cao; chịu tác động của bụi.

9	Vận hành máy đảo sợi, xe con sợi.	Đứng và đi lại nhiều; chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn.
10	Đổ sợi cho máy thô.	Phải đi lại suốt ca, công việc đơn điệu, nhịp độ lao động cao, chịu tác động của bụi bông, nóng và tiếng ồn cao.
11	Bóc sợi máy ống.	Đứng và đi lại suốt ca, chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn cao.
12	Vận hành máy dệt khí, dệt nước.	Đứng và đi lại nhiều; tư thế lao động gò bó; chịu tác động của bụi bông và nóng.
13	Vận hành máy dệt kim tròn.	Tư thế lao động gò bó; chịu tác động của bụi bông và nóng.
14	Nối gỗ, nối trục máy dệt.	Đứng và đi lại suốt ca làm việc; chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn cao.
15	Vận hành máy mắc, máy hồ vải, sợi trong dây chuyền dệt.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn cao.
16	Xâu go trong dây chuyền dệt.	Công việc thủ công, đơn điệu, tập trung thị giác cao; chịu tác động của bụi bông và nóng.
17	Châm dầu máy dệt, máy se, máy hồ.	Công việc thủ công, tư thế lao động gò bó, tiếp xúc với dầu, mỡ; chịu tác động của bụi bông, nóng, ồn.
18	Nấu hồ trong dây chuyền dệt, nhuộm.	Công việc nặng nhọc; chịu tác động của nóng, ồn, ẩm và hơi hóa chất.
19	Vận hành máy phòng co vải (Sanfor) trong dây chuyền nhuộm.	Chịu tác động của nhiệt độ cao và hơi hoá chất.
20	Vận hành máy làm bóng vải trong dây chuyền nhuộm.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nhiệt độ, hoá chất thuốc nhuộm.
21	Làm trục hoa lưới trong công đoạn nhuộm.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của hơi hoá chất và bụi.
22	May khuyết, cúc (khuy nút) trong may công nghiệp.	Công việc đơn điệu, căng thẳng thị giác và mệt mỏi thần kinh; chịu tác động của nóng và bụi.
23	Vận hành máy thối form trong dây chuyền may.	Đứng và đi lại suốt ca làm việc, chịu tác động của hơi nóng, ẩm.
24	Cắt vải trong công nghệ may.	Đứng suốt ca làm việc, căng thẳng thị giác và mệt mỏi thần kinh; chịu tác động của hơi nóng và bụi bông.
25	Vận chuyển vải, sợi trong kho nguyên liệu, kho sản phẩm và giữa các công đoạn của dây chuyền sợi, dệt, nhuộm, may.	Công việc thủ công nặng nhọc, đứng, đi lại suốt ca làm việc; chịu tác động của bụi bông, nóng và tiếng ồn cao.
26	Kiểm gấp trong dây chuyền dệt, may.	Công việc đơn điệu, căng thẳng thị giác, đứng suốt ca làm việc; chịu tác động của nóng, bụi và mùi hoá chất.

27	Đóng kiện trong dây chuyền dệt, may.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó; chịu tác động của bụi bông, nóng và ồn cao.
28	Vệ sinh công nghiệp trong các nhà máy sợi, dệt, nhuộm, may. Vệ sinh nền xưởng nhuộm, in hoa.	Công việc thủ công, tư thế lao động gò bó, ảnh hưởng của tiếng ồn, nóng, bụi bông, dầu mỡ, hoá chất tẩy rửa và chất thải công nghiệp.
29	Mài, bảo dưỡng suốt da (cao su); thay, tháo, dán dây da.	Thường xuyên tiếp xúc với bụi cao su và dung môi, hoá chất độc.
30	Sửa chữa điện trong dây chuyền nhuộm.	Tư thế lao động gò bó, làm việc trong môi trường ẩm ướt, nóng; tiếp xúc với NH ₃ , hoá chất tẩy, nhuộm.
31	Sửa chữa, chế tạo lược máy dệt.	Chịu tác động của bụi rỉ, hơi nhựa đường nóng, keo và hoá chất.
32	Thí nghiệm, phân tích hoá chất, thuốc nhuộm.	Thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc hại; nhiệt độ, độ ẩm cao.

F. Sản xuất thuốc lá

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Vận chuyển, bốc xếp thủ công nguyên liệu thuốc lá.	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với nicotine, bụi, nấm mốc gây bệnh.
2	Phân tích hoá chất và đánh giá chất lượng nguyên liệu và sản phẩm thuốc lá.	Thường xuyên tiếp xúc với các loại hoá chất, nicotine, tar, khói thuốc qua đường hô hấp.
3	Vận hành lò lên men, lò sấy điệu.	Thường xuyên tiếp xúc với chất nicotine, hơi và bụi thuốc lá, nấm gây bệnh. Chịu tác động của nhiệt độ cao.
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Cấp phát vật tư, nguyên liệu ở phân xưởng sản xuất sợi, đóng bao, cuốn điệu thuốc lá.	Đi lại nhiều; chịu tác động của tiếng ồn, bụi, nicotine.
2	Sửa chữa thiết bị trong các phân xưởng sản xuất sợi, đóng bao, cuốn điệu thuốc lá.	Công việc nặng nhọc, tư thế làm việc gò bó; chịu tác động của tiếng ồn, bụi, nicotine.
3	Pha chế hương liệu sản xuất thuốc lá.	Thường xuyên tiếp xúc với các loại hoá chất, nicotine, các chất gây kích thích niêm mạc, mắt, tai, mũi, họng.
4	Kiểm tra chất lượng thuốc lá điệu trên dây chuyền công nghệ.	Thường xuyên tiếp xúc với nicotine, nấm, tar, vi khuẩn gây bệnh; tư thế lao động gò bó.

2. Giao thông - vận tải

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Soát vé, điều hành xe tại các trạm thu phí cầu, đường, bến phà.	Chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi xăng dầu, khí độc (CO2, CO...) và thời tiết thay đổi theo mùa.
2	Dừng xe, hướng dẫn xe lên bàn cân tại các trạm kiểm tra tải trọng xe.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi xăng dầu, khí độc (CO2, CO...).
3	Sửa chữa cần cầu, máy, thiết bị thi công tại các công trình giao thông.	Làm việc ngoài trời, trên cao; chịu tác động của thời tiết thay đổi; tư thế làm việc gò bó, nguy hiểm.
4	Nhân viên phục vụ (nấu ăn, phục vụ ăn uống, dọn dẹp, vệ sinh toa, giường nằm) trên các đoàn tàu hỏa chở khách.	Phải kiêm nhiệm nhiều việc, công việc vất vả, thường xuyên lưu động theo tàu suốt ngày đêm. Chịu tác động của bụi, ồn, rung và khí hậu thay đổi của các miền trong một thời gian ngắn.

3. Xây dựng giao thông và kho tàng, bến bãi

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Thợ sắt, thợ hàn sắt trên các công trình xây dựng và sửa chữa cầu	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, rung, khí CO2, CO...

4. Dự trữ quốc gia

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Thủ kho, bảo quản vật tư, thiết bị cứu hộ, cứu nạn.	- Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc kém thông thoáng, thiếu ánh sáng, ảnh hưởng của bụi (bột tale), tiếp xúc với dầu mỡ, xăng...

5. Bưu chính - viễn thông

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị thông tin trên cột cao ăng ten (từ 50 m trở lên).	Công việc nặng nhọc; thường xuyên phải làm việc trên cao rất nguy hiểm; tư thế làm việc gò bó và khi sửa chữa, bảo dưỡng chịu tác động của điện từ trường cao tần và siêu cao tần.
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị thông tin tại các trạm thông tin bố trí dọc theo tuyến đường dây 500 KV.	Thường xuyên lưu động trên các địa hình đồi núi, tiếp xúc với vi khí hậu, điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép.
2	Kiểm soát, thu đo tần số, máy phát vô tuyến điện.	Thường xuyên lưu động, làm việc ngoài trời, trên cao, tư thế lao động gò bó; căng thẳng thần kinh.
3	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cáp quang và máy hàn nối cáp quang.	Thường xuyên lưu động, làm việc ngoài trời, tiếp xúc với tia laze.
4	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị VSAT, thiết bị thuê kênh riêng.	Làm việc nơi núi cao, hải đảo..., tiếp xúc với vi khí hậu xấu, điện từ trường.
5	Nhập và đối soát số liệu chuyển tiền bằng máy vi tính.	Công việc đơn điệu, cường độ lao động cao, căng thẳng thị lực, tâm lý.
6	Vận chuyển bưu điện (bưu tá) tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.	Làm việc ngoài trời, thường xuyên đi lại trên đường có mật độ giao thông cao, nguy hiểm; chịu ảnh hưởng của vi khí hậu, tiếng ồn và bụi.
7	Pha chế a xít, phóng nạp ắc quy.	Thường xuyên tiếp xúc với hơi, bụi chì; a-xít (H2SO4) nồng độ cao.

6. Khoa học - công nghệ

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Thử nghiệm rung, sức bền va đập của vật liệu xây dựng và công trình xây dựng, giao thông.	Thường xuyên tiếp xúc với bụi có hàm lượng SiO2 rất cao, tiếng ồn, rung, chấn động mạnh và liên tục.
2	Thử nghiệm cấp bảo vệ chống xâm nhập bụi của các thiết bị điện.	Tiếp xúc với điện từ trường, bụi khí và tiếng ồn cao.

3	Kiểm định, hiệu chuẩn các bộ chuyển đổi nhiệt độ, dụng cụ đo áp suất tại các bồn bể, xi téc chứa xăng dầu và trên xà lan.	Làm việc ngoài trời, tư thế lao động gò bó; thường xuyên tiếp xúc với xăng dầu, dễ cháy nổ.
4	Thử nghiệm sức bền, lão hoá, độ cháy của vật liệu điện.	Làm việc trong môi trường kín; tiếp xúc thường xuyên với nhiệt độ cao, bụi cháy, hơi khí độc của nhựa và dung môi bị cháy.
5	Thử nghiệm phóng điện bề mặt.	Công việc nguy hiểm, độc hại, tiếp xúc với điện áp cao và bụi khí do nhựa, cao su, dung môi bị cháy.
6	Lấy mẫu hoá chất, dung môi, xăng dầu để kiểm tra, thử nghiệm	Làm việc ngoài trời, thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc; có thể nguy hiểm khi lấy mẫu tại hiện trường.
7	Lấy mẫu phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để kiểm tra, thử nghiệm.	Thường xuyên tiếp xúc với thuốc trừ sâu, hoá chất độc.
8	Thử nghiệm hoá môi trường, hoá thực phẩm, hàng tiêu dùng.	Tiếp xúc với bụi, các hoá chất và dung môi hữu cơ độc hại, nồng độ cao như: H2SO4, HNO3, ASen, Axeton, Toluen, Benzen, Clo, Foomaldhyt...

7. Nông nghiệp

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Thanh tra chuyên ngành thuốc bảo vệ thực vật.	- Công việc thường xuyên phải đi lưu động, tiếp xúc với các hoá chất độc nguy hiểm như Wofatox, Bi 58, Bassa, Axeton, Ether.

8. Y tế

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI V		
1	Điều trị, chăm sóc bệnh nhân cai nghiện.	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý; tiếp xúc thường xuyên với bệnh nhân có nguy cơ lây nhiễm HIV cao.
2	Vận hành xử lý hệ thống chất thải và nạo vét cống rãnh trong bệnh viện.	Công việc thủ công, nặng nhọc; thường xuyên tiếp xúc với nước bẩn, hôi thối và nguồn lây nhiễm cao.
3	Giặt quần áo bệnh nhân bằng tay.	Công việc nặng nhọc, ẩm ướt; thường xuyên tiếp xúc với hoá chất tẩy rửa và các chất bẩn có nguy cơ lây nhiễm bệnh cao.

4	Sản xuất bột thạch cao (đập đá, sắp đá vào lò, đốt lò, ra lò, xay, đóng hộp).	Công việc thủ công nặng nhọc; chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao, bụi si líc, khí CO, CO2 vượt tiêu chuẩn cho phép.
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI IV		
1	Xúc, rửa, thanh trùng dụng cụ, chai lọ dùng trong nghiên cứu, sản xuất, kiểm định các loại vaccin, huyết thanh, chế phẩm sinh học.	Nơi làm việc ẩm ướt, thường xuyên tiếp xúc với hoá chất tẩy rửa (NaOH), các hoá chất độc khác và các nguồn lây nhiễm.
2	Trực tiếp khám, điều trị, phục vụ bệnh nhân ở các khoa (phòng) khám bệnh, cấp cứu tổng hợp của bệnh viện.	Làm việc trong môi trường có nguy cơ lây nhiễm cao; căng thẳng thần kinh tâm lý.
3	Sửa chữa máy móc, thiết bị y tế tại buồng bệnh và trong phòng thí nghiệm.	Công việc vất vả, tư thế lao động gò bó; thường xuyên tiếp xúc với dầu mỡ, hoá chất và môi trường làm việc có nguy cơ lây nhiễm cao.
4	Pha trộn hoá chất với mũ cao su nước.	Thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc, nóng, mùi vị khó chịu.
5	Ly tâm cao su.	ảnh hưởng hoá chất độc, mùi vị khó chịu.

9. Thuỷ sản

STT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của, nghề, công việc
ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG LOẠI V		
1	Cán bộ, thuyền viên làm việc trên tàu thu mua, vận tải thuỷ sản trên biển.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió, ồn, rung; tiếp xúc với thuỷ sản tanh, hôi.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2010/TT-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2010

THÔNG TƯ QUY ĐỊNH QUY TRÌNH CAN THIỆP, TRỢ GIÚP TRẺ EM BỊ BẠO LỰC, BỊ XÂM HẠI TÌNH DỤC

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục như sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Thông tư này quy định về quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
- Thông tư này áp dụng đối với cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong can thiệp và trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.

Điều 2. Trẻ em bị bạo lực, trẻ em bị xâm hại tình dục

- Trẻ em bị bạo lực là nạn nhân của một trong các hành vi sau đây:
 - Lãng nhục, chửi mắng, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý, gây tổn thương về tinh thần, ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em;
 - Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của trẻ em;
 - Đối xử tồi tệ, bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân; bắt làm những việc trái với đạo đức xã hội;
 - Cưỡng ép trẻ em lao động quá sức, quá thời gian quy định, làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại và những công việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng hoạt động mại dâm.

2. Trẻ em bị xâm hại tình dục là nạn nhân của một trong các hành vi dâm ô, giao cấu, cưỡng dâm, hiếp dâm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đối tượng xâm hại là người thực hiện hành vi bạo lực hoặc xâm hại tình dục đối với trẻ em.
2. Can thiệp, trợ giúp là các hoạt động nhằm ngăn chặn, loại bỏ các nguy cơ tái bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em; phục hồi về thể chất, tâm lý, giao tiếp xã hội; tái hòa nhập gia đình, cộng đồng, trường học cho trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
3. Bảo mật về thông tin liên quan đến trẻ bị xâm hại tình dục: Là việc giữ kín thông tin liên quan đến trẻ bị xâm hại tình dục nhằm bảo vệ lợi ích tốt nhất của trẻ, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ xử lý đối tượng xâm hại; can thiệp, trợ giúp trẻ em bị xâm hại tình dục.
4. Trẻ em trong tình trạng khẩn cấp: Trẻ em là nạn nhân của hành vi bạo lực hoặc xâm hại tình dục, nếu không can thiệp kịp thời sẽ tiếp tục bị bạo lực, bị xâm hại tình dục, nguy hiểm đến tính mạng hoặc bị tổn thương nặng nề về tinh thần và thân thể, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ.
5. Cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em là công chức thuộc các cơ quan quản lý nhà nước, viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp, cán bộ hợp đồng, người được giao trách nhiệm, cộng tác viên, tình nguyện viên về lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp.

Điều 4. Nguyên tắc can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục

1. Can thiệp, trợ giúp kịp thời bằng các biện pháp phù hợp, theo quy định của pháp luật, vì quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em;
2. Đảm bảo tính bảo mật về thông tin liên quan đến trẻ bị xâm hại tình dục;
3. Đảm bảo tính liên tục trong can thiệp, trợ giúp; phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong hoạt động can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.

CHƯƠNG II:

QUY TRÌNH CAN THIỆP, TRỢ GIÚP TRẺ EM BỊ BẠO LỰC, BỊ XÂM HẠI TÌNH DỤC

Điều 5. Các bước trong quy trình

Quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục gồm các bước sau đây:

1. Tiếp nhận thông tin; kiểm tra, đánh giá nguy cơ sơ bộ; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn tạm thời cho trẻ em trong tình trạng khẩn cấp.
2. Thu thập thông tin, xác minh và đánh giá nguy cơ cụ thể đối với trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
3. Xây dựng và thông qua kế hoạch can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
4. Thực hiện hoạt động can thiệp, trợ giúp.
5. Rà soát, đánh giá nguy cơ sau can thiệp, trợ giúp và báo cáo kết quả can thiệp, trợ giúp.

Điều 6. Tiếp nhận thông tin; kiểm tra, đánh giá nguy cơ sơ bộ; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn tạm thời cho trẻ em trong tình trạng khẩn cấp

1. Cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận thông tin của mọi công dân, tổ chức về các vụ việc trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
2. Khi tiếp nhận thông tin về vụ việc trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục, cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã có trách nhiệm:
 - a. Ghi chép kịp thời, đầy đủ thông tin về vụ việc.
 - b. Báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và phối hợp với các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan, gia đình, trường học, hàng xóm, bạn bè của trẻ em nạn nhân kiểm tra tính xác thực của thông tin, đồng thời bổ sung các thông tin liên quan đến vụ việc bằng cách đến trực tiếp địa bàn hoặc qua điện thoại.
 - c. Thực hiện đánh giá nguy cơ sơ bộ làm cơ sở đưa ra nhận định về tình trạng hiện tại của trẻ.
 - d. Trường hợp trẻ em trong tình trạng khẩn cấp, cần phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn tạm thời cho trẻ trước khi thực hiện các bước tiếp theo.
 - e. Báo cáo vụ việc với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội để nhận được sự hướng dẫn, hỗ trợ.
3. Việc tiếp nhận, ghi chép thông tin, tiến hành đánh giá nguy cơ sơ bộ và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn tạm thời cho trẻ trong tình trạng khẩn cấp được thực hiện theo mẫu hướng dẫn (Mẫu 1).

Điều 7. Thu thập thông tin, xác minh và đánh giá nguy cơ cụ thể

1. Cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã phối hợp với cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện thu thập thông tin, xác minh và đánh giá nguy cơ cụ thể đối với các trường hợp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
2. Nội dung thu thập thông tin, xác minh và đánh giá nguy cơ cụ thể bao gồm:
 - a. Thu thập thông tin liên quan đến môi trường sống của trẻ (tình trạng trẻ trong quá khứ và hiện tại; mối quan hệ của trẻ với các thành viên trong gia đình; mối quan hệ của trẻ với đối tượng xâm hại; mối quan hệ của trẻ với môi trường chăm sóc trẻ ...).
 - b. Trên cơ sở các thông tin liên quan, thực hiện đánh giá nguy cơ cụ thể đối với trẻ nhằm xác định các vấn đề và nhu cầu của trẻ bị bạo lực, bị xâm hại tình dục, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch can thiệp, trợ giúp phù hợp, hiệu quả.
 - c. Thu thập bằng chứng cho việc tố giác tội phạm, làm cơ sở để các cơ quan chức năng xử lý các hành vi bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em.
3. Việc thu thập thông tin, xác minh và đánh giá nguy cơ cụ thể đối với các trường hợp thực hiện theo mẫu hướng dẫn (Mẫu 2).

Điều 8. Xây dựng và thông qua kế hoạch can thiệp, trợ giúp

1. Cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã phối hợp với cán bộ các ngành công an, tư pháp, y tế, giáo dục và các tổ chức đoàn thể liên quan xây dựng kế hoạch can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
2. Kế hoạch can thiệp, trợ giúp dựa trên cơ sở các kết luận của việc đánh giá nguy cơ tại Mẫu 2 và ý kiến thống nhất của cán bộ các ngành liên quan, bao gồm các nội dung sau:
 - a. Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các vấn đề cần giải quyết của trẻ;
 - b. Chỉ ra các nhu cầu cần can thiệp, trợ giúp để giải quyết từng vấn đề của trẻ;
 - c. Xác định mục tiêu cần đạt được để giải quyết các vấn đề và đáp ứng các nhu cầu cơ bản của trẻ trên cơ sở nguồn lực và khả năng hiện có;
 - d. Xác định các biện pháp can thiệp, trợ giúp và nguồn lực cần hỗ trợ để đạt được mục tiêu;
 - e. Đề xuất trách nhiệm cụ thể của các cá nhân, đơn vị trong việc phối hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ.
3. Kế hoạch can thiệp, trợ giúp trường hợp được xây dựng theo mẫu hướng dẫn (Mẫu 3) và trình Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua.

Điều 9. Thực hiện hoạt động can thiệp, trợ giúp

1. Căn cứ vào kế hoạch được thông qua, cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã phối hợp với các cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện hoạt động can thiệp, trợ giúp trẻ bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
2. Khi thực hiện hoạt động can thiệp, trợ giúp, cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã có trách nhiệm:
 - a. Theo dõi, giám sát việc thực hiện các hoạt động can thiệp, trợ giúp nhằm kịp thời điều chỉnh các hoạt động can thiệp, trợ giúp cho phù hợp;

- b. Vận động cộng đồng, cá nhân, tổ chức tham gia và hỗ trợ nhằm đáp ứng các nhu cầu và chăm sóc cho trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục;
 - c. Kết nối với các dịch vụ sẵn có nhằm đáp ứng nhu cầu cần trợ giúp của trẻ bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
3. Việc theo dõi, giám sát tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch can thiệp, trợ giúp theo mẫu hướng dẫn (Mẫu 4).

Điều 10. Rà soát, đánh giá nguy cơ sau can thiệp, trợ giúp và báo cáo kết quả can thiệp, trợ giúp

1. Cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã chịu trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan tổ chức tiến hành rà soát, đánh giá nguy cơ đối với trẻ sau khi thực hiện hoạt động can thiệp, trợ giúp.
2. Việc đánh giá nguy cơ đối với trẻ sau khi thực hiện kế hoạch can thiệp, trợ giúp nhằm đưa ra các nhận định, kết luận về tình trạng của trẻ, làm cơ sở đề xuất các giải pháp tiếp theo:
 - a. Nếu trẻ không còn nguy cơ bị bạo lực, bị xâm hại tình dục, các yếu tố về thể chất, tâm lý, nhận thức và tình cảm của trẻ ổn định, cán bộ bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp xã lưu hồ sơ và báo cáo theo quy định;
 - b. Nếu trẻ vẫn có nguy cơ bị bạo lực, bị xâm hại tình dục hoặc các yếu tố về thể chất, tâm lý, nhận thức và tình cảm của trẻ chưa ổn định, cần tiếp tục rà soát, đánh giá nguy cơ, kết quả can thiệp, trợ giúp lần trước và xây dựng kế hoạch can thiệp, trợ giúp tiếp theo.
3. Việc rà soát, đánh giá nguy cơ đối với trẻ sau khi thực hiện kế hoạch can thiệp, trợ giúp theo mẫu hướng dẫn (Mẫu 5).

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Chỉ đạo cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan trong phạm vi quản lý thực hiện can thiệp, trợ giúp cho trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục theo quy định tại Thông tư này.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Chỉ đạo hệ thống ngành tổ chức thực hiện quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.

2. Phối hợp với các ngành liên quan phát triển các loại hình dịch vụ bảo vệ trẻ em, từng bước đáp ứng các nhu cầu cần can thiệp, trợ giúp của trẻ em trong tình trạng khẩn cấp. Hình thành Trung tâm công tác xã hội trẻ em; đường dây tư vấn để kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em.
3. Hỗ trợ giải quyết các trường hợp nghiêm trọng vượt quá khả năng của cấp xã và huyện.
4. Phối hợp với các cơ quan cùng cấp có liên quan chỉ đạo, kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy trình.
5. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về tình hình và kết quả thực hiện công tác can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục tại địa phương và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 13. Trách nhiệm của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

1. Chỉ đạo, hướng dẫn cấp xã thực hiện quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
2. Phối hợp với các ngành liên quan phát triển các loại hình dịch vụ trợ giúp trẻ em; hình thành các văn phòng tư vấn trợ giúp trẻ em, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập các điểm tư vấn trợ giúp trẻ em ở cộng đồng, trường học trên địa bàn.
3. Hỗ trợ giải quyết các trường hợp nghiêm trọng vượt quá khả năng của cấp xã.
4. Phối hợp với các cơ quan cùng cấp có liên quan chỉ đạo, kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy trình.
5. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình và kết quả thực hiện công tác can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục tại địa phương và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phân công cán bộ, bố trí phương tiện và điểm tiếp nhận thông báo về trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
2. Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các cá nhân, gia đình và cộng đồng phát hiện, cung cấp thông tin về trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
3. Chỉ đạo việc xây dựng và thông qua kế hoạch can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
4. Chỉ đạo các ban, ngành liên quan phát triển các loại hình dịch vụ bảo vệ trẻ em; hình thành mạng lưới cộng tác viên người lớn; mạng lưới cộng tác viên trẻ em; điểm tư vấn trợ giúp trẻ em ở cộng đồng, trường học trên địa bàn.

5. Huy động nguồn lực, đáp ứng tối đa việc thực hiện kế hoạch can thiệp, trợ giúp trẻ em nhằm giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ trong trường hợp trẻ bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
6. Lưu trữ hồ sơ can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.
7. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình và kết quả thực hiện công tác can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục trên địa bàn và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để có hướng dẫn, bổ sung kịp thời.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC
Đàm Hữu Đắc

.....

Mẫu 1

BÁO CÁO TIẾP NHẬN THÔNG TIN, ĐÁNH GIÁ
NGUY CƠ SƠ BỘ ĐỐI VỚI TRẺ EM BỊ BẠO LỰC,
BỊ XÂM HẠI TÌNH DỤC

A. Tiếp nhận thông tin ban đầu

1. Nhận được thông tin:

Thông qua (điện thoại/gặp trực tiếp/người khác báo):

Thời gian (mấy giờ) Ngày tháng năm

Cán bộ tiếp nhận Địa điểm

Số hiệu tạm thời của trường hợp

2. Thông tin về trẻ bị bạo lực, bị xâm hại tình dục (trường hợp)

Họ tên (nếu được biết)

Ngày tháng năm sinh hoặc ước lượng tuổi

Giới tính: Nam Nữ Không biết

Địa điểm (trẻ đang ở đâu vào thời điểm nhận được thông báo?).....

.....

Họ tên cha của trẻ Họ tên mẹ của trẻ

Hoàn cảnh gia đình

.....

Tình trạng hiện tại của trẻ:

.....

.....

Phỏng đoán hậu quả có thể sẽ xảy ra cho một (hoặc nhiều) trẻ em nếu không có can thiệp?

.....

Hiện tại ai là người chăm sóc, giám hộ (nếu có) cho trẻ - nếu biết?.....

.....

.....

Những hành động can thiệp đã được thực hiện đối với trẻ trước khi thông báo:..

.....

.....

3. Thông tin về người báo tin - nếu đồng ý cung cấp

Họ tên Số điện thoại

Địa chỉ

Ghi chú thêm
.....

Cán bộ tiếp nhận thông tin (ký tên)

B. Đánh giá nguy cơ sơ bộ, thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn tạm thời cho trẻ

Ngày, tháng, năm tiến hành đánh giá:

Cán bộ đánh giá: Chức danh

Đơn vị công tác:

1. Đánh giá nguy cơ sơ bộ

Chỉ số đánh giá “Sự dễ bị tổn thương”	Mức độ: Cao, Trung bình, Thấp	Chỉ số đánh giá “Khả năng tự bảo vệ, phục hồi”	Mức độ: Cao, Trung bình, Thấp
1. Mức độ tổn thương của trẻ	Cao (trẻ bị tổn thương nghiêm trọng, đe dọa tính mạng); Trung bình (trẻ bị tổn thương, nhưng không nghiêm trọng); Thấp (trẻ ít hoặc không bị tổn thương)	3. Khả năng tự bảo vệ của trẻ trước các tổn hại	Cao (trẻ có khả năng khắc phục được những tổn thương); Trung bình (trẻ có một ít khả năng khắc phục được những tổn thương); Thấp (trẻ không thể khắc phục được những tổn thương)
2. Nguy cơ trẻ tiếp tục bị tổn thương nếu ở trong tình trạng hiện thời.	Cao (đối tượng xâm hại có khả năng tiếp cận một cách dễ dàng và thường xuyên đến trẻ); Trung bình (đối tượng xâm hại có cơ hội tiếp cận trẻ, nhưng không thường xuyên); Thấp (đối tượng xâm hại ít hoặc không có khả năng tiếp cận trẻ)	4. Khả năng của trẻ trong việc tiếp nhận sự hỗ trợ, bảo vệ của người lớn một cách hiệu quả.	Cao (Ngay lập tức tìm được người lớn có khả năng bảo vệ hữu hiệu cho trẻ); Trung bình (chỉ có một số khả năng tìm được người bảo vệ hữu hiệu); Thấp (không có khả năng tìm người bảo vệ)

Tổng số	Cao:	Tổng số	Cao:
	Trung bình		Trung bình
	Thấp:		Thấp:

Kết luận về tình trạng của trẻ:

- Trường hợp các chỉ số đánh giá “Sự dễ bị tổn thương” ở mức độ Cao chiếm ưu thế hơn các chỉ số đánh giá “Khả năng tự bảo vệ, phục hồi”: Trẻ đang trong tình trạng khẩn cấp, cần thực hiện ngay các biện pháp đảm bảo an toàn tạm thời cho trẻ trước khi thực hiện các bước tiếp theo.
- Trường hợp khác, có thể tiếp tục các bước tiếp theo của quy trình.

2. An toàn thể chất

Nhu cầu về an toàn của trẻ	Dịch vụ cung cấp	Đơn vị cung cấp dịch vụ
1. Chỗ ở và các điều kiện sinh hoạt	- Nơi chăm sóc tạm thời - Thức ăn - Quần áo	
2. An toàn thể chất	- Chăm sóc y tế - Chăm sóc tinh thần	

Nơi nhận:

Chủ tịch UBND xã (thay báo cáo);
Lưu hồ sơ.

Cán bộ thực hiện

(ký tên)

Mẫu 2

THU THẬP THÔNG TIN, XÁC MINH VÀ ĐÁNH GIÁ
NGUY CƠ CỤ THỂ

Họ tên trẻ: Hồ sơ số:
Họ tên cán bộ đánh giá:
Ngày tháng năm thực hiện bản đánh giá

1. Thu thập thông tin liên quan, phân tích các yếu tố tác động đến việc
chăm sóc trẻ trong quá khứ và hiện tại

Nội dung	Câu hỏi	Trả lời	
Về tình tiết xâm hại	Trẻ đã bị xâm hại hay chưa?	Dạng xâm hại	Dấu hiệu
Việc chăm sóc cho trẻ trong quá khứ và hiện tại	Những ai là người đã và đang chăm sóc cho trẻ? (họ đã, đang ở đâu?) Chất lượng chăm sóc như thế nào?		
Các yếu tố đang tác động đến việc chăm sóc cho trẻ	Những yếu tố tác động đến chất lượng của sự chăm sóc? (bao gồm các yếu tố tích cực và các yếu tố tiêu cực)	Tích cực? Tiêu cực?	
Việc chăm sóc trẻ trong tương lai	Trong tương lai ai sẽ là người chăm sóc trẻ?		
Các yếu tố sẽ tác động đến môi trường chăm sóc trong tương lai cho trẻ.	Những yếu tố có thể sẽ tác động đến việc chăm sóc trong tương lai? (bao gồm các yếu tố tích cực và các yếu tố tiêu cực)	Tích cực? Tiêu cực?	

2. Đánh giá nguy cơ cụ thể:

Chỉ số đánh giá “Sự dễ bị tổn thương”	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)	Chỉ số đánh giá “Khả năng tự bảo vệ, phục hồi”	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)
1. Đánh giá mức độ trẻ bị hại	• Cao (trẻ đã bị hại nghiêm trọng); • Trung bình (trẻ bị hại nhưng không nghiêm trọng); • Thấp (trẻ bị hại ít hoặc không bị hại)	6. Khả năng tự bảo vệ của trẻ trước những hành động của đối tượng xâm hại.	• Cao (trẻ có khả năng tự bảo vệ mình); • Trung bình (trẻ có một số khả năng nhưng không cao); • Thấp (trẻ không tự bảo vệ được)

2. Khả năng tiếp cận trẻ của đối tượng xâm hại (trong tương lai)	● Cao (đối tượng xâm hại có khả năng tiếp cận một cách dễ dàng và thường xuyên đến trẻ); ● Trung bình (đối tượng xâm hại có cơ hội tiếp cận trẻ, nhưng không thường xuyên); ● Thấp (đối tượng xâm hại ít hoặc không có khả năng tiếp cận trẻ)	7. Khả năng biết được những người có khả năng bảo vệ mình	● Cao (trẻ biết được người lớn nào có thể bảo vệ mình); ● Trung bình (trẻ biết ít về người lớn nào có thể bảo vệ mình); ● Thấp (trẻ không biết người lớn nào có thể bảo vệ mình)
3. Tác động của hành vi xâm hại đến sự phát triển của trẻ (thể chất, tâm lý, tình cảm)	● Cao (có tác động nghiêm trọng đến trẻ); ● Trung bình (có một vài tác động đến sự phát triển của trẻ); ● Thấp (có ít hoặc không có tác động đến sự phát triển của trẻ)	8. Khả năng của trẻ trong việc thiết lập mối quan hệ với những người có thể bảo vệ mình	● Cao (trẻ sẵn sàng và có khả năng nói chuyện với người có thể bảo vệ mình); ● Trung bình (trẻ luôn sẵn sàng liên hệ với người lớn nào có thể bảo vệ mình); ● Thấp (trẻ không sẵn sàng liên hệ với người lớn)
4. Những trở ngại trong môi trường chăm sóc trẻ đối với việc bảo đảm an toàn cho trẻ	● Cao (có nhiều trở ngại để đảm bảo an toàn cho trẻ); ● Trung bình (có một vài trở ngại, nhưng trẻ vẫn có được sự bảo vệ nhất định); ● Thấp (có ít hoặc không có trở ngại nào cho việc bảo vệ trẻ)	9. Khả năng của trẻ trong việc bảo vệ trẻ	● Cao (trẻ có khả năng liên hệ với người lớn và cho biết người lớn biết về tình trạng không an toàn của mình); ● Trung bình (trẻ có một số khả năng liên hệ với người lớn và cho biết người lớn biết về tình trạng không an toàn của mình); ● Thấp (trẻ không có khả năng liên hệ với người lớn và cho biết người lớn biết về tình trạng không an toàn của mình)
5. Không có người sẵn sàng hoặc có khả năng bảo vệ trẻ		10. Trẻ có được sự theo dõi và sẵn sàng giúp đỡ của những người khác (không phải là đối tượng xâm hại)	● Cao (những người hàng xóm, thầy, cô ... thường xuyên quan sát được trẻ); ● Trung bình (Chỉ quan sát trẻ ở một số thời điểm nhất định); ● Thấp (trẻ ít được mọi người trông thấy)

Tổng số	• Cao: • Trung bình • Thấp:	Tổng số	• Cao: • Trung bình • Thấp:
----------------	---	----------------	---

3. Kết luận các nguy cơ và xác định các vấn đề của trẻ:

Trên cơ sở so sánh mức độ (cao, thấp, trung bình) giữa các chỉ số đánh giá “sự dễ bị tổn thương” với chỉ số đánh giá “Khả năng tự bảo vệ, phục hồi”.

Trường hợp các chỉ số đánh giá “Sự dễ bị tổn thương” ở mức độ Cao chiếm ưu thế hơn các chỉ số đánh giá “Khả năng tự bảo vệ, phục hồi”: Trẻ có nguy cơ cao tiếp tục bị bạo lực, bị xâm hại tình dục hoặc mức độ trẻ bị hại vẫn rất nghiêm trọng.

Ví dụ về vấn đề của trẻ: Trẻ vẫn cần sự chăm sóc về thể chất, tinh thần; trẻ cần có một môi trường sống an toàn, đảm bảo các điều kiện để hòa nhập cộng đồng...

Trường hợp các chỉ số đánh giá “Sự dễ bị tổn thương” ở mức độ Cao ít hơn hoặc tương đương với các chỉ số đánh giá “Khả năng tự bảo vệ, phục hồi”: Trẻ không hoặc ít có nguy cơ tiếp tục bị bạo lực, bị xâm hại tình dục hoặc mức độ trẻ bị hại ít nghiêm trọng.

Cán bộ thực hiện

(ký tên)

Mẫu 3

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

xã.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 20....

KẾ HOẠCH CAN THIỆP, TRỢ GIÚP TRẺ EM

(Trong trường hợp bị bạo lực, bị xâm hại tình dục)

Kế hoạch can thiệp, trợ giúp được xây dựng để nhằm mục đích cung cấp dịch vụ can thiệp dành cho trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục. Kế hoạch can thiệp, trợ giúp được thiết kế để giải quyết các nhu cầu được an toàn, bảo vệ và chăm sóc trước mắt và lâu dài cho trẻ.

a) Liệt kê các vấn đề của trẻ (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cần can thiệp, trợ giúp):

Ví dụ:

- Các tổn thương về thể chất, tâm lý, tình cảm nghiêm trọng
- Môi trường chăm sóc trẻ có nhiều nguy cơ sẽ tiếp tục bị bạo lực, bị xâm hại tình dục

.....

b) Xác định Nhu cầu cần cung cấp dịch vụ chăm sóc cho trẻ.

- Chăm sóc, chữa trị các tổn thương
- Tìm kiếm, cải thiện môi trường chăm sóc trẻ

.....

c) Mục tiêu cung cấp dịch vụ

- Phục hồi các tổn thương cho trẻ
- Trẻ được sống trong môi trường an toàn, đảm bảo các điều kiện cơ bản để hòa nhập cộng đồng.

.....

d) Các hoạt động

- Chăm sóc y tế, trị liệu tâm lý ...
- Phân tích, lựa chọn các giải pháp cải thiện môi trường chăm sóc trẻ
- Thực hiện các hoạt động nhằm cải thiện các điều kiện, tạo môi trường chăm sóc an toàn cho trẻ (tư vấn, giáo dục, hỗ trợ gia đình/người chăm sóc trẻ, hỗ trợ cho trẻ đến trường ...)

.....

đ) Tổ chức thực hiện (bao gồm phân công trách nhiệm thực hiện, nguồn lực, thời gian thực hiện các hoạt động ...).

TM. UBND xã
(Ký, đóng dấu)

Cán bộ lập kế hoạch
(Ký tên)

Mẫu 4

THEO DÕI, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CAN THIỆP, TRỢ GIÚP

Họ và tên trẻ: Số hồ sơ:
Họ và tên cán bộ thực hiện:
Thời gian thực hiện: Ngày tháng năm

Hoạt động can thiệp, trợ giúp	Đánh giá kết quả	Đề xuất điều chỉnh
1. Ví dụ: Chăm sóc y tế đối với các tổn thương về thể chất	Các tổn thương của trẻ đã được chăm sóc tốt, ổn định. Trẻ hoàn toàn bình phục	
2. Trị liệu tâm lý	Trẻ được hỗ trợ từ bác sỹ chuyên khoa, các hoảng loạn về tâm lý đã dần ổn định. Tuy nhiên, vẫn còn tâm lý sợ hãi ...	Tiếp tục có các biện pháp hỗ trợ tích cực
3.		
4.		
5.		

Đánh giá chung:
.....
Đề xuất các hoạt động tiếp theo:
.....
.....

Cán bộ thực hiện
(ký tên)

Mẫu 5

RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG CỦA TRẺ
SAU KHI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CAN THIỆP, TRỢ GIÚP

Tên trẻ: Số hồ sơ
Họ và tên cán bộ thực hiện:.....
Thời gian thực hiện: Ngày tháng năm

1. Đánh giá nguy cơ tại giai đoạn kết thúc

Chỉ số đánh giá “Sự dễ bị tổn thương”	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)	Chỉ số đánh giá “Khả năng tự bảo vệ, phục hồi”	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)
1. Mức độ tổn thương của trẻ có còn nghiêm trọng không?	● Cao (tổn thương của trẻ vẫn còn rất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ); ● Trung bình (tổn thương của trẻ còn ít nghiêm trọng); ● Thấp (tổn thương của trẻ không còn nghiêm trọng)	4. Khả năng tự bảo vệ của trẻ trước những hành động của đối tượng xâm hại	● Cao (trẻ có khả năng tự bảo vệ mình); ● Trung bình (trẻ có một số khả năng, nhưng không cao); ● Thấp (trẻ không tự bảo vệ được)
2. Khả năng tiếp cận trẻ của đối tượng xâm hại	● Cao (đối tượng xâm hại vẫn có khả năng tiếp cận một cách dễ dàng và thường xuyên đến trẻ); ● Trung bình (đối tượng xâm hại có cơ hội tiếp cận trẻ, nhưng không thường xuyên); ● Thấp (đối tượng xâm hại ít hoặc không có khả năng tiếp cận trẻ)	5. Trẻ có được sự theo dõi và sẵn sàng giúp đỡ của những người khác (không phải là đối tượng xâm hại)	● Cao (những người hàng xóm, thầy cô ... thường xuyên quan sát được trẻ); ● Trung bình (chỉ quan sát trẻ ở một số thời điểm nhất định); ● Thấp (trẻ ít được mọi người trông thấy)

3. Những trở ngại trong môi trường chăm sóc trẻ đối với việc bảo đảm an toàn cho trẻ	• Cao (môi trường chăm sóc vẫn có nhiều trở ngại đáng kể để đảm bảo an toàn cho trẻ); • Trung bình (có một vài trở ngại, nhưng trẻ vẫn có được sự bảo vệ nhất định); • Thấp (có ít hoặc không có trở ngại nào cho việc bảo vệ trẻ)	5. Khả năng của trẻ trong việc nhờ người bảo vệ trẻ.	• Cao (trẻ có khả năng liên hệ với người lớn và cho biết người lớn biết về tình trạng không an toàn của mình); • Trung bình (trẻ có một số khả năng liên hệ với người lớn); • Thấp (trẻ không có khả năng liên hệ với người lớn).
Tổng số	• Cao: • Trung bình • Thấp:	Tổng số	• Cao: • Trung bình • Thấp:

2. Kết luận về tình trạng của trẻ:

Trên cơ sở so sánh mức độ (cao, thấp, trung bình) giữa các chỉ số đánh giá “sự dễ bị tổn thương” với chỉ số đánh giá “Khả năng tự bảo vệ, phục hồi”.

- Nếu nguy cơ trẻ vẫn tiếp tục bị xâm hại/tổn thương, cần có kế hoạch can thiệp, trợ giúp tiếp theo.
- Nếu kết quả can thiệp, trợ giúp đảm bảo trẻ ổn định và nguy cơ xâm hại không còn, theo dõi trong thời gian 3 tháng và kết thúc.

Cán bộ thực hiện

(ký tên)

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 84/2009/QĐ-TTg NGÀY 04 THÁNG 06 NĂM 2009 PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VÌ TRẺ EM BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI HIV/AIDS ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau đây

1. Trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, bao gồm:

- a. Trẻ em nhiễm HIV.
- b. Trẻ em có nguy cơ cao nhiễm HIV:

- Trẻ em mồ côi do bố và mẹ hoặc bố hoặc mẹ chết vì lý do liên quan đến HIV/AIDS;
- Trẻ em sống với bố, mẹ hoặc người nuôi dưỡng nhiễm HIV;
- Trẻ em sử dụng ma túy;
- Trẻ em bị xâm hại tình dục;
- Trẻ em là con của người mua dâm, bán dâm, sử dụng ma túy;
- Trẻ em là nạn nhân của tội mua bán người;
- Trẻ em lang thang;
- Trẻ em mồ côi do các nguyên nhân khác;
- Trẻ em sống trong các cơ sở bảo trợ xã hội; cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

2. Tầm nhìn đến năm 2020:

- Nâng cao nhận thức và hành động cho toàn xã hội về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- Giai đoạn 2011 – 2020, Nhà nước tiếp tục chỉ đạo, đầu tư và đẩy mạnh phối hợp liên ngành trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- Bảo đảm trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được chăm sóc, tư vấn thích hợp, tiếp cận với giáo dục hoặc được hỗ trợ học nghề, hưởng các chính sách xã hội theo quy định hiện hành, được sống an toàn cùng với bố, mẹ, anh, chị, em ruột hoặc người thân trực hệ hoặc được sống ở những cơ sở chăm sóc thay thế; trẻ em nhiễm HIV trong diện quản lý được chẩn đoán, điều trị các bệnh có liên quan đến HIV/AIDS.

3. Các mục tiêu cụ thể đến năm 2010:

- a. Mục tiêu 1:** tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục, chính sách xã hội cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

Chỉ tiêu đến năm 2010: ít nhất 50% trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chính sách xã hội theo quy định hiện hành.

- b. Mục tiêu 2:** hình thành các dịch vụ cần thiết có chất lượng cao và thân thiện đối với trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

Chỉ tiêu đến năm 2010:

- ☆ 100% trẻ em nhiễm HIV trong diện quản lý được chăm sóc, điều trị, tư vấn thích hợp;
 - ☆ 100% phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai, trẻ em dưới sáu tuổi nhiễm HIV được Nhà nước cấp miễn phí thuốc kháng HIV; 100% trẻ sơ sinh là con của bà mẹ nhiễm HIV được xét nghiệm phát hiện HIV ngay sau khi chào đời;
 - ☆ 50% cơ sở chẩn đoán, chăm sóc, điều trị cho người lớn nhiễm HIV có lồng ghép các dịch vụ nhi khoa trong chẩn đoán, chăm sóc, điều trị cho trẻ em nhiễm HIV;
 - ☆ Ít nhất 30% trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được cung cấp các dịch vụ chăm sóc tâm lý – xã hội; chăm sóc tại gia đình và cộng đồng; tư vấn và xét nghiệm HIV; hỗ trợ dinh dưỡng và phát triển thể chất; tiếp nhận và chăm sóc tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập cho trẻ em lứa tuổi mầm non;
 - ☆ 50% cơ sở giáo dục có bố trí nhân viên y tế có khả năng tư vấn cho trẻ em nhiễm HIV;
 - ☆ Ít nhất 50% trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được chăm sóc thay thế dựa vào gia đình, cộng đồng;
 - ☆ 50% cơ sở nuôi dưỡng trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được hỗ trợ để thực hiện các dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV, chăm sóc trẻ em nhiễm HIV.
- c. Mục tiêu 3:** cải thiện cơ chế cung cấp thông tin, giáo dục, chăm sóc, điều trị, tư vấn cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

Chỉ tiêu đến năm 2010:

- ☆ Ít nhất 70% nhà quản lý làm việc với trẻ em trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, lao động – thương binh và xã hội, các nhà cung cấp dịch vụ cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS có kiến thức cơ bản về dự phòng lây nhiễm HIV, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan;
 - ☆ Ít nhất 50% phụ huynh, học sinh, giáo viên của các cơ sở giáo dục được cung cấp thông tin về các biện pháp dự phòng lây nhiễm HIV, kiến thức cơ bản về quyền của trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS;
 - ☆ Ít nhất 50% trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và người chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS không bị kỳ thị và phân biệt đối xử khi tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội khác.
- d. Mục tiêu 4:** tạo môi trường xã hội thuận lợi cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- e. Mục tiêu 5:** cải thiện hệ thống theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

Chỉ tiêu đến năm 2010:

Hoàn thiện hệ thống theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

4. Các hoạt động chủ yếu:

a) Nghiên cứu, rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS:

- Rà soát để sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS;
- Rà soát, xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn về cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục, trợ cấp xã hội cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; về sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội trong việc cung cấp dịch vụ xã hội cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và người chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; về chống kỳ thị và phân biệt đối xử trong hệ thống y tế, giáo dục và phúc lợi xã hội đối với trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; về hoạt động của các nhóm tự lực những người nhiễm HIV.
- Xây dựng và ban hành văn bản về cơ chế chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trong chẩn đoán, điều trị trẻ em nhiễm HIV; hướng dẫn lồng ghép trong chẩn đoán, chăm sóc, điều trị cho trẻ em nhiễm HIV với người lớn nhiễm HIV tại các cấp; quy trình chăm sóc liên tục đối với trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

b) Thiết lập các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS:

- Tăng cường thực hiện các dịch vụ hiện có về phòng, chống lây nhiễm HIV từ mẹ sang con, phát hiện sớm, chăm sóc, điều trị, tư vấn về HIV/AIDS cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- Cung cấp, hỗ trợ và nhân rộng các dịch vụ cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS về chăm sóc tâm lý – xã hội; về chăm sóc tại gia đình, cộng đồng; về tư vấn và xét nghiệm HIV; về hỗ trợ dinh dưỡng và phát triển thể chất; về nhận và chăm sóc tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập cho trẻ em lứa tuổi mầm non.
- Cung cấp, hỗ trợ, kiểm tra việc thực hiện các quy trình chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trong chẩn đoán, điều trị trẻ em nhiễm HIV, quy trình chăm sóc liên tục đối với trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- Cung cấp và kiểm tra việc thực hiện các dịch vụ dự phòng, chẩn đoán, chăm sóc, điều trị trẻ em nhiễm HIV ở các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em.
- Cung cấp kiến thức về chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS cho gia đình, cộng đồng và cán bộ y tế ở các trường học, trung tâm dạy nghề, cơ sở bảo trợ xã hội.

c) Cung cấp thông tin, kiến thức về bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS:

- Cung cấp thông tin, kiến thức cho người làm công tác quản lý trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, ưu tiên người làm việc trực tiếp với trẻ em nhiễm HIV và trẻ em có nguy cơ cao nhiễm HIV.
- Xây dựng cơ chế tăng cường phổ biến thông tin về các dịch vụ, chính sách xã hội có liên quan đến trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

d) Xây dựng môi trường xã hội thuận lợi để trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, người chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được tiếp cận với các dịch vụ xã hội và được tham gia các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS:

- Xây dựng tài liệu nâng cao kiến thức cho đối tượng có liên quan về sự lây truyền HIV, các biện pháp dự phòng, chống kỳ thị và phân biệt đối xử, quyền trẻ em và trách nhiệm xã hội đối với trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- Nội dung tập huấn của các nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải được lồng ghép các nội dung về chống kỳ thị và phân biệt đối xử, quyền trẻ em và trách nhiệm xã hội đối với trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

- Xây dựng tài liệu giáo dục ngoại khóa về phòng, chống HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản, tiến tới hoàn thiện để lồng ghép vào chương trình giảng dạy của hệ thống giáo dục quốc dân.
- Tạo điều kiện cho người bị nhiễm HIV tham gia một số hoạt động về phòng, chống HIV/AIDS cho trẻ em do ngành Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức.

đ) Hoàn thiện hệ thống thông tin, kiểm tra, đánh giá tình hình trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS:

- Hoàn thiện các chỉ số theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- Tổ chức tập huấn cho công chức, viên chức làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS của ngành Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội trong việc sử dụng các công cụ theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

5. Các giải pháp thực hiện:

a) Giải pháp về xã hội:

- ☆ Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo của các cấp chính quyền đối với công tác dự phòng, chăm sóc, tư vấn cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- ☆ Các ngành Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan có trách nhiệm tổ chức và phát triển các dịch vụ xã hội cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- ☆ Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, người nhiễm HIV và gia đình của người nhiễm HIV tham gia hoạt động dự phòng, chăm sóc, tư vấn cho trẻ em có nguy cơ cao nhiễm HIV; hoạt động dự phòng, chăm sóc, điều trị, tư vấn cho trẻ em nhiễm HIV.
- ☆ Tăng cường và hỗ trợ các hoạt động chống kỳ thị, phân biệt đối xử đối với trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và người chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS theo Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người.
- ☆ Nâng cao kiến thức về pháp luật, chính sách, thông tin về dịch vụ cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, người chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, các tổ chức xã hội và cá nhân đang hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

b) Giải pháp về kỹ thuật:

- ☆ Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các quy trình kỹ thuật, hướng dẫn các tiêu chuẩn dịch vụ thiết yếu, bổ sung các dịch vụ chưa có và dịch vụ chất lượng cao về phòng ngừa, chăm sóc, điều trị cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và người chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- ☆ Xây dựng, hướng dẫn và nâng cao năng lực của các nhà cung cấp dịch vụ, các tổ chức xã hội về nhận biết và đánh giá nhu cầu của trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- ☆ Cung cấp trang thiết bị thiết yếu cho các ngành Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội để thực hiện những dịch vụ hỗ trợ tư vấn, truyền thông, dự phòng, chăm sóc, điều trị cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và cho người chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

c) Giải pháp nâng cao năng lực quản lý:

- ☆ Nâng cao năng lực chuyên môn của những người cung cấp dịch vụ xã hội trong việc dự phòng, chăm sóc, điều trị, tư vấn cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và người chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

- ☆ Kiểm tra và đánh giá chất lượng các dịch vụ dự phòng, chăm sóc, điều trị, tư vấn cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và người chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.
- ☆ Cải thiện hệ thống thu thập dữ liệu về dịch vụ dự phòng, chăm sóc, điều trị, tư vấn cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và người chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

d) Giải pháp về huy động nguồn lực:

Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động đến năm 2010: được huy động từ các nguồn vốn (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn viện trợ quốc tế, vốn huy động cộng đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác); được lồng ghép trong Dự án phòng, chống HIV/AIDS thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS giai đoạn 2006 - 2010; được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan và các địa phương theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động; điều phối, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch hành động; bảo đảm các dịch vụ về phúc lợi xã hội cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2010; xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2011 - 2020, trình Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2010.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lồng ghép các hoạt động của Kế hoạch hành động với các hoạt động của các chương trình hợp tác quốc tế liên quan đến phòng, chống HIV/AIDS.
3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn và kiểm tra các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương sử dụng các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch hành động.
4. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai các nội dung về chăm sóc sức khỏe cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; lồng ghép việc thực hiện các nội dung có liên quan đến chăm sóc sức khỏe cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS của Kế hoạch hành động đến năm 2010 với việc thực hiện Dự án phòng, chống HIV/AIDS thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS giai đoạn 2006 - 2010.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai các nội dung về giáo dục có liên quan đến trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS của Kế hoạch hành động.
6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tại địa phương; tổng hợp tình hình thực hiện Kế

hoạch hành động gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2009.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG

PHÓ THỦ TƯỚNG

Trương Vĩnh Trọng

QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN XÃ, PHƯỜNG PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2010/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.
2. Quy định này được áp dụng đối với các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã, phường) trong phạm vi cả nước.
3. Quy định này được sử dụng để kiểm tra, đánh giá và xét công nhận xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Xã, phường được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em là xã, phường có môi trường sống an toàn, thân thiện với trẻ em; là xã, phường mà ở đó tất cả trẻ em đều có sự khởi đầu tốt đẹp nhất trong cuộc sống, được hưởng các quyền cơ bản của mình (quyền được sống, quyền được phát triển, quyền được bảo vệ và quyền được tham gia), có cơ hội phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần và nhân cách.
2. Quy định tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em được xây dựng trên cơ sở Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
3. Xã, phường được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.
4. Việc công nhận xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em phải bảo đảm dân chủ, công bằng, công khai.

CHƯƠNG II TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG ĐẠT TIÊU CHUẨN XÃ, PHƯỜNG PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM

Điều 3. Tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em

Tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em gồm có 25 chỉ tiêu, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số điểm
1	Chỉ tiêu 1: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường cam kết thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong năm đánh giá	
	Có nghị quyết, chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; có đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em; tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em	50
	Có nghị quyết, chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em	40
	Có kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.	30
	Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.	20
	Không có nghị quyết, chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.	0
2	Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em được đăng ký khai sinh trong năm đánh giá.	
	Từ 90% trở lên	25
	Từ 80% đến dưới 90%	20
	Từ 70% đến dưới 80%	15
	Từ 60% đến dưới 70%	10
	Từ 50% đến dưới 60%	5
	Dưới 50%	0
3	Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ trẻ em lang thang, trẻ em phải làm việc xa gia đình (nơi đi) trong năm đánh giá	
	Từ 1% trở xuống	25
	Từ trên 1% đến 2%	15
	Từ trên 2% đến 3%	10
	Từ trên 3% đến 4%	5
	Trên 4%	0
4	Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ trẻ em phải làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (nơi đến) trong năm đánh giá	
	Từ 1% trở xuống	25
	Từ trên 1% đến 2%	15
	Từ trên 2% đến 3%	10
	Từ trên 3% đến 4%	5
	Trên 4%	0

5	Chỉ tiêu 5: Trẻ em bị xâm hại tình dục trong năm đánh giá	
	Không phát sinh trong năm	25
	Phát sinh trong năm	0
6	Chỉ tiêu 6: Trẻ em bị mua bán, bắt cóc trong năm đánh giá	
	Không phát sinh trong năm	25
	Phát sinh trong năm	0
7	Chỉ tiêu 7: Trẻ em bị bạo lực trong năm đánh giá	
	Không phát sinh trong năm	25
	Phát sinh trong năm	0
8	Chỉ tiêu 8: Trẻ em vi phạm pháp luật trong năm đánh giá	
	Không phát sinh trong năm	25
	Phát sinh trong năm	0
9	Chỉ tiêu 9: Trẻ em sử dụng ma túy trong năm đánh giá	
	Không phát sinh trong năm	25
	Phát sinh trong năm	0
10	Chỉ tiêu 10: Tỷ lệ trẻ em nhiễm HIV (nhiễm mới) trong năm đánh giá	
	0%	25
	Từ trên 0% đến dưới 1%	15
	Từ 1% đến dưới 3%	5
	Từ 3% trở lên	0
11	Chỉ tiêu 11: Tỷ lệ trẻ em mồ côi không người nuôi dưỡng, trẻ em bị bỏ rơi được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của Nhà nước trong năm đánh giá	
	Từ 95% trở lên	75
	Từ 90% đến dưới 95%	60
	Từ 85% đến dưới 90%	45
	Từ 80% đến dưới 85%	30
	Từ 75% đến dưới 80%	15
	Dưới 75%	0
12	Chỉ tiêu 12: Tỷ lệ trẻ em được bú mẹ sớm trong vòng một giờ đầu sau khi sinh trong năm đánh giá	
	Từ 95% trở lên	50
	Từ 90% đến dưới 95%	40
	Từ 85% đến dưới 90%	30
	Từ 80% đến dưới 85%	20
	Từ 75% đến dưới 80%	10
	Dưới 75%	0

13	Chỉ tiêu 13: Tỷ lệ trẻ sơ sinh được cân, đo chiều dài ngay sau khi sinh trong năm đánh giá	
	Từ 95% trở lên	50
	Từ 90% đến dưới 95%	40
	Từ 85% đến dưới 90%	30
	Từ 80% đến dưới 85%	20
	Từ 75% đến dưới 80%	10
	Dưới 75%	0
14	Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng trong năm đánh giá	
	Từ 95% trở lên	50
	Từ 90% đến dưới 95%	40
	Từ 85% đến dưới 90%	30
	Từ 80% đến dưới 85%	20
	Từ 75% đến dưới 80%	10
	Dưới 75%	0
15	Chỉ tiêu 15: Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi) trong năm đánh giá	
	Dưới 20%	50
	Từ 20% đến dưới 25%	40
	Từ 25% đến dưới 30%	30
	Từ 30% đến dưới 35%	20
	Từ 35% đến dưới 40%	10
	Từ 40% trở lên	0
16	Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ học sinh tiểu học và trung học cơ sở được khám sức khỏe trong năm đánh giá	
	Từ 80% trở lên	25
	Từ 60% đến dưới 80%	20
	Từ 40% đến dưới 60%	15
	Từ 20% đến dưới 40%	10
	Từ 10% đến dưới 20%	5
	Dưới 10%	0
17	Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ hộ gia đình (hộ gia đình có trẻ em) sử dụng nước sạch trong năm đánh giá	
	Từ 85% trở lên	50
	Từ 80% đến dưới 85%	40
	Từ 75% đến dưới 80%	30
	Từ 70% đến dưới 75%	20

	Từ 65% đến dưới 70%	10
	Dưới 65%	0
18	Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ hộ gia đình (hộ gia đình có trẻ em) sử dụng hố xí hợp vệ sinh trong năm đánh giá	
	Từ 85% trở lên	50
	Từ 80% đến dưới 85%	40
	Từ 75% đến dưới 80%	30
	Từ 70% đến dưới 75%	20
	Từ 65% đến dưới 70%	10
	Dưới 65%	0
19	Chỉ tiêu 19: Tỷ lệ trẻ em bị tai nạn, thương tích trong năm đánh giá	
	Dưới 1%	25
	Từ 1% đến dưới 3%	15
	Từ 3% đến dưới 5%	5
	Từ 5% trở lên	0
20	Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ huy động trẻ em đến nhóm trẻ, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường mẫu giáo, trường mầm non trong năm đánh giá	
	Từ 95% trở lên	50
	Từ 90% đến dưới 95%	40
	Từ 85% đến dưới 90%	30
	Từ 80% đến dưới 85%	20
	Từ 75% đến dưới 80%	10
	Dưới 75%	0
21	Chỉ tiêu 21: Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi hoặc tỷ lệ trẻ em đủ sáu tuổi nhập học lớp một trong năm đánh giá	
	Đạt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi	50
	Tỷ lệ trẻ em đủ sáu tuổi nhập học lớp một đạt từ 90% trở lên	40
	Tỷ lệ trẻ em đủ sáu tuổi nhập học lớp một đạt từ 85% đến dưới 90%	30
	Tỷ lệ trẻ em đủ sáu tuổi nhập học lớp một đạt từ 80% đến dưới 85%	20
	Tỷ lệ trẻ em đủ sáu tuổi nhập học lớp một đạt từ 75% đến dưới 80%	10
	Tỷ lệ trẻ em đủ sáu tuổi nhập học lớp một đạt dưới 75%	0
22	Chỉ tiêu 22: Phổ cập giáo dục trung học cơ sở hoặc tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trong năm đánh giá	
	Đạt phổ cập trung học cơ sở	75
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt từ 90% trở lên	60

	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt từ 85% đến dưới 90%	45
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt từ 80% đến dưới 85%	30
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt từ 75% đến dưới 80%	15
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt dưới 75%	0
23	Chỉ tiêu 23: Tổ chức các hoạt động có sự tham gia của trẻ em trong năm đánh giá	
	Tổ chức bốn lần trở lên	25
	Tổ chức ba lần	20
	Tổ chức hai lần	15
	Tổ chức một lần	10
	Không tổ chức hoạt động	0
24	Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa (gia đình có trẻ em) trong năm đánh giá	
	Từ 90% trở lên	50
	Từ 85% đến dưới 90%	40
	Từ 80% đến dưới 85%	30
	Từ 75% đến dưới 80%	20
	Từ 70% đến dưới 75%	10
	Dưới 70%	0
25	Chỉ tiêu 25: Điểm vui chơi, giải trí và tổ chức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho trẻ em trong năm đánh giá	
	Có điểm vui chơi, giải trí (sân bóng đá, thư viện, phòng đọc sách cho trẻ em) và tổ chức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho trẻ em (tổ chức trại hè cho thiếu nhi, ngày 1/6, Tết Trung thu)	50
	Không có điểm vui chơi, giải trí nhưng có tổ chức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho trẻ em	30
	Không có điểm vui chơi, giải trí và không tổ chức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho trẻ em	0

Điều 4. Điều kiện công nhận xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em

Xã, phường được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em nếu đạt được số điểm theo quy định sau đây (số điểm tối đa là 1.000 điểm):

1. Các phường thuộc các quận của thành phố trực thuộc Trung ương: nếu đạt từ 850 điểm trở lên thì được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.
2. Các xã, thị trấn thuộc huyện của thành phố trực thuộc Trung ương; xã, phường của thành phố thuộc tỉnh; xã, phường của thị xã thuộc tỉnh; thị trấn của huyện thuộc tỉnh khu vực đồng bằng, trung du; xã, phường của thị xã, thành phố thuộc tỉnh miền núi: nếu đạt từ 750 điểm trở lên thì được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.
3. Các xã, thị trấn thuộc miền núi, hải đảo; xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: nếu đạt từ 650 điểm trở lên thì được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Đánh giá, công nhận xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em

1. Việc đánh giá xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em được thực hiện mỗi năm một lần, tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá.
2. Ủy ban nhân dân xã, phường, căn cứ Quy định này, tự đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
3. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm công nhận xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em.

Điều 6. Chế độ báo cáo

Trước ngày 05 tháng 01 hàng năm, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo kết quả thực hiện Quy định này trong năm trước gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định này; xây dựng và ban hành quy định về trình tự, thủ tục công nhận xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em; kiểm tra, đánh giá, hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu đưa chỉ tiêu về tỷ lệ “xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em” vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.
3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Quy định này theo quy định hiện hành.
4. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu đưa việc đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em thành một tiêu chuẩn để đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm đối với các địa phương.
5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định này tại địa phương.
6. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia giám sát việc thực hiện Quy định này.

Điều 8. Khen thưởng

Xã, phường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em theo Quy định này, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, khen thưởng. Mức tiền thưởng hàng năm đối với xã, phường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em tương đương với mức tiền thưởng hàng năm đối với đơn vị, tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” theo quy định của pháp luật hiện hành về thi đua khen thưởng.

Điều 9. Kinh phí

Kinh phí thực hiện Quy định này được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.



Thiết kế và in ấn: Luck House Graphics Ltd
Giấy phép xuất bản số: 284/QĐLK-LĐ cấp ngày 23 tháng 5 năm 2011
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 26-59/LĐ ngày 17/5/2011
In 300 cuốn, khổ 20,5 x 29,7 cm.